



Quỹ SRMI

Khung bền vững môi trường và xã hội

SRMI Sustainable Renewables
Risk Mitigation Initiative

Please note that the English version of the SRMI Facility E&S Sustainability Framework shall prevail over the other translated versions in case of doubt in its understanding.

MỤC LỤC

1. GIỚI THIỆU	4
2. BỐI CẢNH CỦA QUỸ	5
2.1 Cơ sở hình thành Quỹ.....	5
2.2 Mục tiêu của Quỹ.....	6
2.3 Tổng quan về Quỹ.....	6
2.4 Tiếp cận quản lý rủi ro MTXH	7
3. TIẾP CẬN QUẢN LÝ RỦI RO MTXH TRONG QUỸ	9
3.1 Rủi ro và tác động MTXH tiềm tàng.....	9
3.2 Các tiêu chuẩn MTXH	9
3.3. Rủi ro và tác động MTXH tiềm tàng của các dự án và giảm thiểu.....	11
3.3.1. TCXHMT1	12
3.3.2. TCMTXH2	12
3.3.3. TCMTXH3	12
3.3.4. TCMTXH4	13
3.3.5. TCMTXH5	13
3.3.6. TCMTXH6	13
3.3.7. TCMTXH7	13
3.3.8. TCMTXH8	13
3.3.9. TCMTXH9	14
3.3.10. TCMTXH10	14
4. QUẢN LÝ RỦI RO MTXH KHI CHUẨN BỊ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN.....	15
4.1. Chuẩn bị dự án	15
4.2. Thực hiện dự án.....	16
5. CÔNG BỐ THÔNG TIN, CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI	17
5.1. Huy động sự tham gia của các bên liên quan và công bố thông tin.....	17
5.2. Cơ chế khiếu nại về MTXH.....	18
5.3. Cơ quan giải quyết khiếu nại của Ngân hàng Thế giới	18
PHỤ LỤC 1: MẪU HƯỚNG DẪN KẾ HOẠCH CAM KẾT MTXH	20
PHỤ LỤC 2: DANH MỤC KIỂM TRA KẾ HOẠCH HUY ĐỘNG SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN	29

PHỤ LỤC 3: MẪU HƯỚNG DẪN VỀ KẾ HOẠCH HUY ĐỘNG SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN	32
PHỤ LỤC 4: ĐÁNH GIÁ VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI VÀ NỘI DUNG HƯỚNG DẪN VỀ ESIA VÀ ESMP MTXH	39
PHỤ LỤC 5: HƯỚNG DẪN VỀ KHUNG CHÍNH SÁCH TÁI ĐỊNH CƯ	45
PHỤ LỤC 6: NỘI DUNG HƯỚNG DẪN CHO KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG TÁI ĐỊNH CƯ	52
PHỤ LỤC 7: HƯỚNG DẪN VỀ KHUNG KẾ HOẠCH DÂN TỘC THIỂU SỐ.....	55
PHỤ LỤC 8: NỘI DUNG HƯỚNG DẪN VỀ KẾ HOẠCH NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ.....	61
PHỤ LỤC 9: HƯỚNG DẪN VỀ QUY TRÌNH QUẢN LÝ LAO ĐỘNG	63
PHỤ LỤC 10: GIỚI	67

1. GIỚI THIỆU

Tài liệu này mô tả Khung bền vững về môi trường và xã hội (ESSF) sẽ được tuân thủ trong *Quỹ Sáng kiến giảm thiểu rủi ro năng lượng tái tạo bền vững (SRMI)*. Nó mô tả các tiêu chuẩn, quy trình và công cụ được coi là nền tảng của phương pháp tiếp cận quản lý Môi trường và Xã hội (MTXH) của Quỹ.

Nó cũng bao gồm các biểu mẫu và nội dung hướng dẫn để lập các tài liệu về xã hội và môi trường có thể phải lập sau này cho các dự án được đề xuất trong Quỹ SRMI.

ESSF cũng mô tả các bước chính do Bên vay thực hiện để quản lý các vấn đề môi trường và xã hội liên quan tới các dự án để đáp ứng các Tiêu chuẩn Môi trường và Xã hội của Ngân hàng Thế giới (TCMTXH), như được trình bày trong Khung Môi trường và Xã hội của Ngân hàng Thế giới (ESF).

Với tư cách là một phần của Quỹ SRMI, ESSF này sẽ được áp dụng cho tất cả các dự án thuộc Quỹ. Các dự án này được thực hiện tại Botswana, Cộng hòa Trung Phi (CAR), Cộng hòa Dân chủ Congo (DRC), Kenya, Mali, Namibia, Pakistan, Uzbekistan và Việt Nam.

2. BỐI CẢNH CỦA QUỸ

2.1 Cơ sở hình thành Quỹ

Mặc dù tỷ trọng điện từ năng lượng tái tạo (NLTT) tăng lên hàng năm nhưng vẫn chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ trong tổng sản lượng điện sản xuất ra trên toàn thế giới và còn xa mới đạt được các chỉ tiêu cần thiết để đáp ứng các mục tiêu của Thỏa thuận Paris. Tỷ lệ điện sản xuất trên thế giới từ các nguồn gió, năng lượng mặt trời – gọi chung là năng lượng tái tạo biến đổi (NLTT biến đổi), sinh khối và chuyển hóa rác thải thành điện năng, địa nhiệt, thủy triều và thủy điện nhỏ đã tăng từ 6% năm 2010 lên 12,9% năm 2018. Triển khai điện mặt trời và điện gió ở quy mô lớn rất cần cho các mục tiêu tiếp cận điện, an ninh năng lượng và kịch bản biến đổi khí hậu giữ nhiệt độ toàn cầu tăng dưới 2°C theo Thỏa thuận Paris. Theo Kịch bản phát triển bền vững của Cơ quan năng lượng quốc tế (Triển vọng năng lượng thế giới năm 2018), các nước đang phát triển cần phải lắp đặt 950 GW điện mặt trời và 580 GW điện gió vào năm 2025. Điều này có nghĩa là cần phải lắp đặt thêm 690 GW điện mặt trời và 330 GW điện gió so với công suất hiện nay.

Công suất đặt điện mặt trời và điện gió có chi phí cạnh tranh ở các nước đang phát triển rất hạn chế cho thấy còn tồn tại những rào cản lớn về quy định, cấu trúc và kỹ thuật. Các rào cản chính được nhận diện bao gồm (i) năng lực hạn chế trong lập quy hoạch truyền tải và nguồn điện, (ii) khung pháp lý không đầy đủ cản trở huy động các khoản đầu tư tư nhân bền vững, (iii) khả năng hạn chế trong mua sắm lựa chọn các đơn vị sản xuất điện độc lập (IPP), (iv) năng lực tài chính hạn chế của các bên bao tiêu và (v) thách thức về tích hợp NLTT biến đổi vào lưới điện do lưới điện yếu, đặc biệt là ở khu vực cận Sahara châu Phi.

Ngân hàng Thế giới thông qua Chương trình hỗ trợ quản lý ngành năng lượng (ESMAP), đã xây dựng SRMI để giải quyết những thách thức này và đề xuất hỗ trợ tài chính và kỹ thuật toàn diện cho các quốc gia. Ra mắt vào năm 2018 cho COP 24 dưới sự lãnh đạo của Ngân hàng Thế giới hợp tác với Cơ quan Phát triển Pháp (Agence Française de Développement (AFD)), Cơ quan Năng lượng tái tạo Quốc tế (IRENA) và Liên minh Năng lượng mặt trời quốc tế (ISA), SRMI - trước đây gọi là Sáng kiến giảm thiểu rủi ro điện mặt trời – có mục đích hỗ trợ các quốc gia xây dựng và triển khai các chương trình năng lượng tái tạo bền vững để thu hút đầu tư tư nhân và từ đó giảm phụ thuộc vào các nguồn tài chính công đồng thời tối đa hóa lợi ích kinh tế xã hội cho các quốc gia đó (bao gồm từ quan điểm trao quyền cho phụ nữ).

Trong bối cảnh khủng hoảng do Covid-19, phương pháp tiếp cận độc đáo, tích hợp và có thể nhân rộng của SRMI có thể hỗ trợ các quốc gia thúc đẩy kích thích kinh tế xanh thông qua đầu tư công có mục tiêu làm đòn bẩy cho đầu tư tư nhân ở quy mô lớn. Mục tiêu của SRMI là cung cấp tài trợ phát triển và tài trợ khí hậu cho (i) hỗ trợ kỹ thuật để giúp các quốc gia phát triển các mục tiêu NLTT biến đổi dựa trên bằng chứng, thực hiện chương trình năng lượng tái tạo bền vững và duy trì các quy trình mua sắm vững chắc thông qua các cố vấn giao dịch; (ii) các khoản đầu tư công quan trọng tạo thuận lợi cho tích hợp NLTT biến đổi, tài trợ cho cơ sở hạ tầng công viên điện mặt trời/điện gió và tăng cường tiếp cận điện năng; và (iii) các công cụ giảm thiểu rủi ro để giảm bớt các rủi ro tồn đọng mà các nhà đầu tư tư nhân nhận thức được. Hỗ trợ tài chính cho phát triển năng lượng tái tạo trở nên cần thiết hơn bao giờ hết trong tình hình hiện nay bên cạnh các biện pháp hỗ trợ kinh tế của chính phủ như trợ cấp việc làm ngắn hạn, chuyển tiền mặt trực tiếp cho người dân của mình hoặc hỗ trợ thanh khoản có mục tiêu cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Quỹ SRMI có mục tiêu cung cấp hỗ trợ kỹ thuật và tài chính cho chín quốc gia, bao gồm: Botswana, CAR, DRC, Kenya, Mali, Namibia, Pakistan, Uzbekistan và Việt Nam. Nếu như trong năm 2017, các quốc gia này chỉ chiếm 2,5% tổng lượng phát thải khí nhà kính (GHG) toàn cầu thì theo kịch bản duy trì sản xuất kinh doanh như thông thường (BAU), bình quân các nước này sẽ tăng lượng phát thải của mình lên ba lần trong giai đoạn từ 2017 đến 2030. Với hỗ trợ của quốc tế, chín quốc gia trên đã cam kết đóng góp vào giảm phát thải GHG, đặc biệt chú trọng vào lĩnh vực năng lượng của mình là lĩnh vực đóng góp chính. Tuy nhiên, các nước này hiện đang ưu tiên ứng phó khẩn cấp để quản lý khủng hoảng hiện nay do Covid-19 gây ra. Vấn đề thiết kế phục hồi kinh tế thế nào vẫn rất quan trọng trong việc định hình lộ trình phát thải dài hạn và xác định liệu có đạt được các mục tiêu Đóng góp do Quốc gia tự quyết định (NDC) hay không. Nếu các chính phủ không triển khai các chiến lược và chính sách phát triển ít phát thải carbon để đối phó với cuộc khủng hoảng kinh tế sắp tới thì mức phát thải có thể tăng trở lại và thậm chí cao hơn mức dự kiến trước đây vào năm 2030 trong khi tăng trưởng kinh tế thấp hơn trong giai đoạn đến năm 2030.

Do đó, điều quan trọng trong bối cảnh này là hỗ trợ các nhà hoạch định chính sách xây dựng các can thiệp kích thích xanh bằng tài chính khí hậu ưu đãi làm xúc tác và hỗ trợ một chiến lược trung hạn.

2.2 Mục tiêu của Quỹ

Mục tiêu của Quỹ SRMI bao gồm:

- (i) Khắc phục việc thiếu các dự án NLTT tiềm năng bền vững và khả thi tài chính ở các nước đang phát triển để đạt được các con đường phát triển ít phát thải carbon.
- (ii) Phát triển năng lượng tái tạo là một phần của gói kích thích xanh cho các quốc gia nói trên để hỗ trợ chủ chốt cho phục hồi kinh tế sau Covid-19.

Chương trình NLTT của Quỹ SRMI sẽ rút kinh nghiệm từ những thành công và thất bại của các chính sách điện của các quốc gia và quy trình lựa chọn đơn vị sản xuất điện độc lập (IPP) ở các nước đang phát triển.

2.3 Tổng quan về Quỹ

Các rào cản chính đã nhận diện cần tháo gỡ để thúc đẩy đầu tư tư nhân có thể được phân thành hai nhóm chính: (i) rủi ro xảy ra trong giai đoạn phát triển, tức là trước khi xây dựng và vận hành; và (ii) những rủi ro phát sinh khi dự án bắt đầu đưa vào vận hành. Cả hai loại rủi ro này đều được tính vào chi phí vốn của IPP và của bên cho vay. Những rủi ro đó trở nên trầm trọng hơn trong cuộc khủng hoảng hiện nay và cần có hỗ trợ rủi ro toàn diện để làm đòn bẩy cho đầu tư tư nhân.

Để khắc phục những rủi ro đó, Quỹ SRMI sẽ hỗ trợ các hoạt động theo ba cấu phần, cụ thể là:

- a. **Hợp phần 1: Hỗ trợ kỹ thuật** - tập trung vào hỗ trợ lập kế hoạch toàn diện và tích hợp để xây dựng các quy hoạch nguồn điện chi phí thấp nhất kết hợp với phân tích tích hợp NLTT biến đổi, hỗ trợ pháp lý, tài chính và mua sắm với hỗ trợ của tư vấn giao dịch để lựa chọn các IPP thông qua đấu thầu cạnh tranh và hỗ trợ kỹ thuật và MTXH để chuẩn bị cho các công viên điện mặt trời và điện gió để tổ chức đấu thầu trong tương lai;
- b. **Hợp phần 2: Đầu tư công** - tập trung vào đầu tư công cho cơ sở hạ tầng chung của công viên điện mặt trời và điện gió, nâng cấp lưới để tích hợp NLTT biến đổi (bao gồm ắc quy lưu trữ do nhà nước sở hữu),

khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu của lưới điện và điện khí hóa để tăng khả năng thích ứng của người dân; và

- c. **Hợp phần 3: Các công cụ giảm thiểu rủi ro** - tập trung vào cung cấp các công cụ giảm thiểu rủi ro cho các nhà đầu tư tư nhân đầu tư vào các giải pháp lưu trữ/năng lượng tái tạo nối lưới và ngoài lưới.

Hợp phần hỗ trợ kỹ thuật tập trung vào các rủi ro ở cấp quốc gia/vĩ mô nhằm phát triển các mục tiêu NLTT bền vững để giảm rủi ro lập quy hoạch và cung cấp các mục tiêu dựa trên bằng chứng cho các lộ trình ít phát thải cacbon, giảm rủi ro mua sắm thông qua lựa chọn chắc chắn và minh bạch các IPP và bằng cách tăng cường năng lực nội bộ của chính phủ và giảm thiểu các rủi ro phát triển cho các IPP bằng cách cấp đất và giấy phép thông qua phương án công viên điện mặt trời/điện gió. Hợp phần đầu tư công tập trung vào rủi ro ở cấp độ lưới điện và cơ sở hạ tầng nhằm đảm bảo hạn chế ở mức thấp nhất rủi ro cắt giảm và rủi ro về độ ổn định của lưới điện khi tỷ lệ thâm nhập NLTT biến đổi tăng cao, tăng khả năng chống chịu với các tác động của biến đổi khí hậu của lưới điện, tài trợ cho cơ sở hạ tầng công cộng cần thiết cho các IPP và cung cấp tiếp cận điện cho những người dân dễ bị tổn thương. Hợp phần công cụ giảm thiểu rủi ro tập trung vào các rủi ro còn lại đối với các nhà đầu tư tư nhân nhằm đảm bảo thúc đẩy đầu tư bền vững trong các dự án NLTT nối lưới và ngoài lưới.

Các kết quả chính dự kiến trong Quỹ SRMI bao gồm:

- a. giảm phát thải GHG nhờ tăng đầu tư vào công suất NLTT biến đổi thông qua đầu tư tư nhân vào các dự án nối lưới và ngoài lưới, và tích hợp được NLTT biến đổi,
- b. làm tròn bẫy cho đầu tư tư nhân để giảm bớt gánh nặng cho tài chính công,
- c. tăng cường năng lực của lưới điện cũng như khả năng thích ứng của cộng đồng địa phương xung quanh dự án, và
- d. tăng cường năng lực thể chế và quy định.

Mục tiêu chính của Quỹ là hỗ trợ các quốc gia chuyển dịch sang con đường ít phát thải cacbon và đảm bảo tiếp cận nguồn năng lượng chi phí hợp lý, tin cậy, bền vững và hiện đại cho người dân.

2.4 Tiếp cận quản lý rủi ro MTXH

Mục tiêu của phương pháp quản lý rủi ro của Khung bền vững về Môi trường và Xã hội của Quỹ SRMI bao gồm:

- Đánh giá các rủi ro và tác động môi trường và xã hội của từng dự án được đề xuất;
- Đề xuất các biện pháp thích hợp để tránh, giảm thiểu và/hoặc bù đắp cho những rủi ro này và các tác động của chúng;
- Giám sát thực hiện các biện pháp này trong giai đoạn thực hiện để vận hành;
- Huy động sự tham gia liên tục của các bên liên quan trong suốt chu trình dự án;
- Quản lý các sự kiện không lường trước được và;
- Nâng cao chất lượng của các dự án và hiệu quả thực hiện về môi trường và xã hội của các đối tác.

Các rủi ro và tác động MTXH của tất cả các dự án trong Quỹ SRMI sẽ được đánh giá và quản lý theo Khung Môi trường và Xã hội của Ngân hàng Thế giới (ESF). Theo ESF, Ngân hàng sẽ thỏa thuận với Bên vay về Kế hoạch cam kết MTXH (ESCP) cụ thể cho từng dự án được đề xuất trong Quỹ SRMI. ESCP này sẽ đưa ra các biện pháp thực tiễn và hành động cần thiết cho dự án để đáp ứng các TCMTXH theo khung thời gian xác định, bao gồm các kế hoạch

MTXH cụ thể hoặc các công cụ khác được phát triển cho dự án. Hiệp định pháp lý cho từng dự án sẽ bao gồm nghĩa vụ của Bên vay trong việc thực hiện các biện pháp và hành động quy định trong ESCP, bao gồm các nghĩa vụ của nhà thầu và nhà thầu phụ được phản ánh trong hồ sơ mời thầu và tài liệu hợp đồng.

Ngân hàng sẽ hỗ trợ Bên vay triển khai dự án để thực hiện các biện pháp và hành động được xác định trong ESCP, theo các khung thời gian được quy định trong ESCP và xem xét tình trạng triển khai ESCP với tư cách là một phần của giám sát và báo cáo dự án. Dự thảo ESCP sẽ được công bố sớm nhất có thể và trước khi thẩm định dự án.

ESCP cũng sẽ bao gồm một quy trình để quản lý thích ứng các thay đổi của dự án được đề xuất hoặc các tình huống không lường trước được. ESCP sẽ nêu lên cách thức quản lý và báo cáo các thay đổi hoặc tình huống đó và cách thức thực hiện bất kỳ thay đổi cần thiết nào đối với ESCP và các công cụ quản lý do Bên vay sử dụng.

Tương tự, Bên vay sẽ phải xây dựng một Kế hoạch huy động sự tham gia của các bên liên quan (SEP) với tư cách là một phần của dự án.

3. TIẾP CẬN QUẢN LÝ RỦI RO MTXH TRONG QUỸ

3.1 Rủi ro và tác động MTXH tiềm tàng

Theo ESF của Ngân hàng Thế giới, những rủi ro và tác động MTXH tiềm tàng được tính tới khi tiến hành thẩm định theo Quỹ SRMI sẽ cụ thể cho từng dự án và bao gồm:

- a. Các rủi ro và tác động môi trường, bao gồm những rủi ro: (i) được quy định trong Hướng dẫn về Môi trường, Sức khỏe và An toàn (EHSGs) của Nhóm Ngân hàng Thế giới; (ii) liên quan đến an toàn của cộng đồng; (iii) liên quan đến biến đổi khí hậu và các rủi ro và tác động xuyên biên giới hoặc toàn cầu khác; (iv) kéo theo các mối đe dọa vật chất tới bảo vệ, bảo tồn, duy trì và phục hồi môi trường sống tự nhiên và đa dạng sinh học; và (vi) liên quan đến các dịch vụ sinh thái và hoạt động sử dụng tài nguyên thiên nhiên sống, như thủy sản và lâm sản; và
- b. Các rủi ro và tác động xã hội, bao gồm: (i) các mối đe dọa tới an ninh của con người do leo thang xung đột giữa cá nhân, cộng đồng, quốc gia, gia tăng tội phạm hoặc bạo lực; (ii) nguy cơ tác động của dự án phân bổ không đồng đều cho các cá nhân hoặc nhóm đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, yếu thế hoặc dễ bị tổn thương; (iii) các định kiến, hành vi phân biệt đối xử đối với các cá nhân hoặc tập thể về khả năng tiếp cận các nguồn lực phát triển và lợi ích dự án, đặc biệt là trường hợp những đối tượng khó khăn, yếu thế hoặc dễ bị tổn thương; (iv) các tác động tiêu cực về kinh tế và xã hội liên quan đến hoạt động thu hồi đất không tự nguyện hoặc hạn chế sử dụng đất; (v) các rủi ro hoặc tác động liên quan đến quyền quản lý và sử dụng đất và tài nguyên thiên nhiên, trong đó có tác động của dự án (tùy trường hợp) đến mô hình sử dụng đất và cơ chế quản lý, sử dụng đất tại địa phương, khả năng tiếp cận đất và quỹ đất, an ninh lương thực, giá trị đất đai, các rủi ro liên quan đến các xung đột hoặc tranh chấp về đất đai và tài nguyên thiên nhiên; (vi) các ảnh hưởng đến sức khỏe, sự an toàn và phúc lợi của người lao động và cộng đồng bị ảnh hưởng bởi dự án; và (vii) rủi ro đối với di sản văn hóa.

3.2 Các tiêu chuẩn MTXH

4. Phần này mô tả các khung chính sách sẽ được tuân thủ khi quản lý rủi ro MTXH. Phần chính sách này bao gồm pháp luật trong nước và các chính sách liên quan cũng như TCMTXHS của Ngân hàng Thế giới, là một phần của ESF này. Khi có sự khác nhau giữa luật pháp và chính sách trong nước với ESF thì phải tuân theo ESF.
5. Các TCMTXH đặt ra các yêu cầu đối với Bên vay khi xác định và đánh giá các rủi ro và tác động về môi trường và xã hội của các dự án được Ngân hàng hỗ trợ thông qua tài trợ cho các Dự án Đầu tư, bao gồm các dự án được đề xuất trong Quỹ SRMI. Việc áp dụng các tiêu chuẩn này, với trọng tâm là xác định và quản lý các rủi ro về môi trường và xã hội sẽ giúp Bên vay đạt được mục tiêu giảm nghèo và thúc đẩy thịnh vượng một cách bền vững, mang lại lợi ích cho môi trường và người dân của mình. Các tiêu chuẩn này là: (a) hỗ trợ Bên vay áp dụng được thông lệ quốc tế tốt về phát triển bền vững môi trường và xã hội; (b) giúp Bên vay thực hiện các nghĩa vụ môi trường và xã hội quốc gia và quốc tế của mình; (c) thúc đẩy không phân biệt đối xử, minh bạch, sự tham gia của các bên liên quan, ràng buộc trách nhiệm và quản trị; và (d) nâng cao thành quả phát triển bền vững của các dự án thông qua sự tham gia thường xuyên của các bên liên quan. TCMTXH được áp dụng cho cả đầu tư vật chất và hỗ trợ kỹ thuật.
6. Mười Tiêu chuẩn môi trường và xã hội thiết lập các tiêu chuẩn áp dụng cho các dự án được đề xuất trong Quỹ SRMI trong suốt chu trình của dự án như sau:

- a. **Tiêu chuẩn môi trường và xã hội 1 (TCMTXH1): Đánh giá và quản lý các rủi ro và tác động môi trường và xã hội.** TCMTXH1 đề ra trách nhiệm của Bên vay trong việc đánh giá, quản lý và giám sát các rủi ro và tác động môi trường và xã hội gắn liền với từng giai đoạn của một dự án do Ngân hàng hỗ trợ thông qua Dự án đầu tư, để đạt được các kết quả môi trường và xã hội phù hợp với các TCMTXH.
- b. **Tiêu chuẩn môi trường và xã hội 2 (TCMTXH2): Lao động và điều kiện làm việc.** TCMTXH2 khẳng định tầm quan trọng của vấn đề tạo việc làm và thu nhập trong công cuộc giảm nghèo đồng thời thúc đẩy tăng trưởng kinh tế toàn diện. Bên vay có thể thúc đẩy mối quan hệ lành mạnh giữa người lao động với bên sử dụng lao động như nâng cao các lợi ích về phát triển của dự án bằng việc đảm bảo người lao động trong dự án được đối xử công bằng và có điều kiện lao động an toàn và lành mạnh.
- c. **Tiêu chuẩn môi trường và xã hội 3 (TCMTXH3): Sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, ngăn ngừa và quản lý ô nhiễm.** TCMTXH3 công nhận các hoạt động kinh tế và đô thị hóa thường dẫn tới tình trạng ô nhiễm không khí, nước, đất, làm tiêu hao các nguồn tài nguyên hữu hạn dẫn tới việc có thể đe dọa con người, các dịch vụ sinh thái và môi trường ở cấp địa phương, khu vực và toàn cầu. Nồng độ hiện tại và dự báo của khí nhà kính (GHG) trong khí quyển đang đe dọa sức khỏe và cuộc sống của các thế hệ hiện tại và tương lai. Đồng thời, các hình thức sử dụng tài nguyên hiệu quả, các công nghệ và phương thức phòng ngừa ô nhiễm, phòng tránh và giảm thiểu phát thải khí nhà kính cũng ngày càng để tiếp cận và khả thi hơn.
- d. **Tiêu chuẩn môi trường và xã hội 4 (TCMTXH4): Sức khỏe và an toàn cho cộng đồng.** TCMTXH4 xác định rằng các hoạt động, trang thiết bị, cơ sở hạ tầng của dự án có thể khiến cộng đồng phải đối mặt với nhiều rủi ro và ảnh hưởng hơn. Ngoài ra, những cộng đồng đã phải chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu cũng có thể phải đối mặt với sự tiến triển nhanh hay gia tăng cường độ của các ảnh hưởng do hoạt động dự án gây ra.
- e. **Tiêu chuẩn môi trường và xã hội 5 (TCMTXH5): Thu hồi đất, những hạn chế về sử dụng đất và tái định cư không tự nguyện.** TCMTXH5 khẳng định các hoạt động thu hồi đất, hạn chế sử dụng đất liên quan đến dự án có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến các cộng đồng, cá nhân. Hoạt động thu hồi đất hay hạn chế sử dụng đất² có thể dẫn đến tình huống di dời chỗ ở (tái định cư, mất đất ở, nhà ở), ảnh hưởng kinh tế (mất đất đai, tài sản hay quyền tiếp cận tài sản, dẫn tới mất nguồn thu nhập hay các phương tiện sinh kế khác), hoặc cả hai. “Tái định cư không tự nguyện” là khái niệm được dùng để chỉ những tác động này. Tái định cư được coi là không tự nguyện (tái định cư không tự nguyện) khi những cá nhân, cộng đồng bị ảnh hưởng không được quyền từ chối việc thu hồi đất hay hạn chế sử dụng đất, dẫn tới việc phải di dời.
- f. **Tiêu chuẩn môi trường và xã hội 6 (TCMTXH6): Bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên sống.** TCMTXH6 xác nhận việc bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên sống là yêu cầu cơ bản để phát triển bền vững. Đa dạng sinh học được định nghĩa là quần thể đa dạng các loài sinh vật thuộc mọi nguồn như trên cạn, dưới biển, các hệ sinh thái nước khác, cùng những tổ hợp sinh thái nơi các loài tồn tại, bao gồm cả sự đa dạng trong từng loài, giữa các loài và của các hệ sinh thái. Đa dạng sinh học thường củng cố các dịch vụ hệ sinh thái được đánh giá cao bởi con người. Do vậy, tác động đến đa dạng sinh học thường ảnh hưởng tiêu cực đến việc cung cấp các dịch vụ sinh thái.
- g. **Tiêu chuẩn môi trường và xã hội 7 (TCMTXH7): Dân tộc thiểu số/Các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ.** TCMTXH 7 áp dụng cho các nhóm xã hội và văn hóa riêng biệt được xác định. Thuật ngữ được sử dụng cho những nhóm như vậy thường khác nhau tùy theo từng nước và thường phản ánh các mối quan tâm của quốc gia. TCMTXH 7 sử dụng thuật ngữ “Dân tộc thiểu số/Các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ”, công nhận các nhóm đã xác định có thể được gọi theo các cách khác nhau ở những nước khác nhau. Những thuật ngữ này gồm “Các cộng

đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ,” “Người dân tộc thiểu số bản địa”, “Người bản địa,” “Bộ tộc vùng cao”, “Các nhóm dễ bị tổn thương và bên lề xã hội,” “Bản địa,” “Bộ tộc cổ,” “Dân tộc đầu tiên” or “Các nhóm bộ lạc”, áp dụng cho tất cả các nhóm như vậy, với điều kiện họ đáp ứng các tiêu chí trong TCMTXH 7. Đối với TCMTXH này, thuật ngữ “Dân tộc thiểu số/Các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ” bao gồm tất cả những thuật ngữ thay thế này.

- h. **Tiêu chuẩn môi trường và xã hội 8 (TCMTXH8): Di sản văn hóa.** TCMTXH8 xác định di sản văn hóa có tính liên tục trong các hình thái vật thể, phi vật thể giữa quá khứ, hiện tại và tương lai. Con người coi di sản văn hóa là sự phản ánh, thể hiện các giá trị, tín ngưỡng, kiến thức, truyền thống có sự phát triển không ngừng của mình. Di sản văn hóa, với những hình thức biểu diễn, là nguồn thông tin khoa học, lịch sử giá trị có tầm quan trọng, là một tài sản kinh tế, xã hội phục vụ quá trình phát triển, và là một phần không tách rời của bản sắc, tập quán văn hóa của con người. TCMTXH 8 đưa ra các biện pháp được thiết kế nhằm bảo vệ các di sản văn hóa trong suốt vòng đời dự án.
- i. **Tiêu chuẩn môi trường và xã hội 9 (TCMTXH9): Trung gian tài chính.** TCMTXH9 khẳng định nguồn vốn trong nước dồi dào, thị trường tài chính tốt, và tiếp cận đến các nguồn tài chính là quan trọng đối với phát triển kinh tế, tăng trưởng và giảm nghèo. NHTG cam kết hỗ trợ phát triển khu vực tài chính bền vững và tăng cường vai trò của nguồn vốn và thị trường tài chính trong nước. TCMTXH 9 dự kiến không phù hợp cho các dự án trong Quỹ SRMI.
- j. **Tiêu chuẩn môi trường và xã hội 10 (TCMTXH10): Huy động sự tham gia của các bên liên quan và công bố thông tin.** TCMTXH 10 khẳng định tầm quan trọng của việc tham gia công khai, minh bạch giữa Bên vay và các bên liên quan trong dự án, coi đó là một trong những yếu tố then chốt để có được thông lệ quốc tế tốt. Tham vấn bên liên quan hiệu quả góp phần cải thiện tính bền vững môi trường và xã hội của dự án, nâng cao mức độ chấp nhận dự án, đóng góp hiệu quả cho việc thiết kế và thực hiện thành công dự án.

TCMTXH1 nhấn mạnh tầm quan trọng của: (a) Khung pháp lý về môi trường và xã hội hiện hành của Bên vay để quản lý các rủi ro và tác động của dự án; (b) đánh giá tổng hợp môi trường và xã hội nhằm xác định các rủi ro và tác động của dự án; (c) huy động sự tham gia có hiệu quả của cộng đồng thông qua việc công khai các thông tin dự án, tham vấn và phản hồi hiệu quả; (d) công tác quản lý các rủi ro và tác động môi trường và xã hội của Bên vay trong suốt chu trình của dự án. Ngân hàng Thế giới yêu cầu mọi rủi ro và tác động môi trường và xã hội của dự án phải được quản lý trong quá trình đánh giá môi trường và xã hội được tiến hành theo TCMTXH 1.

TCMTXH2 đến TCMTXH10 qui định nghĩa vụ của Bên vay trong việc xác định và xử lý các rủi ro và tác động môi trường và xã hội cần đặc biệt lưu ý. Những Tiêu chuẩn này đề ra các mục tiêu và yêu cầu nhằm tránh, và giảm thiểu các rủi ro và tác động, bồi thường hay bù đắp cho những tác động tồn dư lớn còn lại sau khi đã thực hiện các biện pháp giảm thiểu.

3.3. Rủi ro và tác động MTXH tiềm tàng của các dự án và giảm thiểu

Các khía cạnh chính được xem xét từ góc độ MTXH được tóm tắt dưới đây. Tuy nhiên, mỗi dự án thuộc Quỹ SRMI sẽ có đánh giá MTXH riêng được hoàn thành trong quá trình chuẩn bị dự án. Vì mục tiêu một số dự án tài trợ cho xây dựng các đường dây 500kV để giải phóng công suất của NLTT biến đổi nên các dự án này của Quỹ sẽ thuộc Loại A theo phân loại của GCF hoặc được xếp loại ở mức cao/đáng kể theo phân loại ESF của Ngân hàng Thế giới.

3.3.1. TCXHMT1

Các dự án dự kiến sẽ mang lại lợi ích trực tiếp đáng kể cho môi trường thông qua tăng cường triển khai năng lượng tái tạo. Chuyển dịch sang tỷ lệ sản xuất điện bằng năng lượng tái tạo cao hơn trong cơ cấu phát điện có lợi cho các quốc gia về mặt phát thải GHG, ô nhiễm không khí, nước và sử dụng tài nguyên nước. Các dự án sẽ giúp tạo thêm đáng kể việc làm, bao gồm công việc liên quan đến xây dựng, tiếp theo là số lượng nhỏ hơn các công việc dài hạn liên quan đến hoạt động vận hành và bảo trì (O&M). Có nhiều cơ hội đáng kể để thúc đẩy việc làm cho lao động nữ (trực tiếp và gián tiếp) thông qua đào tạo và ưu tiên.

Nếu không được quản lý đúng cách, việc phát triển hạ tầng cho các công viên điện mặt trời/điện gió, cũng như xây dựng và vận hành các nhà máy điện NLTT có thể dẫn đến khả năng phải chuyển đổi đất đai (và có thể làm suy giảm chất lượng đất), mất môi trường sống, sử dụng nước quá mức, đặc biệt là trong khu vực khô hạn, xả chất thải nguy hại trong quá trình sản xuất pin mặt trời PV và tua-bin gió và xử lý pin mặt trời, rủi ro cho sức khỏe và an toàn của công nhân và cộng đồng. Tuy nhiên, hầu hết các tác động tiềm tàng này có cường độ/mức độ từ thấp đến trung bình và có thể đảo ngược và chỉ có tính cục bộ về bản chất, do đó có thể dễ dàng ngăn chặn, ví dụ như lựa chọn địa điểm tuân theo các yêu cầu của ESF và giảm thiểu thông qua thông lệ vận hành phù hợp trong quá trình vận hành.

3.3.2. TCMTXH2

Dự kiến sẽ huy động lao động làm việc cho dự án trong tất cả các dự án. Bên vay sẽ phải tuân thủ các yêu cầu của TCMTXH2 như được quy định trong Quy trình quản lý lao động (LMP) được lập cho từng dự án. Cần lập kế hoạch An toàn và Sức khỏe lao động (OHS) theo hướng dẫn EHS của Nhóm Ngân hàng Thế giới.

Dòng lao động này sẽ có một loạt các tác động, bao gồm điều kiện lao động, sức khỏe, an toàn, GBV, xung đột, v.v., không chỉ trong phạm vi các công nhân dự án mà còn cả cộng đồng địa phương. Những rủi ro này cần được đánh giá là một phần trong đánh giá MTXH và được quản lý theo LMP và các tài liệu MTXH khác. Tất cả các biện pháp phù hợp sẽ được phản ánh trong các hồ sơ mời thầu và tài liệu hợp đồng.

Cần thiết lập cơ chế giải quyết khiếu nại riêng cho công nhân dự án theo từng dự án. Cơ chế này tách riêng với Cơ chế giải quyết khiếu nại chung của dự án.

3.3.3. TCMTXH3

Quy đề xuất có liên quan rất nhiều tới các mục tiêu và yêu cầu của TCMTXH3. Do đó, các công nghệ và quy trình tiết kiệm năng lượng, đầu tư bảo tồn năng lượng, thực hành tốt nhất của NLTT và các lợi ích giảm GHG sẽ được phản ánh trong thiết kế dự án và công cụ MTXH.

Rủi ro và tác động hạ nguồn liên quan đến sự khan hiếm nước tiềm tàng (cũng xem xét nguồn nước theo mùa và các tác động tích lũy theo nhiều nhu cầu), thải ra các tác nhân gây ô nhiễm, hình thành chất thải, quản lý vật liệu xử lý và chất thải nguy hại, các tác động đến cộng đồng và hiệu quả sử dụng tài nguyên sẽ được đánh giá cho từng dự án. Tuy nhiên, hầu hết các tác động tiềm tàng này có cường độ/mức độ thấp đến trung bình và có thể đảo ngược và chỉ có tính cục bộ về bản chất, do đó có thể dễ dàng giảm thiểu.

Trong giai đoạn xây dựng các công viên điện mặt trời và điện gió, có thể có một số tác động tiêu cực đến môi trường và xã hội, bao gồm suy giảm chất lượng không khí do bụi và khí thải trong các hoạt động xây dựng. Những tác động này đòi hỏi đánh giá thích hợp và các biện pháp quản lý bao gồm trong đó. Kế hoạch quản lý chất thải và ô nhiễm trong các giai đoạn xây dựng và vận hành sẽ được lập để đáp ứng yêu cầu của TCMTXH này.

3.3.4. TCMTXH4

Các yêu cầu của TCMTXH4 sẽ được tính đến khi triển khai các hoạt động của từng dự án. Mặc dù xây dựng và vận hành các nhà máy điện/gió mặt trời có những rủi ro kèm theo cả khi hoạt động bình thường và tai nạn tiềm tàng, nhưng cho đến nay chưa xảy ra bất kỳ tai nạn nào ở mức độ nghiêm trọng như khi sản xuất năng lượng theo các hình thức khác (ví dụ như thủy điện). Có khả năng phát ra tiếng ồn khi vận hành máy móc xây dựng và các hoạt động vận chuyển liên quan, gây phiền cho toái cộng đồng, v.v. Những tác động này đòi hỏi phải có các biện pháp quản lý và đánh giá thích hợp để ngăn chặn chúng. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm lập các kế hoạch quản lý giao thông để đảm bảo gây ra ít xáo trộn nhất trong quá trình thực hiện và vận hành.

Các tác động tới sức khỏe cộng đồng này và các tác động tiềm tàng khác và các can thiệp cần thiết theo TCMTXH4 có thể được quản lý thông qua các kế hoạch riêng biệt hoặc là một phần của ESMP của dự án.

3.3.5. TCMTXH5

Nhu cầu đất cho công viên điện mặt trời và điện gió là khá lớn. Thu hồi đất đai hoặc hạn chế sử dụng đất tiềm tàng sẽ được đánh giá và quản lý theo cách phù hợp với các yêu cầu của TCMTXH5 để tránh, hạn chế, giảm thiểu và bồi thường ở giá thay thế khi thu hồi đất dựa vào thẩm định và các kế hoạch được lập theo TCMTXH5.

Nội dung hướng dẫn lập khung chính sách tái định cư được trình bày trong Phụ lục 5. Bên vay có trách nhiệm lập khung này đáp ứng yêu cầu của Ngân hàng, khung chính sách tái định cư và/hoặc kế hoạch tái định cư ở cấp độ dự án sẽ được lập phù hợp với yêu cầu của TCMTXH5.

3.3.6. TCMTXH6

Các dự án điện mặt trời/điện gió trong tương lai, nếu không được thiết kế và bố trí hợp lý, có thể dẫn đến mất hoặc suy thoái môi trường sống và các tác động bất lợi khác đối với đa dạng sinh học và tài nguyên thiên nhiên sống. Các dự án này cần phải thận trọng để đảm bảo tác động của chúng đối với môi trường sống tự nhiên, hệ sinh thái trên cạn và dưới nước và các loài được đánh giá và quản lý tốt. Tất cả các dự án sẽ phải có các biện pháp để đảm bảo tuân thủ TCMTXH6.

3.3.7. TCMTXH7

Có sự hiện diện của cộng đồng dân tộc thiểu số (IP) trong khu vực dự án hay có sự gắn kết tập thể của họ đối với các khu vực đó sẽ được sàng lọc và Ngân hàng xác nhận sau khi tham vấn các cơ quan chính quyền. Sau khi được xác nhận, tính nhất quán với các mục tiêu và yêu cầu của TCMTXH7 sẽ được tích hợp vào thiết kế dự án và các tài liệu MTXH, bao gồm cả phát triển kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số hoặc các kế hoạch khác tùy thuộc vào quốc gia và bối cảnh dự án và có sự đồng thuận trước, tự nguyện với đầy đủ thông tin trong các trường hợp quy định trong TCMTXH7.

3.3.8. TCMTXH8

Dự án sẽ tiến hành sàng lọc địa điểm dự án và đánh giá các tác động tiềm tàng đối với di sản văn hóa, cả hữu hình và vô hình.

Lựa chọn địa điểm cho từng dự án sẽ chú ý đến di sản văn hóa và áp dụng TCMTXH8 sẽ được đánh giá thêm theo từng dự án. Trong trường hợp không có di sản văn hóa rõ ràng tại địa điểm xây dựng các công trình xây lắp, thủ tục phát hiện tình cờ sẽ là một phần của công cụ MTXH.

3.3.9. TCMTXH9

Dự kiến các dự án không phải là các dự án trung gian tài chính.

3.3.10. TCMTXH10

Các bên liên quan có thể bao gồm các cộng đồng, cá nhân bị ảnh hưởng bởi dự án và các đại diện chính thức và không chính thức của họ, chính quyền trung ương hay địa phương, các chính trị gia, các tổ chức tôn giáo hay cộng đồng và các nhóm xã hội dân sự có quan tâm cụ thể, các cộng đồng học thuật và kinh doanh. Việc xác định các bên bị ảnh hưởng bởi dự án (cá nhân hoặc tập thể) cũng sẽ bao gồm những người mà do hoàn cảnh của họ có thể bị yếu thế hoặc dễ bị tổn thương; tức là những người có thể có nhiều khả năng bị ảnh hưởng bởi các tác động của dự án và/hoặc bị hạn chế hơn so với những người khác trong việc tận dụng những lợi ích của dự án trong khả năng của mình.

Mỗi dự án sẽ được lập một SEP, để đảm bảo tính minh bạch và tham vấn có ý nghĩa với các bên bị ảnh hưởng bởi dự án và các bên có quan tâm. Huy động sự tham gia và tham vấn của các bên liên quan sẽ được tiến hành trong suốt chu trình dự án. Điều này bao gồm các cuộc thảo luận về thiết kế dự án và các tác động cũng như các cuộc thảo luận của nhiều bên liên quan về các vấn đề này trong giai đoạn chuẩn bị. SEP, cùng với các công cụ MTXH khác cần phải tham vấn cộng đồng và công bố theo yêu cầu của TCMTXH10 và sẽ được coi là một tài liệu sống được cập nhật thường xuyên khi cần trong quá trình thực hiện dự án.

4. QUẢN LÝ RỦI RO MTXH KHI CHUẨN BỊ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Các dự án của chín quốc gia thuộc Quỹ SRMI hiện đang ở các giai đoạn phát triển khác nhau – từ xác định tới ý tưởng dự án. Phần dưới đây trình bày các bước thẩm định chính cần thực hiện cho từng MTXH của dự án theo Chính sách Môi trường và Xã hội của Ngân hàng và Chính sách Tài trợ Dự án Đầu tư.

4.1. Chuẩn bị dự án

Ngân hàng tiến hành thẩm định môi trường và xã hội của tất cả các dự án đề xuất hỗ trợ thông qua tài trợ dự án đầu tư thuộc Quỹ, phù hợp với chính sách và thủ tục của Quỹ. Mục đích của thẩm định môi trường và xã hội là giúp Ngân hàng quyết định có nên hỗ trợ cho dự án đề xuất hay không, và nếu có thì cách thức giải quyết các rủi ro và tác động môi trường và xã hội trong đánh giá, phát triển và thực hiện dự án thế nào.

Thẩm định môi trường và xã hội của Ngân hàng sẽ phù hợp với bản chất và quy mô của dự án và tỷ lệ thuận với mức độ rủi ro và tác động môi trường và xã hội, liên quan đến trình tự giảm thiểu. Công tác thẩm định sẽ đánh giá xem dự án có khả năng được phát triển và thực hiện theo các TCMTXH hay không.

Trách nhiệm thẩm định của Ngân hàng sẽ bao gồm, ở mức độ phù hợp: (a) xem xét thông tin do Bên vay cung cấp liên quan đến các rủi ro và tác động môi trường và xã hội của dự án và yêu cầu thông tin bổ sung liên quan nếu chưa đủ để Ngân hàng hoàn thành công tác thẩm định của mình; và (b) hướng dẫn để hỗ trợ Bên vay xây dựng các biện pháp phù hợp với trình tự giảm thiểu để giải quyết các rủi ro và tác động môi trường và xã hội theo TCMTXH. Bên vay có trách nhiệm đảm bảo cung cấp tất cả các thông tin liên quan cho Ngân hàng để Ngân hàng có thể thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình để thẩm định môi trường và xã hội theo ESF.

Ở giai đoạn ý tưởng, Ngân hàng sẽ lập và công bố Tóm tắt rà soát môi trường và xã hội (ESRS), cung cấp thông tin về loại và phạm vi của dự án đề xuất, những rủi ro và tác động tiềm tàng của dự án, loại đánh giá môi trường và xã hội sẽ được thực hiện và thông tin về khung thời gian dự kiến để tiến hành đánh giá. Điều này cũng bao gồm các thông tin sơ bộ về đặc điểm của các bên có liên quan và bản chất của việc huy động sự tham gia của các bên liên quan. Trong ESRS của giai đoạn ý tưởng, Ngân hàng sẽ phân loại mọi dự án thành một trong bốn nhóm ESF:

- Cao,
- Đáng kể,
- Trung bình và
- Thấp.

Để quyết định nhóm rủi ro phù hợp, Ngân hàng sẽ xem xét một số vấn đề liên quan như loại hình, địa điểm, mức độ nhạy cảm và qui mô của dự án; tính chất, mức độ cao thấp của các rủi ro và tác động môi trường và xã hội; năng lực và mức độ cam kết của Bên vay (và những đơn vị khác tham gia thực hiện dự án) trong việc quản lý các rủi ro và tác động môi trường và xã hội theo phương thức phù hợp với các TCMTXH. Những loại hình rủi ro khác cũng có thể liên quan đến việc thực hiện và kết quả của các biện pháp giảm thiểu tác động và rủi ro về môi trường và xã hội tùy vào từng dự án và bối cảnh dự án. Đó có thể là các yếu tố pháp lý, thể chế; tính chất của biện pháp giảm thiểu, công nghệ được đề xuất; cơ cấu quản trị, luật định; và các yếu tố khác về sự ổn định, mâu thuẫn hay vấn đề an ninh. Ngân hàng sẽ công bố thông tin phân loại dự án và cơ sở phân loại trên trang web của Ngân hàng và trong các tài liệu dự án.

Ngân hàng sẽ thường xuyên rà soát lại kết quả phân loại rủi ro dự án, kể cả trong giai đoạn thực hiện, và sẽ thay đổi kết luận về phân loại nếu cần để bảo đảm kết quả phân loại phù hợp đối với rủi ro môi trường và xã hội tiềm tàng của dự án. Bất kỳ thay đổi nào đối với phân loại dự án sẽ được công bố trên trang web của Ngân hàng.

Trước khi Ngân hàng bắt đầu thẩm định từng dự án, Ngân hàng sẽ lập và công bố ESRS giai đoạn thẩm định cho dự án đó và bất kỳ tài liệu dự thảo nào được Bên vay công bố liên quan đến đánh giá môi trường và xã hội của Dự án. Tài liệu dự thảo xác định và xem xét, chi tiết đầy đủ, các rủi ro và tác động môi trường và xã hội chính của Dự án. Nó cung cấp các thông tin chính xác và liên quan về các rủi ro và tác động đó, bao gồm tóm tắt các phát hiện chính và các biện pháp giảm thiểu được đề xuất. Trường hợp các khía cạnh MTXH của tài liệu dự thảo sẽ được phát triển ở giai đoạn sau, tài liệu dự thảo phải bao gồm một đề cương về những gì sẽ được thực hiện, bao gồm mọi nghiên cứu hoặc đánh giá sẽ được hoàn thành, và điều này sẽ được ghi lại trong ESCP. Để thẩm định, Bên vay cần chuẩn bị và công bố ESCP và Kế hoạch huy động sự tham gia của các bên liên quan (SEP) cho mỗi dự án. ESCP sẽ mô tả các công cụ quản lý khác nhau mà Bên vay sẽ sử dụng để xây dựng và thực hiện các biện pháp và hành động đã thỏa thuận. Các công cụ quản lý này sẽ bao gồm, ở mức độ phù hợp, các kế hoạch quản lý môi trường và xã hội, khung quản lý môi trường và xã hội, các chính sách hoạt động, sổ tay hướng dẫn hoạt động, hệ thống quản lý, thủ tục, thực tiễn và đầu tư vốn. Tất cả các công cụ quản lý sẽ áp dụng trình tự giảm thiểu và kết hợp các biện pháp để dự án có thể đáp ứng được các yêu cầu của pháp luật và các quy định hiện hành và TCMTXHs phù hợp với ESCP trong suốt chu trình dự án. Cả hai mẫu tài liệu này đều có trong phần phụ lục. Bất kỳ công cụ MTXH nào khác, nếu được chuẩn bị, cũng sẽ được công bố trước khi thẩm định.

4.2. Thực hiện dự án

Ngân hàng sẽ giám sát công tác môi trường và xã hội của dự án dựa trên các yêu cầu nêu trong thỏa thuận pháp lý, bao gồm cả ESCP và sẽ xem xét mọi điều chỉnh của ESCP bao gồm những thay đổi do thay đổi thiết kế hoặc hoàn cảnh dự án. Mức độ và phương thức giám sát công tác môi trường và xã hội của Ngân hàng sẽ tương ứng với mức độ của các rủi ro và tác động môi trường và xã hội tiềm tàng của dự án. Ngân hàng Thế giới sẽ thường xuyên giám sát dự án theo yêu cầu của chính sách và thủ tục của Ngân hàng về Tài trợ Dự án Đầu tư.

Ngân hàng sẽ hỗ trợ thực hiện công tác môi trường và xã hội của dự án, bao gồm cả việc xem xét các báo cáo giám sát của Bên vay về sự tuân thủ các quy định của thỏa thuận pháp lý, kể cả các quy định trong ESCP của dự án.

5. CÔNG BỐ THÔNG TIN, CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

5.1. Huy động sự tham gia của các bên liên quan và công bố thông tin

Các thông tin liên quan sẽ được công bố bằng ngôn ngữ và hình thức sao cho các cộng đồng mục tiêu và các đồng đảo công chúng có thể tiếp cận được, có tính đến bất kỳ nhu cầu cụ thể của tập thể rằng bị ảnh hưởng khác nhau bởi dự án hoặc các nhóm có nhu cầu thông tin cụ thể (chẳng hạn như người khuyết tật, mù chữ, giới tính, khác biệt về ngôn ngữ hoặc khả năng tiếp cận). Thông tin về Dự án sẽ được công bố để các bên liên quan hiểu được rủi ro và tác động của dự án - nhấn mạnh các rủi ro và tác động tiềm tàng có thể ảnh hưởng không đồng đều đến các nhóm yếu thế và dễ bị tổn thương và mô tả các biện pháp khác nhau để tránh và giảm thiểu hoặc giảm nhẹ các tác động.

Các bên liên quan có thể bao gồm các cộng đồng, cá nhân bị ảnh hưởng bởi dự án và các đại diện chính thức và không chính thức của họ, chính quyền trung ương hay địa phương, các chính trị gia, các tổ chức tôn giáo hay cộng đồng và các nhóm xã hội dân sự có quan tâm cụ thể, các cộng đồng học thuật và kinh doanh. Việc xác định các bên bị ảnh hưởng bởi dự án (cá nhân hoặc tập thể) cũng sẽ bao gồm những người mà do hoàn cảnh của họ có thể bị yếu thế hoặc dễ bị tổn thương; tức là những người có thể có nhiều khả năng bị ảnh hưởng bởi các tác động của dự án và/hoặc bị hạn chế hơn so với những người khác trong việc tận dụng những lợi ích của dự án trong khả năng của mình. Mỗi cá nhân/tập thể như vậy cũng dễ bị gạt ra ngoài lề/không được tham gia đầy đủ vào quá trình tham vấn và vì vậy có thể cần đến những biện pháp và/hoặc hỗ trợ cụ thể để có thể tham gia đầy đủ. Điều này là cần thiết để đảm bảo sự tham gia rộng rãi và toàn diện của các cộng đồng trong vùng dự án, đặc biệt tập trung vào phụ nữ là những người thường được gạt ra khỏi các quá trình ra quyết định ở các nước mục tiêu. Sự tham gia đó sẽ được thực hiện thông qua cách tiếp cận nhạy cảm về văn hóa và dựa trên sự tham gia có ý nghĩa và sự đồng thuận trước, tự nguyện với đầy đủ thông tin (FPIC) trong trường hợp có tác động tiêu cực tới người dân tộc thiểu số trong các trường hợp quy định trong TCMTXH7. Các cộng đồng sẽ được cung cấp các phương án để họ có thể tiếp cận các lợi ích của dự án, với phạm vi nhắm tới các nhóm dễ bị tổn thương.

Một phân tích đầy đủ về các bên liên quan sẽ được tiến hành cho từng dự án. Mức độ phân tích để xác định các bên liên quan được thông báo bởi mức độ rủi ro tiềm ẩn và tác động ảnh hưởng đến họ. Phân tích về các bên liên quan sẽ được thực hiện cho tất cả các cấu phần của dự án.

Các nhóm có lợi ích liên quan dự kiến bị tác động bởi các dự án SRMI dựa trên đánh giá sơ bộ được xác định như sau và tuân theo định nghĩa rộng hơn về các bên liên quan được trình bày ở trên:

- a. Người dân, các nhóm xã hội và tổ chức nhận được lợi ích trực tiếp và/hoặc gián tiếp từ dự án. Những người hưởng lợi mục tiêu bao gồm: (i) khách hàng mới tiềm năng trong các dự án nối lưới và điện khí hóa bao gồm người dân tộc thiểu số, (ii) lao động dự án tiềm năng.
- b. Các cộng đồng có khả năng bị ảnh hưởng tiêu cực bao gồm: (i) chủ đất/cộng đồng bị ảnh hưởng, (ii) các cộng đồng dân tộc thiểu số. Khi huy động sự tham gia của các bên liên quan với các cá nhân và cộng đồng địa phương phụ thuộc nhiều vào các đại diện cộng đồng (trưởng thôn, trưởng tộc, lãnh đạo cộng đồng và tôn giáo, đại diện chính quyền địa phương, đại diện xã hội dân sự), trên thực tế cần phải nỗ lực để xác minh rằng những người đó thực sự đại diện cho quan điểm của các cá nhân và cộng đồng đó, và họ đang tạo điều kiện cho quá trình giao tiếp một cách phù hợp.

- c. Các nhóm quan tâm bao gồm: (i) các cơ quan chính quyền địa phương, (ii) các tổ chức phi chính phủ/NGOs, các tổ chức xã hội dân sự/CSOs và các tổ chức phát triển khác hoạt động trong lĩnh vực NLTT biến đổi, (iii) các tổ chức đại diện của người dân tộc thiểu số, và (iv) các công ty tư nhân.

Các cơ quan thực hiện và các cơ quan có thẩm quyền để quản lý rủi ro môi trường và xã hội bao gồm các tổ chức và cơ quan có ảnh hưởng và đưa ra quyết định về việc thực hiện tiểu dự án. Những nhóm này bao gồm: (i) cơ quan chính quyền trung ương và (ii) chính quyền địa phương. Mức độ tham gia sẽ phụ thuộc vào vai trò và thẩm quyền tương ứng của họ trong việc quản lý rủi ro môi trường và xã hội.

5.2. Cơ chế khiếu nại về MTXH

Là một phần của ESP ở cấp độ dự án cho từng dự án đề xuất trong Quỹ SRMI, cơ chế giải quyết khiếu nại (GRM) sẽ do từng cơ quan thực hiện lập và thực hiện để tiếp nhận và tạo điều kiện giải quyết các mối quan tâm của và khiếu kiện của các cộng đồng bị ảnh hưởng bởi dự án cũng như các bên liên quan rộng hơn, những người có thể bị ảnh hưởng hoặc quan tâm đến dự án, liên quan đến các hoạt động của dự án. Mục đích của GRM nói chung là (a) tăng cường trách nhiệm cho những người thụ hưởng và (b) cung cấp cách thức để các bên liên quan của dự án đưa ra phản hồi và/hoặc bày tỏ khiếu nại liên quan đến các hoạt động của dự án. GRM có nghĩa là một cơ chế đáng tin cậy và dễ tiếp cận, cho phép các vấn đề được xác định và giải quyết một cách kịp thời và được phối hợp, và nó sẽ sử dụng các cơ chế khiếu nại chính thức hoặc không chính thức hiện có. Cơ chế này không chỉ để nhận và ghi lại các khiếu nại mà còn để giải quyết và truyền đạt lại trạng thái giải quyết cho người khiếu nại để đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.

GRM có thể bao gồm những nội dung sau:

- a. Các hình thức khác nhau để người dùng có thể gửi khiếu nại như khiếu nại trực tiếp, qua điện thoại, tin nhắn, thư, e-mail hoặc qua trang web, v.v.;
- b. Sổ ghi để đối tượng ghi ý kiến khiếu nại, lưu vào cơ sở dữ liệu;
- c. Các quy trình công khai, có quy định thời hạn tiếp nhận, trả lời, giải quyết khiếu nại;
- d. Minh bạch quy trình khiếu nại, cơ chế quản lý, người ra quyết định;
- e. Quy trình phúc thẩm (bao gồm cả bộ máy tư pháp của quốc gia) để tiếp tục gửi đơn thư nếu chưa khiếu kiện không được xử lý.
- f. Đưa ra phương án hòa giải nếu các bên không thỏa mãn với giải pháp đề xuất.

5.3. Cơ quan giải quyết khiếu nại của Ngân hàng Thế giới

Các cộng đồng và cá nhân khi thấy là họ bị tác động tiêu cực bởi một dự án do Ngân hàng Thế giới hỗ trợ (bao gồm các dự án trong Quỹ SRMI) có thể gửi khiếu nại lên cơ chế giải quyết khiếu nại hiện có của dự án hoặc Ban giải quyết khiếu nại của Ngân hàng (GRS). GRS đảm bảo các khiếu nại nhận được sẽ được xem xét kịp thời để giải quyết các lo ngại liên quan đến dự án. Các cộng đồng và cá nhân bị ảnh hưởng của dự án có thể gửi khiếu nại của mình lên Ban thanh tra độc lập của Ngân hàng Thế giới. Ban Thanh tra sẽ xác định có thiệt hại nào xảy ra do hậu quả trực tiếp của việc Ngân hàng Thế giới không tuân thủ các chính sách hoặc quy trình hay không. Khiếu nại có thể được gửi bất cứ lúc nào sau khi những lo ngại được gửi trực tiếp cho Ngân hàng Thế giới và Ban lãnh đạo của Ngân hàng đủ cơ hội để phản hồi. Để biết thông tin về cách gửi khiếu nại đến GRS của Ngân hàng Thế giới, vui

lòng truy cập <http://www.worldbank.org/en/projects-operations/products-and-service/grievance-redress-service>. Để biết thông tin về cách gửi khiếu nại đến Ban Thanh tra của Ngân hàng Thế giới, vui lòng truy cập trang web www.inspectionpanel.org.

PHỤ LỤC 1: MẪU HƯỚNG DẪN KẾ HOẠCH CAM KẾT MTXH

[Tên Bên vay/Cơ quan thực hiện dự án]

[Tên và số dự án]

[Phiên bản Dự thảo/Đã đàm phán/Sửa đổi]

KẾ HOẠCH CAM KẾT MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI (ESCP)

[Ngày]

1. [Tên Bên vay] [sẽ thực hiện] [đang thực hiện] [tên] Dự án (**Dự án**), với sự tham gia của các Bộ/cơ quan/đơn vị sau: [tên] [thêm các Bộ/cơ quan/đơn vị khác có liên quan]. [Ngân hàng Tái thiết và Phát triển Quốc tế/Hiệp hội Phát triển Quốc tế] (sau đây gọi là [Ngân hàng/Hiệp hội]) [đã đồng ý cung cấp] [đang cung cấp] tài trợ cho Dự án.
2. [Tên Bên vay] sẽ thực hiện các biện pháp và hành động để Dự án được thực hiện theo Tiêu chuẩn Môi trường và Xã hội (**TCMTXH**). Kế hoạch cam kết môi trường và xã hội (**ESCP**) này đưa ra các biện pháp và hành động, các tài liệu hoặc kế hoạch cụ thể, cũng như thời gian cho từng kế hoạch này.
3. [Tên Bên vay] cũng sẽ tuân thủ các quy định của các tài liệu MTXH khác được yêu cầu theo ESF và được đề cập trong ESCP này, chẳng hạn như Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội (ESMP), Kế hoạch hành động tái định cư (RAP), Kế hoạch dân tộc thiểu số (IPP) và Kế hoạch huy động sự tham gia của các bên liên quan (SEP) và các mốc thời gian quy định trong các tài liệu MTXH đó.
4. [Tên Bên vay] chịu trách nhiệm tuân thủ tất cả các yêu cầu của ESCP ngay cả khi việc thực hiện các biện pháp và hành động cụ thể được thực hiện bởi Bộ, cơ quan hoặc đơn vị được tham chiếu trong đoạn 1 trên đây.
5. Việc thực hiện các biện pháp và hành động được quy định trong ESCP này sẽ được theo dõi và báo cáo cho [Ngân hàng/Hiệp hội] theo [Tên Bên vay] theo yêu cầu của ESCP và các điều kiện ràng buộc trong thỏa thuận pháp lý và [Ngân hàng/Hiệp hội] sẽ giám sát và đánh giá tiến độ và hoàn thành các biện pháp và hành động đó trong quá trình thực hiện Dự án.
6. Theo thỏa thuận của [Ngân hàng/Hiệp hội] và [Tên Bên vay], ESCP này có thể được sửa đổi tại từng thời điểm trong quá trình thực hiện Dự án, để phản ánh quản lý thích ứng với các thay đổi của Dự án và các tình huống không lường trước hoặc để đáp ứng đánh giá hiệu quả Dự án được thực hiện theo ESCP. Trong những trường hợp như vậy, [Tên Bên vay/hoặc đại diện] sẽ đồng ý về các thay đổi với [Ngân hàng/Hiệp hội] và sẽ cập nhật ESCP để phản ánh những thay đổi đó. Thống nhất về các thay đổi đối với ESCP sẽ được chính thức thông qua thư trao đổi giữa [Ngân hàng/Hiệp hội] và [Tên Bên vay/hoặc đại diện]. [Tên Bên vay/hoặc đại diện] sẽ công bố bản ESCP cập nhật một cách kịp thời.

Khi Dự án thay đổi, hoàn cảnh không lường trước được hoặc thực hiện Dự án dẫn đến thay đổi rủi ro và tác động trong quá trình thực hiện Dự án, [Tên Bên vay] sẽ bổ sung ngân sách nếu cần, để thực hiện các hành động và biện

pháp để giải quyết các rủi ro và tác động đó, có thể bao gồm [*chỉ ra các rủi ro và tác động có liên quan đến Dự án, chẳng hạn như các tác động về môi trường, sức khỏe và an toàn, dòng lao động, bạo lực trên cơ sở giới*].

BIỆN PHÁP VÀ HÀNH ĐỘNG		KHUNG THỜI GIAN	TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ
GIÁM SÁT VÀ BÁO CÁO			
A	<p>BÁO CÁO ĐỊNH KỲ Kết quả thực hiện [Môi trường, xã hội, sức khỏe và an toàn (ESHS) cần được theo dõi và báo cáo cho Ngân hàng Thế giới. Điều này cần được phản ánh trong ESCP, xem ví dụ dưới đây]</p> <p>Lập và nộp cho [Ngân hàng/Hiệp hội] báo cáo giám sát định kỳ về kết quả thực hiện môi trường, xã hội, sức khỏe và an toàn (ESHS) của Dự án, bao gồm nhưng không giới hạn việc thực hiện ESCP, tình trạng lập và thực hiện các tài liệu MTXH cần thiết theo ESCP, các hoạt động huy động sự tham gia của các bên liên quan, hoạt động của cơ chế khiếu nại.</p>	<p>[Ghi rõ tần suất báo cáo, như hàng quý, sáu tháng, hàng năm trong suốt quá trình thực hiện Dự án].</p>	
B	<p>SỰ CỐ VÀ TAI NẠN [Thông báo sự cố và tai nạn là một yêu cầu quan trọng của TCMTXH1. Xem ví dụ dưới đây].</p> <p>Thông báo kịp thời cho [Ngân hàng/Hiệp hội] về bất kỳ sự cố hoặc tai nạn nào liên quan đến Dự án có hoặc có khả năng gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, cộng đồng bị ảnh hưởng, dân cư hoặc người lao động [bao gồm] [nêu rõ các ví dụ về sự cố và tai nạn, ở mức độ phù hợp cho loại hình hoạt động]. Cung cấp đầy đủ chi tiết về sự cố hoặc tai nạn, chỉ rõ các biện pháp được thực hiện tức thời hoặc được lên kế hoạch thực hiện để giải quyết, và bất kỳ thông tin nào do nhà thầu và đơn vị giám sát cung cấp, nếu phù hợp. Sau đó, theo yêu cầu của [Ngân hàng/Hiệp hội], lập báo cáo về sự cố hoặc tai nạn và đề xuất các biện pháp để ngăn chặn sự việc tái diễn.</p>	<p>[Ghi rõ khung thời gian thông báo, ví dụ: Thông báo cho Ngân hàng trong vòng 48 giờ sau khi biết sự cố hoặc tai nạn] [thời gian nộp báo cáo tiếp theo sẽ được Ngân hàng quy định, ví dụ: Báo cáo sẽ được cung cấp trong khung thời gian được Ngân hàng/Hiệp hội chấp thuận, theo yêu cầu]</p>	
C	<p>BÁO CÁO THÁNG CỦA NHÀ THẦU [Trong hợp đồng xây lắp sử dụng mẫu tài liệu mua sắm của Ngân hàng, các nhà thầu phải cung cấp báo cáo giám sát hàng tháng cho Đơn vị thực hiện Dự án. Nếu cần, các nhóm có thể đưa vào nội dung quy định các báo cáo tháng đó sẽ được Bên vay gửi cho Ngân hàng khi có yêu cầu]</p>		
TCMTXH 1: ĐÁNH GIÁ VÀ QUẢN LÝ RỦI RO VÀ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI			
1.1	<p>CƠ CẤU TỔ CHỨC [Nêu rõ liệu có cần phân công/thuê thêm nhân sự để làm việc cho Dự án như trong ví dụ dưới đây].</p> <p>Thiết lập và duy trì cơ cấu tổ chức với đội ngũ nhân sự và nguồn lực có trình độ để hỗ trợ quản lý rủi ro MTXH [bao gồm] [khi có liên quan, xác định các vị trí cụ thể để quản lý ESHS là một phần của cơ cấu tổ chức, ví</p>	<p>[Nêu rõ khi nào cần phải có cơ cấu tổ chức/nhân sự, ví dụ: Cơ cấu tổ chức bao gồm hai (2) chuyên gia bổ sung sẽ được thiết lập trong vòng 30 ngày kể từ khi Dự án có hiệu lực. Cơ cấu tổ chức, bao gồm các chuyên gia, cần được duy trì trong suốt quá trình thực hiện Dự án]</p>	

BIỆN PHÁP VÀ HÀNH ĐỘNG		KHUNG THỜI GIAN	TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ
	<p>dự như chuyên gia đa dạng sinh học và chuyên gia về sức khỏe và an toàn].</p>		
1.2	<p>ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI [Yêu cầu Bên vay thực hiện đánh giá môi trường và xã hội (ESA), có thể liên quan đến các phương pháp và lập tài liệu khác nhau, như được nêu trong Phụ lục 1 của TCMTXH1, đoạn 5. Nếu ESA là bản dự thảo cần được cập nhật thì cam kết thực hiện cập nhật đó phải được phản ánh trong ESCP. Nếu trong sàng lọc Dự án không yêu cầu đánh giá thêm thì không cần tiến hành thêm hành động nào trong ESCP. Xem ví dụ về một hành động dưới đây].</p> <p>Cập nhật, thông qua và thực hiện Đánh giá tác động môi trường và xã hội đã được lập cho Dự án theo cách thức được [Ngân hàng/Hiệp hội] chấp thuận.</p>	<p><i>[Nêu rõ thời gian lập ESA hoặc, nếu ESA đã được lập, cần phải thực hiện các biện pháp giảm thiểu có trong ESA trong suốt quá trình thực hiện Dự án].</i></p>	
1.3	<p>CÔNG CỤ QUẢN LÝ [Nêu rõ ở đây các tài liệu và/hoặc kế hoạch MTXH nào khác được lập hoặc sẽ được lập theo TCMTXH1, ví dụ như ESMF, ESMPs. Xem ví dụ dưới đây].</p> <p>Sàng lọc các tiểu dự án đề xuất theo Khung quản lý môi trường và xã hội (ESMF) đã được lập cho Dự án. Sau đó, lập dự thảo, thông qua và thực hiện Kế hoạch quản lý xã hội và môi trường (ESMP) theo yêu cầu, theo cách thức được Ngân hàng/Hiệp hội chấp thuận.</p>	<p><i>[Nêu thời điểm lập các công cụ. Sau khi lập xong, các công cụ được áp dụng trong suốt quá trình thực hiện Dự án. Nêu rõ liệu các tài liệu và/hoặc kế hoạch MTXH có cần được Ngân hàng xem xét và phê duyệt trước hay không, ví dụ ESMP được gửi cho Ngân hàng/Hiệp hội phê duyệt trước khi đưa ra quy trình đấu thầu cho tiểu dự án tương ứng. Sau khi được phê duyệt, các ESMP được thực hiện trong suốt quá trình thực hiện Dự án].</i></p>	
1.4	<p>QUẢN LÝ NHÀ THẦU [Một số hoạt động của dự án có thể yêu cầu các nhà thầu/thầu phụ thực hiện các công tác xây lắp. Trong trường hợp đó, ESCP phải yêu cầu hồ sơ mời thầu phản ánh các khía cạnh liên quan của ESCP. Xem ví dụ dưới đây].</p> <p>Tích hợp các khía cạnh liên quan của ESCP, bao gồm các tài liệu và/hoặc kế hoạch MTXH có liên quan và Quy trình quản lý lao động, vào các thông số ESHS của các tài liệu mua sắm với các nhà thầu. Sau đó, đảm bảo rằng các nhà thầu tuân thủ các thông số ESHS của các hợp đồng tương ứng.</p>	<p><i>[Nêu rõ thời gian: Ví dụ: Trước khi chuẩn bị các tài liệu mua sắm. Giám sát nhà thầu trong suốt quá trình thực hiện Dự án].</i></p>	

BIỆN PHÁP VÀ HÀNH ĐỘNG		KHUNG THỜI GIAN	TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ
TCMTXH 2: LAO ĐỘNG VÀ ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC			
2.1	<p>QUY TRÌNH QUẢN LÝ LAO ĐỘNG [LMP có thể đã được lập hoặc cần được Bên vay lập trong một khung thời gian xác định. Điều này cần được phản ánh trong ESCP. Xem ví dụ dưới đây]</p> <p>Cập nhật, thông qua và thực hiện các Quy trình quản lý lao động (LMP) đã được lập cho Dự án.</p>	[Nêu rõ thời gian, ví dụ như trong suốt quá trình thực hiện dự án].	
2.2	<p>CƠ CHẾ KHIẾU NẠI CHO LAO ĐỘNG TRONG DỰ ÁN [Cơ chế khiếu nại được yêu cầu trong TCMTXH2 cần được mô tả trong LMP. Xem ví dụ dưới đây].</p> <p>Thiết lập, duy trì và vận hành cơ chế khiếu nại cho lao động trong Dự án, như được mô tả trong LMP và tuân theo TCMTXH2.</p>	[Nêu rõ thời gian - ví dụ: vận hành cơ chế khiếu nại trước khi thuê tuyển nhân viên Dự án và duy trì trong suốt quá trình thực hiện Dự án].	
2.3	<p>CÁC VBIỆN PHÁP VỀ SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN (OHS) [Các biện pháp OHS, bao gồm các biện pháp ứng phó và ứng phó khẩn cấp, có thể được nêu trong một tài liệu MTXH riêng biệt (ví dụ ESMP) đã được đề cập trong phần TCMTXH1 ở trên. Trong trường hợp đó, cam kết có thể tham chiếu tới tài liệu đó. Xem một ví dụ dưới đây].</p> <p>Lập, áp dụng và thực hiện các biện pháp về sức khỏe và an toàn lao động (OHS) được quy định trong ESMP.</p>	[Nêu rõ thời gian, ví dụ: Khung thời gian tương tự như triển khai ESMP].	
TCMTXH 3: SỬ DỤNG HIỆU QUẢ NGUỒN TÀI NGUYÊN, NGĂN NGỪA VÀ QUẢN LÝ Ô NHIỄM [sự phù hợp của TCMTXH3 được thiết lập trong quá trình ESA. TCMTXH3 có thể yêu cầu áp dụng các biện pháp cụ thể trong sử dụng năng lượng, nước và nguyên liệu thô, quản lý ô nhiễm không khí, chất thải nguy hại và không nguy hại, hóa chất và vật liệu nguy hiểm và thuốc trừ sâu. Tùy thuộc vào dự án, các biện pháp này có thể được nêu trong tài liệu MTXH (ví dụ ESMP) đã được đề cập trong phần TCMTXH1 trên đây hoặc dưới dạng một tài liệu hoặc hành động riêng biệt. Chỉ ra các biện pháp liên quan đến TCMTXH3 cps được nêu trong tài liệu hiện hành hoặc dưới dạng hành động độc lập hay không. Xem ví dụ dưới đây].			
3.1	<p>KẾ HOẠCH QUẢN LÝ CHẤT THẢI ĐIỆN TỬ: Lập, thông qua và thực hiện Kế hoạch quản lý chất thải điện tử.</p>	[Nêu rõ thời gian, ví dụ: Được xây dựng ba tháng sau khi Dự án có hiệu lực và sau đó được thực hiện trong suốt quá trình thực hiện Dự án].	
3.2	<p>SỬ DỤNG HIỆU QUẢ NGUỒN TÀI NGUYÊN, NGĂN NGỪA VÀ QUẢN LÝ Ô NHIỄM: Các biện pháp sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, ngăn ngừa và quản lý ô nhiễm sẽ được đề cập trong ESMP được lập theo hành động XX ở trên.</p>	[Nêu rõ thời điểm, ví dụ: Khung thời gian tương tự như lập và thực hiện ESMP]	

BIỆN PHÁP VÀ HÀNH ĐỘNG	KHUNG THỜI GIAN	TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ
TCMTXH 4: SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN CỘNG ĐỒNG [sự phù hợp của TCMTXH4 được thiết lập trong quá trình ESA. Cũng như TCMTXH3, TCMTXH4 có thể yêu cầu áp dụng các biện pháp cụ thể có thể được nêu trong tài liệu MTXH (ví dụ ESMP) đã được đề cập trong TCMTXH1 ở trên hoặc dưới dạng tài liệu hoặc hành động riêng biệt. Chỉ ra các biện pháp liên quan đến TCMTXH4 có được trình bày trong một tài liệu hiện có hoặc dưới dạng các hành động độc lập hay không. Xem <u>ví dụ</u> dưới đây].		
4.1	AN TOÀN GIAO THÔNG VÀ ĐƯỜNG BỘ: Áp dụng và thực hiện các biện pháp và hành động để đánh giá và quản lý rủi ro an toàn giao thông và đường bộ theo yêu cầu trong ESMP được phát triển theo hành động XX ở trên.	<i>[Nêu rõ thời gian, ví dụ: Khung thời gian tương tự như lập và triển khai ESMP].</i>
4.2	SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN CỘNG ĐỒNG: Lập, áp dụng và thực hiện các biện pháp và hành động để đánh giá và quản lý các rủi ro và tác động cụ thể đối với cộng đồng phát sinh từ các hoạt động của Dự án [bao gồm, cùng với những thứ khác] [nêu rõ các lĩnh vực rủi ro cần phải nhấn mạnh, ví dụ như hành vi của lao động trong Dự án, rủi ro của dòng lao động, ứng phó với các tình huống khẩn cấp] và đưa các biện pháp này vào ESMP được lập theo ESMP theo cách được Ngân hàng chấp nhận.	<i>[Nêu rõ thời gian, ví dụ: Khung thời gian tương tự như lập và triển khai ESMP].</i>
4.3	RỦI RO GBV VÀ SEA; [Đối với các dự án có rủi ro GBV trung bình, đáng kể hoặc cao] Lập, thông qua và thực hiện Kế hoạch hành động riêng biệt về vấn đề bạo lực trên cơ sở giới (Kế hoạch hành động GBV), để đánh giá và quản lý các rủi ro của bạo lực trên cơ sở giới (GBV) và lợi dụng và lạm dụng tình dục (SEA).	<i>[Nêu rõ thời điểm, ví dụ: Gửi Kế hoạch hành động GBV để Ngân hàng phê duyệt trước khi chuẩn bị các tài liệu mua sắm. Sau khi được phê duyệt, Kế hoạch hành động GBV được triển khai trong suốt quá trình thực hiện Dự án].</i>
4.4	RỦI RO GBV VÀ SEA TRONG THỰC HIỆN DỰ ÁN; [Nếu cần, nêu rõ các quỹ bổ sung có sẵn để thực hiện các biện pháp giải quyết các rủi ro và tác động của GBV và SEA có thể phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án.]	
4.4	NHÂN VIÊN AN NINH; Lập, thông qua và triển khai Kế hoạch riêng biệt về quản lý nhân viên an ninh phù hợp với các yêu cầu của TCMTXH4, theo cách thức được Ngân hàng chấp nhận	<i>[Nêu rõ thời gian, ví dụ: Trước khi thuê tuyển nhân viên an ninh và sau đó được triển khai trong suốt quá trình thực hiện Dự án].</i>
TCMTXH 5: THU HỒI ĐẤT, NHỮNG HẠN CHẾ VỀ SỬ DỤNG ĐẤT VÀ TÁI ĐỊNH CƯ KHÔNG TỰ NGUYỆN [sự phù hợp của TCMTXH5 được thiết lập trong quá trình ESA. Trong quá trình chuẩn bị Dự án, nếu xác định rằng cần phải lập các tài liệu tái định cư, điều này phải được phản ánh trong ESCP. Xem <u>ví dụ</u> dưới đây]		
5.1	KẾ HOẠCH TÁI ĐỊNH CƯ: Lập, thông qua và thực hiện các kế hoạch tái định cư (RAP) theo TCMTXH 5 và tuân theo các yêu cầu của Khung chính sách tái định cư (RPF) đã được lập cho Dự án, và sau đó áp dụng và thực hiện các RAP tương ứng trước khi thực hiện các hoạt động liên quan, theo cách thức được [Ngân hàng/Hiệp hội] chấp thuận.	<i>[Nêu rõ thời điểm, ví dụ RAP được đệ trình lên Ngân hàng phê duyệt và khi đã được phê duyệt thì sẽ được thực hiện trước khi bắt đầu các hoạt động của Dự án liên quan đến thu hồi đất và tái định cư].</i>

BIỆN PHÁP VÀ HÀNH ĐỘNG		KHUNG THỜI GIAN	TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ
5.2	CƠ CHẾ KHIẾU NẠI [Cơ chế khiếu nại (GM) để giải quyết các khiếu nại liên quan đến tái định cư cần được mô tả trong RPF, RAP và SEP. Tuy nhiên, nếu có một đặc điểm nổi bật về cách xử lý các khiếu nại liên quan đến TCMTXH5, thì có thể nêu rõ điều này với tư cách là một hành động trong ESCP].	[Nêu rõ thời điểm, ví dụ: Trước khi bắt đầu các hoạt động tái định cư]	
TCMTXH 6: BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC VÀ QUẢN LÝ BỀN VỮNG CÁC NGUỒN TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN SỐNG [Sự phù hợp của TCMTXH6 được thiết lập trong quá trình ESA. Cũng như các TCMTXH khác, TCMTXH6 có thể yêu cầu áp dụng các biện pháp cụ thể có thể được nêu trong tài liệu MTXH (ví dụ ESMP) đã được đề cập trong phần TCMTXH1 ở trên hoặc dưới dạng tài liệu độc lập hoặc hành động riêng biệt. Nêu rõ liệu các biện pháp liên quan đến TCMTXH6 có được nêu trong một tài liệu hiện có hoặc dưới dạng các hành động độc lập hay không. Xem ví dụ dưới đây].			
6.1	RỦI RO VÀ TÁC ĐỘNG ĐẾN ĐA DẠNG SINH HỌC: [Trường hợp rủi ro và tác động liên quan đến đa dạng sinh học không thể được bao hàm toàn diện như một phần của ESMP] Lập, thông qua và thực hiện Kế hoạch độc lập về quản lý đa dạng sinh học theo các hướng dẫn của ESIA được lập cho Dự án và theo cách thức được Ngân hàng chấp thuận.	[Đề trình để Ngân hàng phê duyệt trước [ngày] [ba tháng sau khi Dự án có hiệu lực] [trước khi xây dựng [công trình] có thể ảnh hưởng đến đa dạng sinh học]]. [Sau khi được phê duyệt, kế hoạch được thực hiện trong suốt quá trình thực hiện Dự án].	
TCMTXH 7: DÂN TỘC THIỂU SỐ/CÁC CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG TRUYỀN THỐNG KHU VỰC CẬN SAHARA CHÂU PHI KHÔNG ĐƯỢC CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ DỊCH VỤ TRONG QUÁ KHỨ [Xem các ví dụ về các hành động có thể dưới đây, nếu xác định rằng TCMTXH7 có liên quan].			
7.1	KẾ HOẠCH DÂN TỘC THIỂU SỐ: Lập, thông qua và thực hiện Kế hoạch dân tộc thiểu số (IPP) phù hợp với các yêu cầu của Khung Kế hoạch Người bản địa (IPPF) đã được Ngân hàng chuẩn bị cho Dự án và TCMTXH7.	[Nêu rõ thời điểm ví dụ Đề trình IPP tương ứng cho Ngân hàng phê duyệt trước khi thực hiện bất kỳ hoạt động nào cần phải lập IPP. Sau khi được phê duyệt, thực hiện IPP trong suốt quá trình triển khai Dự án.]	
7.2	CƠ CHẾ KHIẾU NẠI: Lập, thông qua và thực hiện các thỏa thuận về cơ chế khiếu nại đối với người dân tộc thiểu số, theo yêu cầu trong IPPF và mô tả thêm các thỏa thuận đó trong các IPP tương ứng (nếu cơ chế khiếu nại này khác với cơ chế được xác định theo TCMTXH10).	[Nêu rõ thời điểm]	
TCMTXH 8: DI SẢN VĂN HÓA [Sự phù hợp của TCMTXH6 được thiết lập trong quá trình ESA. Cũng như các TCMTXH khác, TCMTXH6 có thể yêu cầu áp dụng các biện pháp cụ thể đã được nêu trong tài liệu MTXH (ví dụ ESMP) đã được đề cập trong phần dưới TCMTXH1 ở trên hoặc dưới dạng tài liệu độc lập hoặc hành động riêng biệt. Cho biết liệu các biện pháp liên quan đến TCMTXH8 được bao hàm trong một tài liệu hiện có hoặc dưới dạng các hành động độc lập. Xem ví dụ dưới đây].			
8.1	TÌNH CỜ PHÁT HIỆN: Lập, thông qua và triển khai quy trình tình cờ phát hiện được mô tả trong ESMP được phát triển cho Dự án.	[Nêu thời điểm, ví dụ như trong suốt quá trình thực hiện dự án].	

BIỆN PHÁP VÀ HÀNH ĐỘNG		KHUNG THỜI GIAN	TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ
TCMTXH 9: TRUNG GIAN TÀI CHÍNH [Tiêu chuẩn này chỉ liên quan với các Dự án liên quan đến Trung gian tài chính (FI). Xem dưới đây một vài ví dụ về các hành động cần được xem xét khi các FI tham gia.]			
9.1	ESMS: lập, áp dụng và duy trì một hệ thống quản lý xã hội và môi trường (ESMS).	[Nêu rõ thời điểm ví dụ: Trước khi tiến hành sàng lọc bất kỳ tiểu dự án FI nào. Sau khi được thiết lập, ESMS được duy trì và vận hành trong suốt quá trình thực hiện Dự án].	
9.2	NĂNG LỰC TỔ CHỨC CỦA FI: Thiết lập và duy trì năng lực tổ chức và năng lực thực hiện ESMS với vai trò và trách nhiệm được xác định rõ ràng [khi có liên quan, xác định các vị trí/nguồn lực cụ thể cho quản lý MTXH là một phần của cơ cấu tổ chức].	[Nêu rõ thời điểm, ví dụ: Chỉ định theo [ngày] khi cần phải có năng lực tổ chức, bao gồm các vị trí/tài nguyên cụ thể].	
9.3	ĐẠI DIỆN QUẢN LÝ CẤP CAO: Chỉ định một đại diện quản lý cấp cao để có trách nhiệm tổng thể đối với hoạt động môi trường và xã hội của các tiểu dự án FI.	[Nêu rõ khi nào đại diện quản lý cấp cao cần được chỉ định].	
TCMTXH 10: HUY ĐỘNG SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN			
10.1	LẬP VÀ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH HUY ĐỘNG SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN [Cần chuẩn bị dự thảo SEP và công bố trước khi thẩm định. ESCP cần nêu rõ liệu kế hoạch đã được chuẩn bị hay cần được cập nhật và yêu cầu thực hiện. Xem ví dụ dưới đây]. Cập nhật, thông qua và thực hiện Kế hoạch huy động sự tham gia của các bên liên quan (SEP).	[Nêu rõ thời điểm: ví dụ: Trước ngày [chèn ngày hoặc mốc thời gian]]	
10.2	CƠ CHẾ KHIẾU NẠI CỦA DỰ ÁN: lập, thông qua, duy trì và vận hành một cơ chế khiếu nại, như được mô tả trong SEP.	[Nêu rõ thời điểm: ví dụ, trước ngày [chèn ngày]].	
HỖ TRỢ NĂNG LỰC (ĐÀO TẠO)			
CS1	[Nêu rõ việc cung cấp đào tạo và các nhóm mục tiêu Ví dụ, đào tạo có thể được yêu cầu cho [ví dụ: nhân viên PIU, các bên liên quan, cộng đồng, lao động dự án] về: <ul style="list-style-type: none"> • lập bản đồ và huy động sự tham gia của các bên liên quan • các khía cạnh cụ thể của đánh giá môi trường và xã hội • chuẩn bị và ứng phó khẩn cấp • sức khỏe và an toàn cộng đồng.] 		

BIỆN PHÁP VÀ HÀNH ĐỘNG		KHUNG THỜI GIAN	TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ
CS2	[Nêu rõ việc đào tạo cho nhân viên Dự án về sức khỏe và an toàn lao động, bao gồm cả phòng ngừa khẩn cấp và chuẩn bị và thu xếp ứng phó với các tình huống khẩn cấp.]		

PHỤ LỤC 2: DANH MỤC KIỂM TRA KẾ HOẠCH HUY ĐỘNG SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh mục kiểm tra cung cấp hướng dẫn cho Bên vay về việc áp dụng Tiêu chuẩn môi trường và xã hội, là một phần của Khung môi trường và xã hội năm 2016 của Ngân hàng Thế giới. Danh mục kiểm tra giúp minh họa các yêu cầu của TCMTXH và đề xuất các phương pháp mẫu để thực hiện một số yêu cầu của TCMTXH; đây không phải là chính sách của Ngân hàng, cũng không bắt buộc. Danh mục kiểm tra không thay thế cho nhu cầu thực hiện phán quyết hợp lý trong việc đưa ra quyết định dự án. Trong trường hợp có bất kỳ mâu thuẫn hoặc xung đột nào giữa Danh mục kiểm tra và TCMTXH, các quy định của TCMTXH sẽ được áp dụng.

Mức độ phức tạp của Cơ chế giải quyết khiếu nại (GRM) của dự án phụ thuộc vào rủi ro và tác động của dự án và bối cảnh dự án. Danh mục kiểm tra dưới đây mô tả một GRM phức tạp tuân thủ thông lệ quốc tế tốt, có thể không cần thiết cho tất cả các dự án. Tuy nhiên, danh mục kiểm tra này giúp xác định xem một cơ chế khiếu nại có phù hợp với thông lệ quốc tế tốt hay không.

A. Các vấn đề về hệ thống

1. Dự án có tiếp nhận phản hồi/khiếu nại không?
2. Tổ chức có chính sách giải quyết khiếu nại không?
 - a. Có sẵn chính sách cho tất cả nhân viên, người thụ hưởng và người dùng tiềm năng không?
 - b. Chính sách có được viết bằng ngôn ngữ địa phương không?
3. Cơ chế khiếu nại có các đặc điểm sau không?
 - a. Có thủ tục được hiểu rõ ràng để mọi người cung cấp thông tin phản hồi và/hoặc gửi khiếu nại.
 - b. Có công bố về người chịu trách nhiệm giải quyết phản hồi/khiếu nại.
 - c. Các thủ tục giải quyết hoặc hòa giải và thanh tra các khiếu nại tùy thuộc vào mức độ nghiêm trọng và phức tạp của chúng.
 - d. Có hệ thống để thông tin cập nhật tình hình cho người khiếu nại.
 - e. Có hệ thống để ghi lại các phản hồi/khiếu nại và kết quả giải quyết.
 - f. Thủ tục bảo mật thông tin của người khiếu nại.

B. Quản lý nhân viên

1. Có sổ tay hướng dẫn khiếu nại cho nhân viên không?
2. Chính sách khiếu nại và/hoặc thủ tục có cung cấp hướng dẫn về:
 - a. Khiếu nại/phản hồi là gì?
 - b. Những thông tin cần thu thập từ người khiếu nại?
 - c. Biện pháp nào có thể hoặc nên được sử dụng để giải quyết khiếu nại?
3. Chính sách và thủ tục khiếu nại có được truyền thông cho tất cả nhân viên không?

4. Có phân bổ đầy đủ các nguồn lực cho cơ chế khiếu nại để hoạt động hiệu quả không?
5. Tổ chức có đào tạo về quản lý khiếu nại cho nhân viên không?

C. Giao tiếp với người sử dụng cơ chế khiếu nại

1. Người sử dụng có được hướng dẫn cách thức gửi khiếu nại/phản hồi không?
 - a. Tài liệu thông tin về cơ chế khiếu nại có sẵn cho người dùng không?
 - b. Các hình thức phản hồi/khiếu nại có sẵn cho người dùng không?
 - c. Các hình thức và biển hiệu của cơ chế khiếu nại có được hiển thị nổi bật và dễ tiếp cận không?
 - d. Các chi tiết liên lạc của nhân viên nhận được phản hồi/khiếu nại có được công bố và hiển thị trong các khu vực công cộng không?
 - e. Thông tin về quản lý khiếu nại có sẵn bằng ngôn ngữ địa phương không?
2. Người dùng có thể gửi khiếu nại/phản hồi:
 - a. Bằng văn bản
 - b. Bằng email
 - c. Bằng fax
 - d. Bằng điện thoại
 - e. Gặp trực tiếp
3. Người dùng có được hỗ trợ để gửi phản hồi/khiếu nại khi cần không?
4. Cơ chế khiếu nại có thể được tiếp cận miễn phí không?
5. Người dùng được đảm bảo giữ bí mật không?
6. Người dùng có được thông báo về quy trình kháng nghị không?

D. Ghi phản hồi/khiếu nại

1. Có phải tất cả thông tin phản hồi/khiếu nại đều được ghi lại?
 - a. Các khiếu nại/phản hồi có được ghi lại và lập thành tài liệu chính thức?
 - b. Các yêu cầu/đề xuất và kiến nghị có được ghi lại?
 - c. Các kết quả và phản hồi cho tất cả các khiếu nại/phản hồi có được ghi lại?

E. Tiêu chuẩn kinh doanh

1. Có các tiêu chuẩn kinh doanh phù hợp với quy trình và thời gian giải quyết khiếu nại/phản hồi không?
 - a. Biên nhận có được thông báo trong một khung thời gian quy định?

b. Những khiếu nại được cho là sẽ được giải quyết trong khung thời gian quy định không?

2. Có hệ thống kiểm soát chất lượng để:

a. Kiểm tra xem liệu tất cả các khiếu nại đã được xử lý hoặc hành động giải quyết sau đó.

b. Kiểm tra xem liệu tất cả các khía cạnh của khiếu nại đã được giải quyết.

c. Kiểm tra xem liệu tất cả các hành động cần thiết tiếp theo đã được thực hiện.

F. Phân tích và phản hồi

1. Các báo cáo nội bộ định kỳ về khiếu nại/phản hồi có được lập và gửi lên quản lý cấp cao?

2. Báo cáo khiếu nại/phản hồi bao gồm dữ liệu về:

Số lượng khiếu nại/phản hồi nhận được.

Tuân thủ các tiêu chuẩn kinh doanh.

Các vấn đề nêu lên trong bất bình/phản hồi.

Xu hướng khiếu nại/phản hồi theo thời gian.

Các nguyên nhân của khiếu nại/phản hồi.

Liệu hành động khắc phục đã được bảo đảm.

Những biện pháp khắc phục gì được cung cấp trên thực tế?

Khuyến nghị/chiến lược để ngăn ngừa hoặc hạn chế tái diễn trong tương lai.

Các báo cáo về khiếu nại/phản hồi có được công khai, định kỳ?

PHỤ LỤC 3: MẪU HƯỚNG DẪN VỀ KẾ HOẠCH HUY ĐỘNG SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mẫu này cung cấp hướng dẫn cho Bên vay về các khía cạnh cụ thể của việc áp dụng Tiêu chuẩn xã hội và môi trường (TCMTXH), là một phần của Khung môi trường và xã hội năm 2016 của Ngân hàng Thế giới. Các mẫu này giúp minh họa các yêu cầu của TCMTXH và đề xuất các phương pháp tiếp cận mẫu để đáp ứng các yêu cầu; đây không phải là chính sách của Ngân hàng và là một công cụ hữu ích và tự nguyện. Trong trường hợp có bất kỳ mâu thuẫn hoặc xung đột nào với TCMTXH, các quy định của TCMTXH sẽ được áp dụng.

Phạm vi và mức độ chi tiết của kế hoạch phải tương ứng và tương xứng với tính chất và quy mô, rủi ro tiềm ẩn và tác động của dự án và mối quan tâm của các bên liên quan có thể bị ảnh hưởng hoặc quan tâm đến dự án. Tùy thuộc vào bản chất quy mô của rủi ro và tác động của dự án, các nhân tố của SEP có thể được đưa vào với tư cách là một phần của Kế hoạch cam kết môi trường và xã hội (ESCP), và có thể không cần thiết phải lập một SEP độc lập.

SEP cần rõ ràng, súc tích và tập trung vào mô tả dự án và nhận diện các bên liên quan. Đây là mẫu chốt để xác định thông tin nào sẽ có ở phạm vi công cộng, bằng ngôn ngữ nào và vị trí của thông tin đó. Nó sẽ giải thích các cơ hội tham vấn cộng đồng, đưa ra thời hạn cho ý kiến và giải thích cách mọi người sẽ được thông báo về thông tin mới hoặc cơ hội để cho ý kiến. Nó sẽ giải thích cách thức các ý kiến sẽ được đánh giá và cân nhắc. Nó cũng cần mô tả cơ chế khiếu nại của dự án và cách tiếp cận cơ chế này. SEP cũng cần cam kết công bố thông tin thường xuyên về hoạt động xã hội và môi trường của dự án, bao gồm các cơ hội tham vấn và cách thức xử lý khiếu nại.

Dưới đây trình các nội dung mẫu của một SEP:

1. Giới thiệu/Mô tả dự án

Mô tả ngắn gọn về dự án, giai đoạn của dự án, mục đích của nó và những quyết định nào hiện đang được xem xét về việc tìm kiếm đầu vào từ công chúng.

Mô tả vị trí và, nếu có thể, bao gồm bản đồ của (các) khu vực dự án và khu vực xung quanh, thể hiện các cộng đồng và mức độ gần gũi các địa điểm nhạy cảm, và bao gồm bất kỳ chỗ ở công nhân, sân ngoài trời hoặc các hoạt động tạm thời khác cũng có thể ảnh hưởng đến các bên liên quan. Cung cấp đường dẫn đến, hoặc đính kèm một bản tóm tắt phi kỹ thuật về các rủi ro và tác động xã hội và môi trường tiềm tàng của dự án.

2. Tóm tắt ngắn gọn về các hoạt động tham gia của các bên liên quan trước đây

Nếu các hoạt động tham vấn hoặc công bố đã được thực hiện cho đến nay, bao gồm công bố thông tin và các cuộc họp/hoặc tham vấn chính thức hoặc không chính thức, cần cung cấp một bản tóm tắt về các hoạt động đó (không quá nửa trang), thông tin đã được công bố và thông tin chi tiết hơn về những hoạt động trước đó có thể thu nhận được (ví dụ: đường dẫn hoặc vị trí thực tế hoặc cung cấp theo yêu cầu).

3. Nhận diện và phân tích về các bên liên quan

Nhận diện các bên liên quan chính, những người sẽ được thông báo và tham vấn về dự án, bao gồm các cá nhân, tập thể hoặc cộng đồng:

- a. Bị ảnh hưởng hoặc có khả năng bị ảnh hưởng bởi dự án (các bên bị ảnh hưởng bởi dự án); và
- b. Có thể quan tâm tới dự án (các bên quan tâm khác).

Tùy thuộc vào tính chất và phạm vi của dự án và các rủi ro và tác động tiềm tàng của nó, các ví dụ về các bên liên quan tiềm năng khác có thể bao gồm các cơ quan chính phủ, tổ chức địa phương, tổ chức phi chính phủ và các công ty và cộng đồng lân cận. Các bên liên quan cũng có thể bao gồm các chính trị gia, công đoàn, học giả, các nhóm tôn giáo, các cơ quan khu vực công cộng và môi trường quốc gia, và các phương tiện truyền thông.

3.1. Các bên bị ảnh hưởng

Xác định các cá nhân, nhóm, cộng đồng địa phương và các bên liên quan khác có thể bị ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp bởi dự án, tích cực hoặc tiêu cực. SEP cần tập trung đặc biệt vào những người bị ảnh hưởng trực tiếp và tiêu cực bởi các hoạt động của dự án. Lập bản đồ các vùng tác động bằng cách đặt các cộng đồng bị ảnh hưởng trong một khu vực địa lý có thể giúp xác định hoặc tinh chỉnh vùng ảnh hưởng của dự án. SEP nên xác định những người khác nghĩ rằng họ có thể bị ảnh hưởng và những người sẽ cần thêm thông tin để hiểu giới hạn của các tác động của dự án.

3.2. Các bên quan tâm khác

Xác định các bên liên quan rộng hơn, những người có thể quan tâm đến dự án vì vị trí của nó, vì sự gần gũi với tài nguyên thiên nhiên hoặc các tài nguyên khác hoặc do lĩnh vực hoặc do các bên liên quan đến dự án. Đây có thể là các quan chức chính quyền địa phương, các nhà lãnh đạo cộng đồng và các tổ chức xã hội dân sự, đặc biệt là những người làm việc trong hoặc với các cộng đồng bị ảnh hưởng. Mặc dù các nhóm này có thể không bị ảnh hưởng trực tiếp bởi dự án, nhưng họ có thể có vai trò trong việc chuẩn bị dự án (ví dụ, cấp phép của chính phủ) hoặc ở trong một cộng đồng bị ảnh hưởng bởi dự án và có mối quan tâm rộng hơn so với hộ gia đình của họ.

Ngoài ra, xã hội dân sự và các tổ chức phi chính phủ có thể có kiến thức chuyên sâu về các đặc điểm môi trường và xã hội của khu vực dự án và dân cư gần đó, và có thể giúp đóng vai trò xác định rủi ro, tác động tiềm tàng và cơ hội để Bên vay xem xét và giải quyết trong quá trình đánh giá. Một số nhóm có thể quan tâm đến dự án vì lĩnh vực mà dự án thuộc về (ví dụ: khai thác hoặc y tế) và những nhóm khác có thể muốn có thông tin đơn giản vì tài chính công đang được đề xuất để hỗ trợ dự án. Không quan trọng để xác định lý do cơ bản tại sao mọi người hoặc nhóm muốn có thông tin về một dự án, nếu thông tin đó thuộc phạm vi công cộng thì nó nên được công khai cho bất kỳ ai quan tâm.

3.3. Các cá nhân hoặc tập thể yếu thế/dễ bị tổn thương

Điều đặc biệt quan trọng là phải hiểu các tác động của dự án và liệu họ có thể thuộc diện các cá nhân hoặc nhóm yếu thế hoặc dễ bị tổn thương, những người thường không có tiếng nói để trình bày mối quan tâm của họ hoặc hiểu các tác động của dự án. Nội dung dưới đây có thể giúp phác thảo một cách tiếp cận để hiểu quan điểm của các nhóm này:

- a. Xác định các cá nhân hoặc nhóm dễ bị tổn thương hoặc yếu thế và những hạn chế họ có thể có khi tham gia và/hoặc hiểu thông tin dự án hoặc tham gia vào quá trình tham vấn.
- b. Điều gì có thể cản trở các cá nhân hoặc tập thể này tham gia vào quá trình lập kế hoạch? (Ví dụ, sự khác biệt về ngôn ngữ, thiếu phương tiện di chuyển đến các sự kiện, khả năng tiếp cận địa điểm, bị khuyết tật, thiếu hiểu biết về quy trình tham vấn).
- c. Làm thế nào để họ thường nhận được thông tin về cộng đồng, dự án, hoạt động?
- d. Họ có giới hạn về thời gian trong ngày hoặc địa điểm về tham vấn ý kiến cộng đồng?

- e. Những hỗ trợ hoặc nguồn lực bổ sung nào cần thiết để tạo thuận lợi cho những người này tham gia vào quá trình tham vấn? (Ví dụ dịch sang ngôn ngữ thiểu số, ngôn ngữ ký hiệu, thông tin in lớn hoặc chữ nổi; chọn địa điểm có thể tiếp cận cho các sự kiện; cung cấp phương tiện giao thông cho người dân ở vùng sâu, vùng xa đến cuộc họp gần nhất; hoặc các cuộc họp nhỏ, tập trung để các bên liên quan dễ bị tổn thương thoải mái hơn khi đặt câu hỏi hoặc nêu lo ngại.)
- f. Nếu không có tổ chức nào hoạt động trong khu vực dự án làm việc với các nhóm dễ bị tổn thương, chẳng hạn như người khuyết tật, cần liên hệ với các bên cung cấp dịch vụ y tế, những người có thể nhận thức rõ hơn về các nhóm bị yếu thế và cách giao tiếp tốt nhất với họ.
- g. Gần đây dự án đã tham gia với các bên liên quan dễ bị tổn thương nào và đại diện của họ?

3.4. Tóm tắt nhu cầu của các bên liên quan của dự án

Ví dụ

Cộng đồng	Nhóm các bên liên quan	Đặc điểm chính	Nhu cầu ngôn ngữ	Phương tiện thông báo ưa thích (e-mail, điện thoại, radio, thư)	Nhu cầu cụ thể (khả năng tiếp cận, in bản lớn, chăm sóc trẻ em, các cuộc họp họp người)
Làng A	Cha mẹ có con nhỏ	Khoảng 180 hộ bị ảnh hưởng; 300 trẻ em	Ngôn ngữ chính thức	Thông tin bằng văn bản, đài phát thanh	Chăm sóc trẻ em cho các cuộc họp – bố trí thời gian vào buổi chiều muộn
Làng A	Những người di cư	38 gia đình quy mô lớn, mức nghèo	Ngôn ngữ thay thế	Đến thăm cùng với phiên dịch và đại diện xã hội dân sự	Đồ họa, giáo dục về quy trình

4. Chương trình thu hút sự tham gia của các bên liên quan

4.1. Mục đích và thời gian của chương trình thu hút sự tham gia của các bên liên quan

Tóm tắt các mục tiêu chính của chương trình thu hút sự tham gia của các bên liên quan và lịch trình dự kiến cho các hoạt động tham gia khác nhau của các bên liên quan: ở giai đoạn nào trong suốt chu trình dự án, sẽ diễn ra theo định kỳ và quyết định nào được đưa ra về ý kiến và mối quan tâm của mọi người. Nếu quyết định về các cuộc họp cộng đồng, địa điểm và thời gian của các cuộc họp chưa được đưa ra, cần cung cấp thông tin cụ thể về cách mọi người sẽ nhận thức được các cơ hội sắp tới để xem xét thông tin và đưa ra quan điểm của họ. Đưa ESCP vào thành một phần của thông tin đó. Đối với một số dự án, có thể không cần một SEP độc lập và các nội dung của nó có thể được đưa vào ESCP.

4.2. Đề xuất chiến lược công bố thông tin

Mô tả ngắn gọn những thông tin nào sẽ được công bố, theo định dạng nào và loại phương pháp sẽ được sử dụng để truyền đạt thông tin này đến từng nhóm của các bên liên quan. Phương pháp sử dụng có thể thay đổi tùy theo đối tượng mục tiêu. Đối với mỗi ví dụ truyền thông, cần xác định các tên cụ thể (ví dụ: Báo Tin tức hàng ngày và hay Độc lập, Tin tức vô tuyến 100.6, Kênh truyền hình 44). Việc lựa chọn công bố thông tin- cả về thông báo và

cung cấp thông tin, cần dựa vào cách hầu hết mọi người trong vùng lân cận dự án thường xuyên lấy thông tin và có thể bao gồm một nguồn thông tin trung tâm hơn vì lợi ích quốc gia. Một loạt các phương pháp truyền thông nên được sử dụng để tiếp cận phần lớn các bên liên quan. Dự án nên chọn những phương pháp phù hợp nhất và có lý do rõ ràng cho sự lựa chọn đó. Kế hoạch cần bao gồm một nội dung hoan nghênh mọi ý kiến đóng góp về Kế hoạch huy động sự tham gia được đề xuất và các kiến nghị để cải tiến kế hoạch đó. Đối với các bên liên quan ở xa, có thể phải cung cấp thêm các điểm báo chí hoặc cuộc họp riêng hoặc để thêm tài liệu bỏ ở các khu vực công cộng. Phạm vi công cộng bao gồm:

- a. Báo chí, áp phích, đài phát thanh, truyền hình;
- b. Trung tâm thông tin và triển lãm hoặc các hiển thị hình ảnh khác;
- c. Tờ bướm, tờ rơi, áp phích, tài liệu và báo cáo tóm tắt phi kỹ thuật;
- d. Thư từ chính thức, các cuộc họp;
- e. Trang web, mạng xã hội.

Chiến lược cần bao gồm các phương tiện để tham khảo ý kiến của các bên liên quan bị ảnh hưởng bởi dự án nếu có những thay đổi đáng kể đối với dự án dẫn đến phát sinh thêm rủi ro và tác động. Sau khi tham khảo ý kiến, một ESCP cập nhật sẽ được công bố.

Ví dụ

Giai đoạn dự án	Danh sách thông tin sẽ được công bố	Phương pháp đề xuất	Kế hoạch: Địa điểm/ngày	Các bên liên quan	Tỷ lệ đạt	Trách nhiệm
Xây dựng	Kế hoạch quản lý giao thông	Thông báo trên Radio News 100.6 và các bản in trong hội trường làng Áp phích trên bảng	Đài phát thanh hai lần mỗi ngày trong tuần công bố	Dân làng, bao gồm cả người đi bộ và lái xe	Radio News 100.6 chiếm 60% làng Áp phích trên bảng thông báo đạt tỷ lệ phần trăm dân số khác	Cán bộ liên lạc cộng đồng

4.3. Đề xuất chiến lược tham vấn

Mô tả ngắn gọn các phương pháp sẽ được sử dụng để tham vấn ý kiến của từng nhóm bên liên quan. Các phương thức được sử dụng có thể thay đổi tùy theo đối tượng mục tiêu, ví dụ:

- a. Phỏng vấn các bên liên quan và tổ chức có liên quan
- b. Khảo sát, thăm dò ý kiến và bảng câu hỏi
- c. Các cuộc họp cộng đồng, hội thảo và/hoặc các nhóm mục tiêu theo chủ đề cụ thể
- d. Phương pháp có sự tham gia
- e. Các cơ chế truyền thống khác để tham vấn và ra quyết định.

Ví dụ

Giai đoạn dự án	Chủ đề tham vấn	Phương pháp sử dụng	Lịch trình: Địa điểm và ngày	Các bên liên quan	Trách nhiệm
Xây dựng	An toàn giao thông	Thảo luận với các trường trong làng Cuộc họp cộng đồng	Trường tiểu học ABC ngày 4 tháng 9, 3:00 chiều Hội trường của làng A ngày 8 tháng 9 năm 2020, 5:30 chiều	Cha mẹ và con cái trong làng cCng đồng	Cán bộ liên lạc cộng đồng (CLO) Kỹ sư giao thông, quản lý, CLO

4.4. Chiến lược đề xuất để tiếp thu quan điểm của các nhóm dễ bị tổn thương

Mô tả quan điểm của các nhóm yếu thế hoặc dễ bị tổn thương sẽ được tìm kiếm trong quá trình tham vấn. Những biện pháp nào sẽ được sử dụng để loại bỏ trở ngại tham gia của các bên? Điều này có thể bao gồm các cơ chế riêng biệt để tham vấn và khiếu nại, xây dựng các biện pháp để tiếp cận các lợi ích của dự án, v.v.

4.5. Mốc thời gian

Cung cấp thông tin về các mốc thời gian cho các giai đoạn dự án và các quyết định chính. Cung cấp thời hạn đóng góp ý kiến.

4.6 Đánh giá các ý kiến góp ý

Giải thích cách thu thập ý kiến (bằng văn bản và bằng lời nói) và xem xét và cam kết báo cáo lại cho các bên liên quan về quyết định cuối cùng và tóm tắt về cách nhận xét được tiếp thu.

4.7 Các giai đoạn tương lai của dự án

Giải thích rằng mọi người sẽ được thông báo khi phát triển dự án bao gồm báo cáo về thực hiện môi trường và xã hội của dự án và thực hiện kế hoạch cam kết của các bên liên quan và cơ chế khiếu nại. Các dự án cần báo cáo tối thiểu mỗi lần một năm cho các bên liên quan, nhưng thường sẽ báo cáo thường xuyên hơn trong các giai đoạn đặc biệt sôi động, khi cộng đồng có thể gặp nhiều tác động hơn hoặc chuyển giai đoạn (ví dụ, báo cáo hàng quý trong khi xây dựng, sau đó báo cáo hàng năm trong quá trình thực hiện).

5. Nguồn lực và trách nhiệm thực hiện các hoạt động thu hút sự tham gia của các bên liên quan

5.1. Các nguồn lực

Nêu rõ nguồn lực nào sẽ được dành để quản lý và thực hiện Kế hoạch huy động sự tham gia của các bên liên quan, cụ thể:

- a. Những người nào chịu trách nhiệm về SEP
- b. Khẳng định đã phân bổ ngân sách phù hợp để thu hút sự tham gia của các bên liên quan

- c. Cung cấp thông tin liên lạc khi mọi người có ý kiến hoặc câu hỏi về dự án hoặc quá trình tham vấn; bao gồm số điện thoại, địa chỉ, địa chỉ email, chức danh của người chịu trách nhiệm (tên cá nhân có thể thay đổi).

5.2. Chức năng và trách nhiệm quản lý

Mô tả cách các hoạt động thu hút sự tham gia của các bên liên quan sẽ được kết hợp vào hệ thống quản lý của dự án và cho biết nhân viên nào sẽ được phân công để quản lý và thực hiện Kế hoạch huy động sự tham gia của các bên liên quan:

- a. Ai sẽ chịu trách nhiệm thực hiện từng hoạt động thu hút sự tham gia của các bên liên quan và trình độ của những người chịu trách nhiệm là gì?
- b. Quản lý sẽ tham gia thế nào trong việc thu hút sự tham gia của các bên liên quan?
- c. Quá trình sẽ được ghi lại, theo dõi và quản lý như thế nào (ví dụ: cơ sở dữ liệu của các bên liên quan, đăng ký cam kết, v.v.)?

6. Cơ chế khiếu nại

Mô tả quá trình những người bị ảnh hưởng bởi dự án có thể trình bày khiếu nại và lo ngại cho ban quản lý dự án và cách thức xem xét và giải quyết:

- a. Hiện có cơ chế khiếu nại chính thức hoặc không chính thức nào không, và nó có đáp ứng các yêu cầu của TCMTXH10 không? Cơ chế này có thể được điều chỉnh hoặc cần đổi mới gì không?
- b. Cơ chế khiếu nại có phù hợp về mặt văn hóa, nghĩa là, có được thiết kế để tính đến các cách thức phù hợp về mặt văn hóa để xử lý các mối quan tâm của cộng đồng không? Ví dụ, trong các nền văn hóa mà đàn ông và phụ nữ phải tách riêng khi tổ chức cuộc họp thì phụ nữ có thể nêu lên những lo ngại cho người phụ nữ khác trong quá trình khiếu nại của dự án không?
- c. Quá trình nào sẽ được sử dụng để ghi lại các khiếu nại và những lo ngại đó? Ai sẽ là người tiếp nhận các khiếu nại công khai? Làm thế nào để các khiếu nại này được ghi lại và theo dõi?
- d. Khi nào những cam kết sẽ được đưa ra để ghi nhận và giải quyết các vấn đề? Có duy trì liên lạc với người khiếu nại trong suốt quá trình không?
- e. Làm thế nào để truyền thông về sự có mặt của cơ chế khiếu nại đến tất cả các nhóm liên quan? Có cần các quy trình riêng biệt cho các bên liên quan dễ bị tổn thương không?
- f. Nếu một khiếu nại không được coi là thích hợp để thanh tra, liệu người khiếu nại có được giải thích về lý do tại sao khiếu nại đó không được tiếp tục giải quyết không?
- g. Sẽ có một quy trình kháng cáo nếu người khiếu nại không hài lòng với giải quyết khiếu nại đề xuất? Không phải tất cả các dự án sẽ nhất thiết phải có một quy trình kháng cáo, nhưng cần có quy trình như vậy cho các dự án phức tạp. Trong mọi trường hợp, người khiếu nại cần được đảm bảo rằng họ vẫn có tất cả các quyền hợp pháp theo quy trình tư pháp quốc gia.
- h. Tóm tắt về thực hiện cơ chế khiếu nại cần được thường xuyên cung cấp cho công chúng, sau khi đã xóa thông tin nhận dạng về cá nhân để bảo vệ danh tính của họ. Tần suất báo cáo công bố ra công chúng để cho thấy quy trình đang được thực hiện?

7. Giám sát và báo cáo

7.1. Thu hút sự tham gia của các bên liên quan trong các hoạt động giám sát

Một số dự án đưa vào vai trò cho các bên thứ ba trong việc giám sát dự án hoặc các tác động liên quan đến dự án. Mô tả các kế hoạch liên quan đến các bên liên quan của dự án (bao gồm các cộng đồng bị ảnh hưởng) hoặc giám sát của bên thứ ba trong việc giám sát các tác động và chương trình giảm thiểu của dự án. Các tiêu chí để lựa chọn của bên thứ ba cần phải rõ ràng. Để biết thêm thông tin, hãy xem Hướng dẫn về thực hành tốt của Ngân hàng Thế giới về Giám sát của bên thứ ba.

7.2. Báo cáo lại cho các nhóm liên quan

Mô tả cách thức, thời gian và nơi báo cáo lại kết quả của các hoạt động tham gia của các bên liên quan cho cả các bên liên quan bị ảnh hưởng và các nhóm liên quan rộng hơn. Các báo cáo này cần dựa trên cùng một nguồn truyền thông đã được sử dụng trước đó để thông báo cho các bên liên quan. Các bên liên quan phải luôn được nhắc về sự sẵn sàng của cơ chế khiếu nại.

PHỤ LỤC 4: ĐÁNH GIÁ VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI VÀ NỘI DUNG HƯỚNG DẪN VỀ ESIA VÀ ESMP MTXH

Bên vay sẽ thực hiện đánh giá môi trường và xã hội để đánh giá những rủi ro và tác động môi trường và xã hội của một dự án trong suốt chu trình dự án. Thuật ngữ “đánh giá môi trường và xã hội” là một thuật ngữ chung mô tả quá trình phân tích và lập kế hoạch do Bên vay sử dụng để đảm bảo các tác động và rủi ro về môi trường và xã hội của dự án được nhận diện, tránh, giảm thiểu, giảm hoặc giảm nhẹ.

Đánh giá môi trường và xã hội là phương tiện chính để đảm bảo các dự án bền vững và lành mạnh về môi trường và xã hội và sẽ được sử dụng để thông báo cho việc ra quyết định. Đánh giá môi trường và xã hội là một quy trình linh hoạt, có thể sử dụng các công cụ và phương pháp khác nhau tùy thuộc vào chi tiết dự án và hoàn cảnh của Bên vay.

Đánh giá môi trường và xã hội sẽ được thực hiện theo TCMTXH1, và sẽ xem xét, theo cách tích hợp, tất cả các rủi ro và tác động môi trường và xã hội trực tiếp, gián tiếp và tích lũy của dự án, bao gồm cả những tác động được xác định cụ thể trong TCMTXH1. Độ rộng, độ sâu và loại phân tích được thực hiện như một phần của đánh giá môi trường và xã hội sẽ phụ thuộc vào tính chất và quy mô của dự án, và các rủi ro và tác động môi trường và xã hội tiềm tàng có thể dẫn đến. Bên vay sẽ thực hiện đánh giá môi trường và xã hội ở quy mô và mức độ chi tiết phù hợp với các rủi ro và tác động tiềm tàng.

Cách thức đánh giá môi trường và xã hội sẽ được tiến hành và các vấn đề cần giải quyết sẽ khác nhau đối với từng dự án. Bên vay sẽ tham khảo ý kiến của Ngân hàng để xác định quy trình sẽ được sử dụng, có tính đến một số hoạt động, bao gồm phạm vi, sự tham gia của các bên liên quan, các vấn đề môi trường và xã hội tiềm tàng và bất kỳ vấn đề cụ thể nào được nêu ra giữa Ngân hàng và Bên vay. Đánh giá môi trường và xã hội sẽ bao gồm và tính đến sự phối hợp và tham vấn với những người bị ảnh hưởng và các bên quan tâm khác, đặc biệt là ở giai đoạn đầu, để đảm bảo rằng tất cả các rủi ro và tác động môi trường và xã hội quan trọng đều được nhận diện và giải quyết.

Các phương pháp và công cụ khác nhau được Bên vay sử dụng để thực hiện đánh giá môi trường và xã hội và ghi lại kết quả đánh giá đó, bao gồm các biện pháp giảm thiểu được thực hiện, sẽ phản ánh bản chất và quy mô của dự án. Như được quy định trong TCMTXH1, các biện pháp này bao gồm, ở mức độ phù hợp, là sự kết hợp hoặc các yếu tố sau:

a. Đánh giá tác động môi trường và xã hội (ESIA)

Đánh giá tác động môi trường và xã hội (ESIA) là một công cụ để xác định và đánh giá các tác động môi trường và xã hội tiềm tàng của một dự án được đề xuất, đánh giá các giải pháp thay thế và thiết kế các biện pháp giảm thiểu, quản lý và giám sát phù hợp.

b. Kiểm toán môi trường và xã hội

Kiểm toán môi trường và xã hội là một công cụ để xác định tính chất và mức độ của tất cả các lĩnh vực quan tâm về môi trường và xã hội tại một dự án hoặc hoạt động hiện có. Kiểm toán xác định và luận chứng các biện pháp và hành động thích hợp để giảm thiểu các lĩnh vực quan tâm, ước tính chi phí của các biện pháp và hành động và

đề xuất một lịch trình để thực hiện chúng. Đối với một số dự án nhất định, đánh giá môi trường và xã hội có thể chỉ bao gồm kiểm toán môi trường hoặc xã hội; trong các trường hợp khác, kiểm toán là một phần của đánh giá môi trường và xã hội.

c. Đánh giá nguy hại hoặc rủi ro

Đánh giá nguy hại hoặc rủi ro là một công cụ để xác định, phân tích và kiểm soát các mối nguy hại liên quan đến sự xuất hiện của các vật liệu và điều kiện nguy hiểm tại khu vực dự án. Ngân hàng yêu cầu đánh giá nguy hại hoặc rủi ro đối với các dự án liên quan đến một số vật liệu dễ cháy, nổ, phản ứng và độc hại khi chúng có mặt với số lượng vượt quá ngưỡng quy định. Đối với một số dự án nhất định, đánh giá môi trường và xã hội có thể chỉ bao gồm đánh giá nguy hại hoặc rủi ro; trong các trường hợp khác, đánh giá nguy hại hoặc rủi ro là một phần của đánh giá môi trường và xã hội.

d. Đánh giá tác động tích lũy

Đánh giá tác động tích lũy là một công cụ để xem xét các tác động tích lũy của dự án kết hợp với các tác động từ các phát triển có liên quan trong quá khứ, hiện tại và có thể dự kiến trước một cách hợp lý cũng như các hoạt động ngoài kế hoạch nhưng có thể dự đoán được của dự án có thể xảy ra sau đó hoặc tại một địa điểm khác.

e. Phân tích xung đột và xã hội

Phân tích xung đột và xã hội là một công cụ đánh giá mức độ mà dự án có thể (a) làm trầm trọng thêm những căng thẳng và bất bình đẳng hiện có trong xã hội (cả trong cộng đồng bị ảnh hưởng bởi dự án và giữa các cộng đồng này với các cộng đồng khác); (b) có tác động tiêu cực đến sự ổn định và an ninh của con người; (c) bị ảnh hưởng tiêu cực bởi những căng thẳng, xung đột và bất ổn hiện có, đặc biệt là trong hoàn cảnh chiến tranh, nổi dậy và bất ổn dân sự.

f. Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội (ESMP)

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội (ESMP) là một công cụ đề cập chi tiết (a) các biện pháp được thực hiện trong quá trình thực hiện và vận hành dự án để loại bỏ hoặc bù đắp các tác động xấu đến môi trường và xã hội, hoặc giảm chúng xuống mức chấp nhận được; và (b) các hành động cần thiết để thực hiện các biện pháp này.

g. Khung quản lý môi trường và xã hội (ESMF)

Khung quản lý môi trường và xã hội (ESMF) là một công cụ kiểm tra rủi ro và tác động khi dự án bao gồm một chương trình và / hoặc nhiều tiểu dự án, và các rủi ro và tác động không thể xác định được cho đến khi xác định được chi tiết chương trình hoặc tiểu dự án. ESMF đưa ra các nguyên tắc, quy tắc, hướng dẫn và quy trình để đánh giá các rủi ro và tác động môi trường và xã hội. Nó bao gồm các biện pháp và kế hoạch để giảm, giảm thiểu và/hoặc bù đắp các rủi ro và tác động bất lợi, đưa ra các ước tính và dự toán chi phí cho các biện pháp đó và thông tin về một hay nhiều cơ quan chịu trách nhiệm giải quyết các rủi ro và tác động của dự án, bao gồm cả khả năng quản lý rủi ro và tác động môi trường và xã hội. Nó bao gồm thông tin đầy đủ về khu vực mà các tiểu dự án dự kiến sẽ được xây dựng, bao gồm bất kỳ lỗ hổng môi trường và xã hội tiềm tàng nào của khu vực; và về các tác động tiềm tàng có thể xảy ra và các biện pháp giảm thiểu dự kiến sẽ được sử dụng.

Các đặc điểm cụ thể của dự án có thể yêu cầu Bên vay sử dụng các phương pháp và công cụ chuyên dụng để đánh giá, như Kế hoạch tái định cư, Kế hoạch phục hồi sinh kế, Kế hoạch dân tộc thiểu số, Kế hoạch hành động đa dạng sinh học, Kế hoạch quản lý di sản văn hóa và các kế hoạch khác theo thỏa thuận với Ngân hàng.

Bên vay cần bắt đầu đánh giá môi trường và xã hội càng sớm càng tốt khi tiến hành dự án. Bên vay cần tham vấn Ngân hàng càng sớm càng tốt sao cho đánh giá môi trường và xã hội được thiết kế ngay từ đầu để đáp ứng các yêu cầu của TCMTXH.

Nội dung hướng dẫn của ESIA

Trường hợp đánh giá tác động môi trường và xã hội là một phần của đánh giá môi trường và xã hội, nó sẽ bao gồm những nội dung sau đây:

a. Báo cáo tóm tắt

- Trình bày chính xác những phát hiện quan trọng và các hành động được đề xuất.

b. Khung pháp lý và thể chế

- Phân tích khung pháp lý và thể chế cho dự án, trong đó đánh giá môi trường và xã hội được thực hiện, bao gồm các vấn đề được nêu trong TCMTXH1.
- So sánh khung môi trường và xã hội hiện tại của Bên vay và TCMTXH và xác định khoảng cách giữa chúng.
- Xác định và đánh giá các yêu cầu về môi trường và xã hội của các nhà đồng tài trợ.

c. Mô tả dự án

- Mô tả chính xác dự án đề xuất và bối cảnh địa lý, môi trường, xã hội và thời gian của dự án, bao gồm các khoản đầu tư ngoài địa điểm dự án có thể được yêu cầu (ví dụ: tuyến đường ống chuyên dụng, đường tiếp cận, cấp điện, cấp nước, nhà ở, và kho chứa nguyên liệu và sản phẩm thô), cũng như các nhà cung cấp chính của dự án.
- Thông qua việc xem xét các chi tiết của dự án, nêu sự cần thiết của các kế hoạch để đáp ứng các yêu cầu của TCMTXH1 đến 10.
- Bao gồm một bản đồ đầy đủ chi tiết, hiển thị vị trí dự án và khu vực có thể bị ảnh hưởng bởi các tác động trực tiếp, gián tiếp và tích lũy của dự án.

d. Cơ sở dữ liệu

- Đề ra chi tiết cơ sở dữ liệu có liên quan đến các quyết định về vị trí dự án, thiết kế, vận hành hoặc các biện pháp giảm thiểu. Điều này cần bao gồm thảo luận về tính chính xác, độ tin cậy và nguồn của dữ liệu cũng như thông tin về ngày xung quanh việc xác định, lập kế hoạch và thực hiện dự án.
- Xác định và ước tính phạm vi và chất lượng của dữ liệu có sẵn, thiếu hụt dữ liệu chính và sự không chắc chắn liên quan đến dự đoán.

- Dựa trên thông tin hiện tại, đánh giá phạm vi khu vực cần nghiên cứu và mô tả các điều kiện vật lý, sinh học và kinh tế xã hội có liên quan, bao gồm mọi thay đổi được dự đoán trước khi dự án bắt đầu.
- Tính tới các hoạt động phát triển hiện tại và được đề xuất trong khu vực dự án nhưng không được kết nối trực tiếp với dự án.

e. Rủi ro và tác động môi trường và xã hội

- Tính đến tất cả các rủi ro và tác động môi trường và xã hội có liên quan của dự án. Điều này sẽ bao gồm các rủi ro và tác động môi trường và xã hội được xác định cụ thể trong TCMTXH2, 8 và bất kỳ rủi ro và tác động môi trường và xã hội nào khác do hậu quả của tính chất và bối cảnh cụ thể của dự án, bao gồm các rủi ro và tác động được xác định trong TCMTXH1.

f. Biện pháp giảm thiểu

- Xác định các biện pháp giảm thiểu và các tác động tiêu cực tồn đọng đáng kể không thể giảm thiểu và trong phạm vi có thể, đánh giá khả năng chấp nhận các tác động tiêu cực tồn đọng đó.
- Xác định các biện pháp khác nhau để các tác động bất lợi không được phân bổ một cách không đồng đều lên những đối tượng yếu thế hoặc dễ bị tổn thương.
- Đánh giá tính khả thi của việc giảm thiểu các tác động môi trường và xã hội; chi phí vốn và chi phí thường xuyên của các biện pháp giảm thiểu được đề xuất, và sự phù hợp của chúng với các điều kiện địa phương; và các yêu cầu về thể chế, đào tạo và giám sát đối với các biện pháp giảm thiểu được đề xuất.
- Nêu rõ các vấn đề không cần quan tâm thêm, tạo cơ sở cho quyết định này.

g. Phân tích các giải pháp thay thế

- So sánh một cách có hệ thống các giải pháp thay thế khả thi về địa điểm dự án, công nghệ, thiết kế và vận hành dự án, bao gồm cả tình huống “không có dự án về các tác động môi trường và xã hội tiềm tàng của chúng.
- Đánh giá tính khả thi của các giải pháp thay thế về giảm thiểu các tác động môi trường và xã hội; chi phí vốn và chi phí thường xuyên của các biện pháp giảm thiểu thay thế, và sự phù hợp của chúng với các điều kiện địa phương; và các yêu cầu về thể chế, đào tạo và giám sát đối với các biện pháp giảm thiểu thay thế.
- Đối với mỗi phương án, hãy định lượng các tác động môi trường và xã hội trong phạm vi có thể, và gắn các giá trị kinh tế khi có thể.

h. Giải pháp thiết kế

- Đề ra cơ sở để lựa chọn thiết kế dự án cụ thể được đề xuất và chỉ định EHSG áp dụng hoặc nếu ESHG được xác định là không thể áp dụng, luận chứng cho mức phát thải được đề xuất và phương pháp tiếp cận phòng ngừa và giảm thiểu ô nhiễm phù hợp với GIIP.

i. Các biện pháp và hành động chính cho Kế hoạch cam kết môi trường và xã hội (ESCP)

- Tóm tắt các biện pháp và hành động chính và khung thời gian cần thiết cho dự án để đáp ứng các yêu cầu của TCMTXH. Điều này sẽ được sử dụng khi xây dựng Kế hoạch cam kết môi trường và xã hội (ESCP).

j. Phụ lục

- Danh sách các cá nhân hoặc tổ chức đã chuẩn bị hoặc đóng góp cho việc đánh giá môi trường và xã hội.
- Tài liệu tham khảo – đưa ra các tài liệu bằng văn bản đã xuất bản và chưa xuất bản, đã được sử dụng.
- Biên bản cuộc họp, tham vấn và khảo sát với các bên liên quan, bao gồm cả những người có người bị ảnh hưởng và các bên quan tâm khác. Biên bản phải nêu phương tiện thu hút sự tham gia của các bên liên quan đã được sử dụng để lấy được quan điểm của những người bị ảnh hưởng và các bên quan tâm khác.
- Các bảng trình bày các dữ liệu liên quan được đề cập hoặc tóm tắt trong văn bản chính.
- Danh sách các báo cáo hoặc kế hoạch liên quan.

Nội dung hướng dẫn của ESMP

ESMP bao gồm tập hợp các biện pháp giảm thiểu, giám sát và thể chế được triển khai trong quá trình thực hiện và vận hành dự án để loại bỏ các rủi ro và tác động môi trường và xã hội bất lợi, bù đắp hoặc giảm chúng xuống mức chấp nhận được. ESMP cũng bao gồm các biện pháp và hành động cần thiết để thực hiện các biện pháp này. Bên vay sẽ (a) xác định tập hợp các phản ứng đối với các tác động bất lợi tiềm tàng; (b) xác định các yêu cầu để đảm bảo rằng những phản hồi đó được thực hiện một cách hiệu quả và kịp thời; và (c) mô tả các phương tiện để đáp ứng các yêu cầu đó.

Tùy thuộc vào dự án, ESMP có thể được lập dưới dạng một tài liệu độc lập hoặc nội dung có thể được tích hợp trực tiếp vào ESCP. Nội dung của ESMP sẽ bao gồm các nội dung sau:

a. Giảm thiểu

- ESMP xác định các biện pháp và hành động theo trình tự giảm thiểu nhằm giảm các tác động có hại cho môi trường và xã hội đến mức chấp nhận được. Kế hoạch sẽ bao gồm các biện pháp bồi thường, nếu có. Cụ thể, ESMP: (i) xác định và tóm tắt tất cả các tác động tiêu cực về môi trường và xã hội (bao gồm cả những tác động liên quan đến người dân tộc thiểu số hoặc tái định cư không tự nguyện); . quy trình vận hành, ở mức độ thích hợp; (iii) ước tính mọi tác động tiềm tàng đối với môi trường và xã hội của các biện pháp này; và (iv) tính đến và phù hợp với các kế hoạch giảm thiểu khác cần thiết cho dự án (ví dụ: đối với tái định cư không tự nguyện, người dân tộc thiểu số hoặc di sản văn hóa).

b. Giám sát

- ESMP xác định các mục tiêu giám sát và nêu rõ loại giám sát, các mối liên kết với các tác động được đánh giá trong đánh giá môi trường và xã hội và các biện pháp giảm thiểu được mô tả trong ESMP. Cụ thể, phần giám sát của ESMP đưa ra: (a) mô tả cụ thể và chi tiết kỹ thuật về các biện pháp giám sát, bao gồm các thông số cần đo, phương pháp sử dụng, vị trí lấy mẫu, tần suất đo, giới hạn phát hiện (khi thích hợp), và định nghĩa các ngưỡng sẽ báo hiệu sự cần thiết phải có hành động khắc phục; và (b) các quy trình giám

sát và báo cáo để (i) đảm bảo phát hiện sớm các điều kiện cần có các biện pháp giảm thiểu cụ thể và (ii) cung cấp thông tin về tiến trình và kết quả giảm thiểu.

c. Phát triển năng lực và đào tạo

- Để hỗ trợ thực hiện kịp thời và hiệu quả các biện pháp giảm thiểu và caais phần dự án môi trường và xã hội, ESMP dựa vào đánh giá về môi trường và xã hội về sự tồn tại, vai trò và khả năng của các bên có trách nhiệm tại chỗ hoặc ở cấp cơ quan và cấp bộ.
- Cụ thể, ESMP đưa ra mô tả cụ thể về các thỏa thuận thể chế, xác định bên nào chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp giảm thiểu và giám sát (ví dụ: để vận hành, giám sát, thực thi, giám sát thực hiện, hành động khắc phục, tài trợ, báo cáo và đào tạo nhân viên).
- Để tăng cường năng lực quản lý môi trường và xã hội trong các cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện, ESMP khuyến nghị thành lập hoặc mở rộng các bên chịu trách nhiệm, đào tạo nhân viên và bất kỳ biện pháp bổ sung nào cần thiết để hỗ trợ thực hiện các biện pháp giảm thiểu và các khuyến nghị khác về đánh giá môi trường và xã hội.

d. Kế hoạch thực hiện và ước tính chi phí

- Đối với cả ba khía cạnh (giảm thiểu, giám sát và phát triển năng lực), ESMP đưa ra (a) lịch trình thực hiện các biện pháp phải được thực hiện như một phần của dự án, thể hiện giai đoạn và phối hợp với các kế hoạch thực hiện dự án tổng thể; và (b) dự toán chi phí vốn và chi phí thường xuyên và nguồn vốn để thực hiện ESMP. Những số liệu này cũng được đưa vào bảng tổng hợp chi phí dự án.

e. Tích hợp ESMP với Dự án

Quyết định của Bên vay để tiến hành một dự án và quyết định hỗ trợ của Ngân hàng hỗ trợ dự án đó được đưa ra một phần dựa trên kỳ vọng rằng ESMP (độc lập hoặc được tích hợp vào ESCP) sẽ được thực thi hiệu quả. Do đó, mỗi biện pháp và hành động được thực hiện sẽ được quy định rõ ràng, bao gồm các biện pháp và hành động giảm thiểu và giám sát riêng lẻ và các trách nhiệm thể chế liên quan đến nhau, và chi phí thực hiện sẽ được tích hợp vào lập kế hoạch, thiết kế chung của dự án, ngân sách và thực hiện.

PHỤ LỤC 5: HƯỚNG DẪN VỀ KHUNG CHÍNH SÁCH TÁI ĐỊNH CƯ

TCMTXH5 khẳng định các hoạt động thu hồi đất, hạn chế sử dụng đất liên quan đến dự án có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến các cộng đồng, cá nhân. Hoạt động thu hồi đất¹ hay hạn chế sử dụng đất² có thể dẫn đến tình huống di dời chỗ ở (tái định cư, mất đất ở, nhà ở), ảnh hưởng kinh tế (mất đất đai, tài sản hay quyền tiếp cận tài sản, dẫn tới mất nguồn thu nhập hay các phương tiện sinh kế khác),³ hoặc cả hai. “Tái định cư không tự nguyện” là khái niệm được dùng để chỉ những tác động này. Tái định cư được coi là không tự nguyện (tái định cư không tự nguyện) khi những cá nhân, cộng đồng bị ảnh hưởng không được quyền từ chối việc thu hồi đất hay hạn chế sử dụng đất, dẫn tới việc phải di dời.

1. Mục tiêu

Các mục tiêu bao gồm:

- a. Tránh tái định cư không tự nguyện, hoặc nếu không thể tránh, giảm thiểu tái định cư không tự nguyện bằng việc xem xét các phương án thiết kế dự án khác.
- b. Tránh cưỡng chế.
- c. Giảm thiểu các tác động tiêu cực về xã hội, kinh tế từ việc thu hồi đất hay hạn chế sử dụng đất bằng cách: (a) bồi thường kịp thời đối với các trường hợp mất tài sản theo giá thay thế;⁶ (b) hỗ trợ người phải di dời trong nỗ lực của họ nhằm cải thiện hay ít nhất phục hồi nguồn sinh kế, mức sống thực tế trở lại mức ban đầu hay mức phổ biến trước thời điểm bắt đầu triển khai dự án, bất cứ mức nào cao hơn.
- d. Cải thiện điều kiện sống của người nghèo, đối tượng yếu thế phải di dời chỗ ở, thông qua việc bố trí đầy đủ nhà ở, dịch vụ, cơ sở vật chất, đảm bảo quyền sở hữu.⁷
- e. Nhận thức và thực hiện các hoạt động tái định cư như các Chương trình phát triển bền vững, cung cấp đủ nguồn lực đầu tư để tạo điều kiện cho người phải di dời được hưởng lợi trực tiếp từ dự án, tùy theo tính chất của dự án.
- f. Bảo đảm rằng các hoạt động tái định cư được lập kế hoạch và thực hiện với các biện pháp công khai thông tin phù hợp, tham vấn có ý nghĩa, và sự tham gia với đầy đủ thông tin của các bên bị ảnh hưởng tham gia.

2. Phạm vi áp dụng

Phạm vi áp dụng của TCMTXH5 được xác định trong đánh giá môi trường và xã hội nêu tại TCMTXH1. TCMTXH này áp dụng cho các trường hợp phải di dời chỗ ở, bị ảnh hưởng kinh tế vĩnh viễn hay tạm thời phát sinh do những loại hình thu hồi đất hoặc hạn chế sử dụng đất được thực hiện hoặc áp đặt liên quan đến việc thực hiện dự án như sau:

- g. Chủ quyền đất đai hay quyền sử dụng đất bị thu hồi hay hạn chế thông qua hình thức sung công hay những biện pháp bắt buộc khác theo luật pháp quốc gia;
- h. Quyền về đất đai hay quyền sử dụng đất bị thu hồi hay hạn chế thông qua thương lượng, thỏa thuận với chủ đất hay người có quyền hợp pháp đối với đất đai đó, nếu việc không đạt được thỏa thuận có thể sẽ dẫn đến bị sung công hay quy trình bắt buộc khác;⁸
- i. Những quy định hạn chế về sử dụng đất, tiếp cận nguồn tài nguyên thiên nhiên khiến cộng đồng hay nhóm đối tượng trong cộng đồng bị mất quyền khai thác tài nguyên trong khi những đối tượng trên đã có quyền này theo yếu tố lịch sử, phong tục từ trước, hay các quyền sử dụng khác đã được thừa nhận.

Trường hợp này bao gồm những tình huống trong đó các khu vực được pháp luật bảo vệ, rừng, khu vực đa dạng sinh thái hay vùng đệm được thiết lập liên quan đến dự án;9

- j. Di dời người không có quyền sử dụng chính thức, do lịch sử để lại hoặc các quyền sử dụng được thừa nhận, đang cư ngụ hay sử dụng đất đó trước ngày khóa sổ của dự án;
- k. Những người phải di dời do hậu quả tác động của dự án làm cho đất của họ không sử dụng được hoặc không tiếp cận được;
- l. Hạn chế tiếp cận đất đai hay khai thác các nguồn tài nguyên khác, trong đó có tài sản cộng đồng, tài nguyên thiên nhiên như tài nguyên biển, thủy sinh, lâm sản dạng gỗ, ngoài gỗ, nước ngọt, thảo dược, khu vực săn bắn, hái lượm, khu vực chăn thả, trồng trọt;
- m. Các quyền về đất đai hay chủ quyền đối với đất đai, tài nguyên mà cá nhân, cộng đồng phải giao lại mà không được bồi thường đầy đủ;
- n. Các hoạt động thu hồi đất hay hạn chế sử dụng đất thực hiện trước dự án nhưng được thực hiện hay khởi xướng để đón đầu, hoặc chuẩn bị cho dự án.

TCMTXH này không áp dụng cho những ảnh hưởng đối với thu nhập, sinh kế không trực tiếp phát sinh từ việc thu hồi đất hay hạn chế sử dụng đất do dự án. Những tác động trên được đề cập đến tại TCMTXH1.

3. Yêu cầu

3.1 Yêu cầu chung

Tiêu chuẩn phân loại

Đối tượng bị ảnh hưởng có thể phân loại thành các nhóm sau: (a) Người có quyền chính thức, hợp pháp đối với đất đai hoặc tài sản; (b) Người không có quyền hợp pháp chính thức đối với đất đai, tài sản nhưng có đòi hỏi quyền lợi với đất đai hoặc tài sản và đòi hỏi đó được công nhận hay có thể được công nhận theo luật pháp quốc gia; hoặc (c) Người không có quyền hợp pháp hay yêu cầu được thừa nhận đối với đất đai, tài sản đang nắm giữ hoặc sử dụng.

Thiết kế dự án

Bên vay cần chứng minh rằng thu hồi đất không tự nguyện hay hạn chế sử dụng đất chỉ giới hạn ở các yêu cầu trực tiếp của dự án cho các mục đích cụ thể và trong thời hạn rõ ràng. Bên vay cần xem xét một số phương án thiết kế dự án khả thi để tránh hoặc giảm thiểu việc thu hồi đất hay hạn chế sử dụng đất, đặc biệt nếu việc đó sẽ dẫn đến tình trạng di dời chỗ ở hay ảnh hưởng kinh tế, đồng thời bảo đảm cân đối chi phí-lợi ích về môi trường, xã hội, kinh tế và tài chính, và đặc biệt lưu ý đến những tác động về giới cũng như tác động đến người nghèo, đối tượng yếu thế.

Bồi thường, bảo đảm lợi ích cho những người bị ảnh hưởng

Nếu không thể tránh được việc sử dụng biện pháp thu hồi đất hay hạn chế sử dụng đất (vĩnh viễn hoặc tạm thời), Bên vay cần thực hiện bồi thường cho người bị ảnh hưởng theo giá thay thế, đồng thời có các hình thức hỗ trợ khác nếu cần để giúp người phải di dời cải thiện hay ít nhất khôi phục trở lại mức sống hay sinh kế cũ.

Các tiêu chuẩn bồi thường đối với các loại đất và tài sản trên đất phải được công khai và áp dụng thống nhất. Các mức bồi thường có thể điều chỉnh tăng nếu áp dụng hình thức thương lượng. Trong mọi trường hợp, cơ sở rõ ràng để tính giá bồi thường phải được tài liệu hóa và bồi thường được phân bổ theo các quy trình minh bạch.

Trường hợp sinh kế của đối tượng phải di dời phụ thuộc vào đất đai, hoặc đất thuộc sở hữu tập thể, Bên vay sẽ đề xuất với người phải di dời phương án thay thế bằng đổi đất theo khoản 35(a), trừ trường hợp Bên vay chứng minh thỏa đáng với Ngân hàng rằng không có quỹ đất thay thế tương ứng. Nếu nội dung, mục tiêu của dự án cho phép, Bên vay nên tạo điều kiện để các cộng đồng, cá nhân phải di dời được hưởng các lợi ích phát triển phù hợp từ dự án.

Bên vay chỉ được thu hồi đất và tài sản trên đất sau khi đã hoàn thành bồi thường theo quy định tại TCMTXH này, và khi cần thiết, người phải di dời đã được tái định cư và đã được nhận trợ cấp di dời ngoài tiền bồi thường. Ngoài ra, các chương trình khôi phục, cải thiện sinh kế cần được triển khai kịp thời để bảo đảm đối tượng bị ảnh hưởng có sự chuẩn bị đầy đủ để nắm bắt được các cơ hội sinh kế khác khi có điều kiện.

Trong một số trường hợp, có thể gặp nhiều khó khăn đáng kể liên quan đến việc chi trả tiền bồi thường cho một số đối tượng đặc thù, chẳng hạn, khi không thể liên hệ được với chủ đất dù sau nhiều nỗ lực liên tục, hoặc trường hợp người bị ảnh hưởng bởi dự án từ chối nhận bồi thường theo kế hoạch đã duyệt, hoặc khi những khurou nại mang tính cạnh tranh về sở hữu đất hoặc tài sản phải tuân theo các quy trình pháp lý kéo dài. Trong trường hợp ngoại lệ, với sự thống nhất trước của Ngân hàng, và trường hợp Bên vay chứng tỏ đã thực hiện mọi nỗ lực hợp lý để giải quyết những vấn đề trên, Bên vay có thể tiến hành ký quỹ tiền bồi thường như đề xuất trong kế hoạch (cộng với một khoản bổ sung hợp lý làm chi phí dự phòng) vào tài khoản trung gian có lãi suất hoặc tài khoản ký quỹ khác và tiếp tục tiến hành các hoạt động tương ứng của dự án. Tiền bồi thường ký quỹ sẽ được chi trả kịp thời cho đối tượng sau khi các vấn đề trên đã được giải quyết.

Tham vấn cộng đồng

Bên vay cần tổ chức trưng cầu ý kiến các cộng đồng bị ảnh hưởng, bao gồm cả cộng đồng sở tại, thông qua quy trình tham vấn bên liên quan nêu tại TCMTXH10. Các quy trình ra quyết định liên quan đến tái định cư, khôi phục sinh kế sẽ có những nội dung như các giải pháp, phương án đề xuất để đối tượng bị ảnh hưởng lựa chọn. Hoạt động công khai các thông tin liên quan cũng như quá trình tham gia có ý nghĩa của các cộng đồng, cá nhân bị ảnh hưởng sẽ được thực hiện trong giai đoạn xem xét các phương án thiết kế dự án và các giai đoạn sau trong suốt quá trình lập kế hoạch, triển khai, giám sát, đánh giá, bồi thường, công tác khôi phục sinh kế và quá trình tái định cư. Ngoài ra, các quy định khác áp dụng cho quá trình tham vấn những đối tượng dân tộc thiểu số phải di dời theo TCMTXH7.

Quy trình tham vấn phải bảo đảm cho phụ nữ được tham gia đóng góp ý kiến, đồng thời mọi khâu lập kế hoạch, triển khai kế hoạch tái định cư cũng phải quan tâm đến quyền lợi của phụ nữ. Để đối phó với những tác động về sinh kế cần tiến hành phân tích ở cấp độ hộ gia đình nếu sinh kế của nam giới và phụ nữ chịu những mức độ ảnh hưởng khác nhau. Cần xem xét những ưu tiên của nam giới và phụ nữ về cơ chế bồi thường, như bồi thường bằng đất thay thế hoặc tiếp cận khác đến tài nguyên thiên nhiên thay vì bồi thường bằng tiền.

Cơ chế khiếu nại

Bên vay cần bảo đảm dự án có cơ chế khiếu nại đầy đủ theo yêu cầu của TCMTXH10 ngay từ giai đoạn lập dự án để xử lý kịp thời một số vấn đề về bồi thường, tái định cư hay khôi phục sinh kế do các đối tượng phải di dời (hay đối tượng khác) nêu ra. Nếu có thể, các cơ chế giải quyết khiếu kiện này nên kế thừa các cơ chế khiếu nại chính thức hay không chính thức hiện có, phù hợp với mục tiêu dự án, có sửa đổi, bổ sung nếu cần với những sắp xếp đặc thù của dự án nhằm giải quyết tranh chấp một cách khách quan.

Lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch

Trường hợp không thể tránh được việc áp dụng biện pháp thu hồi đất hay hạn chế sử dụng đất, Bên vay cần thực hiện

tổng điều tra trong khuôn khổ đánh giá môi trường và xã hội để xác định đối tượng sẽ bị ảnh hưởng bởi dự án, nhằm lập danh sách những đất đai, tài sản bị ảnh hưởng,¹⁷ xác định những đối tượng được bồi thường, hỗ trợ,¹⁸ cũng như để ngăn cản trường hợp những đối tượng không đủ điều kiện, như những người cơ hội, đòi yêu sách về các quyền lợi. Đánh giá xã hội cũng cần quan tâm đến đòi hỏi của những cộng đồng, nhóm đối tượng có lý do chính đáng để không có mặt tại địa bàn dự án trong thời gian điều tra, ví dụ những người khai thác tài nguyên theo mùa vụ. Cùng với hoạt động tổng điều tra, Bên vay cần xác định ngày khóa sổ xác định tiêu chuẩn hợp lệ. Thông tin về ngày khóa sổ cần được tài liệu hóa đầy đủ và được thường xuyên phổ biến rộng rãi trên địa bàn dự án cả bằng hình thức văn bản và phi văn bản (nếu thích hợp) và bằng các ngôn ngữ địa phương phù hợp. Hình thức phổ biến có thể là niêm yết thông báo khuyến cáo rằng người cư ngụ trên địa bàn dự án sau ngày khóa sổ sẽ phải di dời.

Để giải quyết những vấn đề đã đề cập đến trong đánh giá môi trường và xã hội, Bên vay cần lập kế hoạch¹⁹ tương ứng với các rủi ro, ảnh hưởng liên quan đến dự án:

- a. Đối với những dự án có phạm vi thu hồi đất hay hạn chế sử dụng đất không lớn, kết quả của nó là không có ảnh hưởng đáng kể đến thu nhập hay sinh kế, kế hoạch này cần xác định các chỉ hợp lệ đối với người bị ảnh hưởng, đưa ra quy trình, tiêu chuẩn bồi thường, và đưa vào cơ chế cho tham vấn, giám sát, giải quyết khiếu kiện;
- b. Đối với những dự án có di dời chỗ ở, kế hoạch cần đưa ra các biện pháp bổ sung phù hợp với việc tái định cư cho đối tượng bị ảnh hưởng;
- c. Đối với những dự án liên quan đến ảnh hưởng kinh tế, có ảnh hưởng đáng kể về sinh kế hay vấn đề tạo thu nhập, kế hoạch này cần nêu rõ các biện pháp bổ sung liên quan đến cải thiện hay khôi phục sinh kế; và
- d. Đối với những dự án có thể gây ra những thay đổi về hình thức sử dụng đất, làm hạn chế khả năng tiếp cận nguồn tài nguyên ở những khu sinh thái hay khu vực bảo tồn, hay các nguồn tài sản chung mà người địa phương lấy làm chỗ dựa để phục vụ sinh kế, kế hoạch cần đề ra quy trình có sự tham gia để xác định những hình thức hạn chế khai thác phù hợp, đồng thời đề ra những biện pháp giảm thiểu nhằm giải quyết các ảnh hưởng bất lợi về sinh kế phát sinh từ những hạn chế trên.

Kế hoạch của Bên vay cần xác định các chức năng, nhiệm vụ cụ thể liên quan tài chính và triển khai, và bao gồm kinh phí dự phòng để trang trải cho các chi phí không lường trước phát sinh, cũng như các sắp xếp nhằm có phản ứng kịp thời, đồng bộ cho những tình huống không dự kiến phát sinh, gây trở ngại cho việc thực hiện các mục tiêu đề ra.²⁰ Tổng kinh phí cho công tác tái định cư cần thiết để thực hiện mục tiêu của dự án sẽ được tính gộp vào tổng vốn đầu tư dự án. Cũng như kinh phí cho các hoạt động dự án khác, kinh phí tái định cư được coi là chi phí cho các lợi ích kinh tế của dự án; và mọi lợi ích thực đối với người tái định cư (so với tình huống “không có dự án”) sẽ được tính gộp vào tổng lợi ích của dự án.

Bên vay cần có quy trình giám sát, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, cũng như có biện pháp giảm thiểu nếu cần trong quá trình thực hiện để thực hiện mục tiêu của TCMTXH5. Phạm vi của các hoạt động giám sát phải tương ứng với các rủi ro, ảnh hưởng của dự án. Đối với những dự án có tác động đáng kể do tái định cư không tự nguyện, Bên vay cần sử dụng các chuyên gia về tái định cư có năng lực để thực hiện giám sát kết quả thực hiện các kế hoạch tái định cư, có biện pháp giảm thiểu nếu cần, cố vấn về tình hình đáp ứng yêu cầu của TCMTXH5, viết báo cáo giám sát định kỳ. Đối tượng bị ảnh hưởng sẽ được tham vấn trong quá trình giám sát. Báo cáo giám sát định kỳ sẽ được chuẩn bị và người bị ảnh hưởng sẽ được thông báo về kết quả giám sát.

Bên vay sẽ được coi là hoàn thành kế hoạch khi các ảnh hưởng bất lợi của việc tái định cư đã được xử lý phù hợp với mục tiêu của TCMTXH này. Đối với những dự án có ảnh hưởng đáng kể do tái định cư không tự nguyện, Bên vay sẽ thực hiện thẩm định độc lập việc hoàn thành kế hoạch sau khi toàn bộ các biện pháp khắc phục đã được

cơ bản hoàn thành. Hoạt động thẩm định hoàn thành kế hoạch cần được thực hiện bởi chuyên gia về tái định cư, trong đó sẽ tiến hành đánh giá xem sinh kế, mức sống đã được cải thiện chưa, hay ít nhất được khôi phục, đồng thời đề xuất các biện pháp khắc phục nếu cần để thực hiện những mục tiêu chưa đạt được.

Trường hợp chưa nắm rõ nội dung hay phạm vi cụ thể của công tác thu hồi đất hay hạn chế sử dụng đất liên quan đến dự án có khả năng dẫn đến tình trạng di dời chỗ ở và/hoặc ảnh hưởng kinh tế trong giai đoạn lập dự án, Bên vay cần xây dựng quy định khung trong đó, đề ra các nguyên tắc, quy trình chung phù hợp với TCMTXH này. Khi đã xác định được từng cấu phần cụ thể của dự án cũng như đã thu được những thông tin cần thiết, cần tiếp tục phát triển quy định khung này thành một hoặc nhiều kế hoạch cụ thể tương ứng với các rủi ro, tác động tiềm tàng. Không di dời chỗ ở và/hoặc làm ảnh hưởng kinh tế cho đến khi các kế hoạch theo yêu cầu của TCMTXH này được hoàn thiện và được Ngân hàng phê duyệt.

3.2 Di dời

Di dời chỗ ở

Trường hợp có di dời chỗ ở, Bên vay cần lập kế hoạch bảo đảm ít nhất đáp ứng các yêu cầu của TCMTXH này, dù số lượng đối tượng bị ảnh hưởng là bao nhiêu. Kế hoạch này sẽ được xây dựng sao cho bảo đảm khắc phục được những ảnh hưởng bất lợi từ việc di dời, cũng như định hình được các cơ hội phát triển khả thi. Trong kế hoạch sẽ có các nội dung về kinh phí tái định cư, tiến độ thực hiện, đồng thời xác định quyền lợi của mọi nhóm đối tượng (kể cả các cộng đồng sở tại). Kế hoạch cần đặc biệt lưu ý vấn đề giới cũng như nhu cầu của người nghèo, đối tượng yếu thế. Bên vay cần tổng hợp về mọi giao dịch thu hồi quyền sử dụng đất đai, phương án bồi thường và những hỗ trợ khác liên quan đến công tác tái định cư.

Nếu người dân sinh sống trên địa bàn dự án cần phải di dời đến nơi ở mới, Bên vay cần:

- a. tạo điều kiện cho người phải di dời được lựa chọn một số phương án tái định cư khả thi, trong đó có đầy đủ nội dung về bồi thường bằng nhà cửa hay bồi thường bằng tiền;
- b. tổ chức hỗ trợ tái định cư theo nhu cầu của từng nhóm đối tượng.

Địa điểm tái định cư phải bảo đảm các điều kiện sinh sống ít nhất tương đương với nơi sinh sống cũ, hay phù hợp với các quy chuẩn, tiêu chuẩn phổ biến hiện hành, trong đó sẽ áp dụng tiêu chuẩn nào cao hơn. Nếu địa điểm tái định cư mới cần một số công tác chuẩn bị, dự án cần tham khảo ý kiến của cộng đồng sở tại về các phương án quy hoạch, trong đó các kế hoạch tái định cư cần bảo đảm khả năng tiếp cận thường xuyên, ít nhất bằng với mức độ hay tiêu chuẩn hiện tại, của cộng đồng sở tại đối với các cơ sở vật chất, dịch vụ. Mong muốn được di chuyển trong cộng đồng và nhóm đã có sẵn sẽ được tôn trọng đến mức tối đa. Các thiết chế xã hội, văn hóa của người phải di dời và của cộng đồng tiếp nhận cần được tôn trọng.

Trường hợp có đối tượng phải di dời chỗ ở như nêu tại các khoản 10(a) hay 10(b), Bên vay cần đề xuất phương án bồi thường bằng tài sản có giá trị tương đương trở lên, bảo đảm quyền quản lý, sử dụng, có chất lượng tương đương trở lên, có lợi thế về vị trí, hoặc bồi thường bằng tiền với giá thay thế. Nên xem xét bồi thường bằng hiện vật thay cho bồi thường bằng tiền.

Trường hợp có đối tượng phải di dời chỗ ở như nêu tại khoản 10(c), Bên vay cần có thỏa thuận tạo điều kiện cho đối tượng tìm được nhà ở phù hợp, bảo đảm quyền quản lý, sử dụng. Trường hợp đối tượng đang sở hữu công trình trên đất, Bên vay cần bồi thường cả tổn thất tài sản ngoài giá trị đất, như nhà cửa, công trình đã đầu tư trên đất, với giá thay thế. Sau khi tham vấn với người bị di dời, Bên vay cần thực hiện hỗ trợ tái định cư thay vì bồi thường cho đất đai, đủ

để khôi phục mức sống tại địa điểm mới phù hợp.

Bên vay không phải bồi thường hay hỗ trợ những đối tượng chiếm dụng đất trong khu vực dự án sau ngày khóa sổ, với điều kiện ngày khóa sổ đã được xác định rõ và đã được công bố.

Bên vay sẽ không được sử dụng biện pháp cưỡng chế di dời đối với người bị ảnh hưởng. “Cưỡng chế di dời” là di dời tạm thời hay lâu dài trái với ý chí của cá nhân, gia đình, cộng đồng ra khỏi nhà, đất đai mà họ đang cư ngụ mà không cung cấp hay bảo đảm quyền tiếp cận đến, các hình thức bảo trợ pháp lý hay bảo trợ khác phù hợp, bao gồm toàn bộ các quy trình, nguyên tắc liên quan nêu tại TCMTXH này. Việc thực trưng thu, thu hồi bắt buộc, hay các quyền hạn tương tự của Bên vay sẽ không bị coi là cưỡng chế di dời nếu phù hợp với luật pháp quốc gia và quy định của TCMTXH này, và được thực hiện phù hợp với các nguyên tắc cơ bản về thủ tục hợp pháp (như thực hiện thông báo đủ sớm, cơ hội đầy đủ để thực hiện khiếu nại và thắc mắc, và tránh sử dụng vũ lực một cách không cần thiết và không phù hợp).

Như là một lựa chọn thay thế cho di dời, Bên vay có thể xem xét thương lượng các lựa chọn phát triển đất tại chỗ trong đó người bị ảnh hưởng có thể chấp nhận mất một phần đất hay di dời trên địa bàn, để đổi lại những cải thiện sẽ làm tăng giá trị tài sản của họ sau khi phát triển. Những người không muốn tham gia thỏa thuận sẽ được lựa chọn phương án nhận bồi thường toàn bộ và các hỗ trợ khác theo quy định của TCMTXH này.

Ảnh hưởng kinh tế

Trường hợp các dự án có ảnh hưởng đến sinh kế hay nguồn thu nhập, trong kế hoạch của Bên vay cần có biện pháp tạo điều kiện cho đối tượng cải thiện hay ít nhất khôi phục mức thu nhập hay sinh kế. Kế hoạch cần xác định quyền lợi của người và/hoặc cộng đồng, đặc biệt lưu ý đến vấn đề giới, nhu cầu của các nhóm yếu thế trong cộng đồng, đồng thời bảo đảm sự minh bạch, nhất quán, công bằng cho những nội dung trên. Kế hoạch cũng cần có các cơ chế giám sát hiệu quả của biện pháp bảo đảm sinh kế trong quá trình triển khai, cũng như đánh giá sau khi hoàn thành giai đoạn triển khai. Quá trình khắc phục các ảnh hưởng kinh tế sẽ được coi là đã hoàn thành khi kết luận của thẩm định hoàn thành cho biết các cá nhân, cộng đồng bị ảnh hưởng đã nhận được mọi sự hỗ trợ được hưởng, cũng như đã được tạo điều kiện đầy đủ để tái lập sinh kế.

Những đối tượng bị ảnh hưởng kinh tế bị mất tài sản hay khả năng tiếp cận tài sản sẽ được bồi thường cho những mất mát đó với giá thay thế:

- a. Trường hợp việc sử dụng các biện pháp thu hồi đất hay hạn chế sử dụng đất ảnh hưởng đến doanh nghiệp, chủ các doanh nghiệp bị ảnh hưởng sẽ được bồi thường chi phí tìm địa điểm mới; tổn thất thu nhập thực trong quá trình di dời; chi phí di dời, tái bố trí nhà xưởng, thiết bị, máy móc; chi phí khôi phục hoạt động sản xuất, kinh doanh. Người lao động bị ảnh hưởng sẽ được nhận hỗ trợ cho các tổn thất tạm thời về lương và nếu cần cả hỗ trợ để tìm việc làm mới;
- b. Trường hợp đối tượng có quyền hợp pháp hay chủ quyền đất đai đã được công nhận hay có thể được thừa nhận theo luật pháp địa phương (xem khoản 10(a), 10(b)), dự án sẽ bố trí bồi thường bằng tài sản thay thế (VD: đất nông nghiệp, thương nghiệp) có giá trị tương đương trở lên, hay bồi thường bằng tiền theo giá thay thế, nếu cần;
- c. Những đối tượng bị ảnh hưởng kinh tế không có quyền sử hữu đất được pháp luật công nhận (xem khoản 10(c)) sẽ được bồi thường cho các tài sản bị mất thay vì đất (như mùa màng, công trình thủy nông, các công trình khác trên đất), theo giá thay thế. Ngoài ra, Bên vay cũng cần có hình thức hỗ trợ thay cho hình thức bồi thường đất đai, đủ để tạo điều kiện cho đối tượng khôi phục sinh kế ở nơi khác. Bên vay không phải bồi thường hay hỗ trợ những đối tượng chiếm dụng đất dự án sau ngày khóa sổ xác định tiêu chuẩn hợp lệ.

Đối tượng bị ảnh hưởng kinh tế sẽ được tạo điều kiện để cải thiện hay ít nhất khôi phục phương tiện tạo nguồn thu nhập, hoạt động sản xuất, mức sống:

- d. Những người mà sinh kế của họ dựa vào đất, đất thay thế sẽ có đặc điểm kết hợp của tiềm năng sản xuất, lợi thế vị trí và những yếu tố khác ít nhất tương đương với đất cũ nếu khả thi;
- e. Đối với những người sống dựa vào nguồn tài nguyên thiên nhiên và trường hợp áp dụng các hạn chế tiếp cận liên quan đến dự án, dự án sẽ có biện pháp để cho phép tiếp tục tiếp cận các nguồn lợi bị ảnh hưởng hoặc tạo điều kiện tiếp cận các nguồn lợi khác có tiềm năng tạo sinh kế, khả năng tiếp cận tương đương. Trường hợp các nguồn tài nguyên chung bị ảnh hưởng, các quyền lợi, khoản bồi thường liên quan đến việc hạn chế khai thác tài nguyên thiên nhiên có thể là của chung; và
- f. Nếu có cơ sở chứng minh rằng không có đất, tài nguyên thay thế, Bên vay cần đề xuất tạo cho người bị ảnh hưởng kinh tế các cơ hội tạo thu nhập khác, như cấp tín dụng, đào tạo tay nghề, hỗ trợ khởi nghiệp, tạo cơ hội việc làm hay hỗ trợ bằng tiền ngoài bồi thường tài sản. Tuy nhiên, nếu chỉ thực hiện hỗ trợ bằng tiền thì thường sẽ không tạo lập được cho đối tượng phương tiện sản xuất hay kỹ năng cần thiết để khôi phục sinh kế.

Các hỗ trợ chuyển tiếp sẽ được cung cấp khi cần thiết đối với mọi đối tượng bị ảnh hưởng kinh tế, căn cứ trên tính toán hợp lý về thời gian cần thiết để khôi phục khả năng tạo thu nhập, điều kiện sản xuất, mức sống.

PHỤ LỤC 6: NỘI DUNG HƯỚNG DẪN CHO KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG TÁI ĐỊNH CƯ

Phụ lục này mô tả các yếu tố của các kế hoạch giải quyết sự di dời chỗ ở và/hoặc kinh tế trong TCMTXH5. Đối với các mục đích của Phụ lục này, các kế hoạch này sẽ được gọi là các “kế hoạch tái định cư”. Các kế hoạch tái định cư bao gồm các biện pháp để giải quyết sự di dời chỗ ở và/hoặc kinh tế, tùy thuộc vào bản chất của các tác động dự kiến từ một dự án. Các dự án có thể sử dụng tên gọi thay thế, tùy thuộc vào phạm vi của kế hoạch tái định cư, ví dụ, trong đó một dự án chỉ liên quan đến dịch chuyển kinh tế, kế hoạch tái định cư có thể được gọi là “kế hoạch sinh kế” hoặc khi có hạn chế về tiếp cận công viên và khu vực được bảo vệ hợp pháp có liên quan, kế hoạch có thể ở dạng “khung quy trình”.

Phạm vi yêu cầu và mức độ chi tiết của kế hoạch tái định cư thay đổi theo mức độ và độ phức tạp của tái định cư. Kế hoạch này dựa trên thông tin cập nhật và đáng tin cậy về (a) dự án được đề xuất và các tác động tiềm tàng của nó đối với người bị di dời và các nhóm bị ảnh hưởng bất lợi khác, (b) các biện pháp giảm thiểu thích hợp và khả thi, và (c) pháp lý và sắp xếp thể chế cần thiết để thực hiện hiệu quả các biện pháp tái định cư.

Nội dung tối thiểu của một kế hoạch tái định cư;

Mô tả dự án. Mô tả chung về dự án và xác định khu vực dự án.

Tác động tiềm tàng. Xác định:

- các cấu phần hoặc hoạt động của dự án làm phát sinh sự dịch chuyển, giải thích tại sao đất được chọn phải được thu hồi trong khung thời gian của dự án;
- vùng tác động của các cấu phần hoặc hoạt động đó;
- phạm vi và quy mô thu hồi đất và tác động đến các công trình và tài sản cố định khác;
- bất kỳ hạn chế nào do dự án áp dụng đối với việc sử dụng hoặc tiếp cận đất đai hoặc tài nguyên thiên nhiên;
- các lựa chọn thay thế được xem xét để tránh hoặc giảm thiểu sự dịch chuyển và tại sao chúng bị từ chối; và
- các cơ chế được thiết lập để giảm thiểu sự dịch chuyển, trong phạm vi có thể, trong quá trình thực hiện dự án.

Mục tiêu. Các mục tiêu chính của chương trình tái định cư.

Điều tra dân số và nghiên cứu kinh tế xã hội đường cơ sở. Những phát hiện trong điều tra dân số cấp hộ gia đình xác định và liệt kê những người bị ảnh hưởng, và, với sự tham gia của những người bị ảnh hưởng, khảo sát đất đai, công trình và các tài sản cố định khác bị ảnh hưởng bởi dự án. Khảo sát điều tra dân số cũng phục vụ các chức năng thiết yếu khác;

- xác định các đặc điểm của các hộ di dời, bao gồm mô tả về hệ thống sản xuất, lao động và tổ chức hộ gia đình; và thông tin đường cơ sở về sinh kế (bao gồm, như mức độ liên quan, mức sản xuất và thu nhập có được từ cả hoạt động kinh tế chính thức và không chính thức) và mức sống (bao gồm cả tình trạng sức khỏe) của người dân di dời;
- thông tin về các nhóm dễ bị tổn thương hoặc những người mà các điều khoản đặc biệt có thể phải được thực hiện;
- xác định cơ sở hạ tầng công cộng hoặc cộng đồng, tài sản hoặc dịch vụ có thể bị ảnh hưởng;
- tạo cơ sở cho thiết kế và lập ngân sách cho chương trình tái định cư;

- e. kết hợp với thiết lập ngày khóa sổ, tạo cơ sở để loại trừ những người không đủ điều kiện khỏi chính sách bồi thường và hỗ trợ tái định cư; và thiết lập các điều kiện đường cơ sở cho mục đích giám sát và đánh giá;
- f. Khi Ngân hàng cho là có liên quan, các nghiên cứu bổ sung về các đối tượng sau đây có thể được yêu cầu để bổ sung hoặc thông báo khảo sát điều tra dân số;
- g. quyền sử dụng đất và hệ thống chuyển nhượng, bao gồm kiểm kê tài nguyên thiên nhiên chung mà người dân lấy được sinh kế và nguồn gốc, hệ thống sử dụng đất không có quyền sở hữu (bao gồm đánh bắt, chăn thả hoặc sử dụng các khu vực rừng) được quản lý bởi các cơ chế giao đất được công nhận tại địa phương, và bất kỳ vấn đề nào được nêu ra bởi các hệ thống chiếm hữu khác nhau trong khu vực dự án;
- h. các mô hình tương tác xã hội trong các cộng đồng bị ảnh hưởng, bao gồm các mạng xã hội và các hệ thống hỗ trợ xã hội và cách chúng sẽ bị ảnh hưởng bởi dự án; và
- i. đặc điểm văn hóa xã hội của các cộng đồng di dời, bao gồm mô tả về các tổ chức chính thức và không chính thức (ví dụ: tổ chức cộng đồng, nhóm nghi lễ, tổ chức phi chính phủ (NGO)) có thể phù hợp với chiến lược tham vấn và thiết kế và thực hiện các hoạt động tái định cư.

Khung pháp lý. Những phát hiện về phân tích về khung pháp lý, bao gồm:

- j. phạm vi quyền thu hồi đất bắt buộc và áp đặt hạn chế sử dụng đất và bản chất của bồi thường liên quan đến nó, về cả phương pháp định giá và thời điểm thanh toán;
- k. các thủ tục pháp lý và hành chính hiện hành, bao gồm mô tả các biện pháp khắc phục có sẵn cho những người bị di dời trong quá trình tư pháp và khung thời gian thông thường cho các thủ tục đó, và các cơ chế giải quyết khiếu nại có sẵn có thể liên quan đến dự án;
- l. pháp luật và các quy định liên quan đến các cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện các hoạt động tái định cư; và
- m. các lỗ hổng, nếu có, giữa luật pháp và thông lệ địa phương bao gồm việc thu hồi bắt buộc, áp dụng các hạn chế sử dụng đất và cung cấp các biện pháp tái định cư và TCMTXH5, và các cơ chế để thu hẹp các khoảng trống đó.

Khung thể chế. Những phát hiện về phân tích khung thể chế bao gồm:

- n. xác định các cơ quan chịu trách nhiệm về các hoạt động tái định cư và các tổ chức phi chính phủ/CSO có thể có vai trò trong việc thực hiện dự án, bao gồm hỗ trợ cho những người di dời;
- o. đánh giá năng lực thể chế của các cơ quan và tổ chức phi chính phủ/tổ chức phi chính phủ đó; và
- p. bất kỳ bước nào được đề xuất để nâng cao năng lực thể chế của các cơ quan và tổ chức phi chính phủ/tổ chức phi chính phủ chịu trách nhiệm thực hiện tái định cư.

Tính hợp lệ. Định nghĩa về người di dời và tiêu chí để xác định đủ điều kiện nhận bồi thường và hỗ trợ tái định cư khác, bao gồm cả ngày khóa sổ liên quan.

Định giá và bồi thường thiệt hại. Các phương pháp được sử dụng trong xác định giá trị thiệt hại để xác định giá thay thế của chúng; và mô tả về các loại và mức bồi thường được đề xuất đối với đất đai, tài nguyên thiên nhiên và các tài sản khác theo luật địa phương và các biện pháp bổ sung đó là cần thiết để đạt được giá thay thế của chúng.

Sự tham gia của cộng đồng. Sự tham gia của những người di dời (bao gồm cả cộng đồng nơi tiếp nhận, nếu có liên quan):

- a. mô tả về chiến lược tham vấn và sự tham gia của những người di dời trong thiết kế và thực hiện các hoạt động tái định cư;
- b. bản tóm tắt các quan điểm thể hiện và cách các quan điểm này được tính đến trong quá trình lập kế hoạch tái định cư;
- c. nghiên cứu tổng thể các giải pháp thay thế tái định cư được trình bày, và những lựa chọn của những người phải di dời về các phương án có sẵn cho họ; và
- d. thu xếp về thể chế mà người di dời có thể truyền đạt mối quan tâm của họ tới chính quyền dự án trong quá trình lập kế hoạch và thực hiện, và các biện pháp để đảm bảo rằng các nhóm dễ bị tổn thương như người bản địa, dân tộc thiểu số, người không có đất và phụ nữ được đại diện đầy đủ.

Kế hoạch thực hiện. Một kế hoạch thực hiện cung cấp ngày dự kiến cho công tác di dời, và ngày bắt đầu và ngày hoàn thành ước tính cho tất cả các hoạt động của kế hoạch tái định cư. Kế hoạch này sẽ chỉ ra cách thức các hoạt động tái định cư được liên kết với thực hiện dự án tổng thể.

Chi phí và ngân sách. Các bảng thể hiện ước tính chi phí được phân loại cho tất cả các hoạt động tái định cư, bao gồm các khoản dự phòng cho lạm phát, tăng trưởng dân số và các khoản dự phòng khác; thời gian biểu cho các chi tiêu; nguồn vốn; và thu xếp kịp thời cho dòng vốn và tài trợ cho tái định cư, nếu có, trong các khu vực nằm ngoài quyền hạn của các cơ quan thực hiện.

Cơ chế giải quyết khiếu nại. Kế hoạch mô tả các thủ tục với chi phí hợp lý và dễ tiếp cận để giải quyết tranh chấp của bên thứ ba phát sinh từ việc di dời hoặc tái định cư; các cơ chế khiếu nại như vậy cần tính đến sự sẵn có của truy đòi tư pháp và các cơ chế giải quyết tranh chấp cộng đồng và truyền thống.

Theo dõi và đánh giá. Các thỏa thuận giám sát các hoạt động di dời và tái định cư của cơ quan thực hiện, được bổ sung bởi các giám sát của bên thứ ba khi được Ngân hàng cho là phù hợp, để đảm bảo thông tin đầy đủ và khách quan; chỉ số giám sát hiệu quả thực hiện để đo lường đầu vào, đầu ra và kết quả cho các hoạt động tái định cư; sự tham gia của những người di dời trong quá trình giám sát; đánh giá kết quả vào một thời gian hợp lý sau khi tất cả các hoạt động tái định cư đã được hoàn thành; sử dụng kết quả giám sát tái định cư để hướng dẫn thực hiện tiếp theo.

Thu xếp việc quản lý thích ứng. Các kế hoạch cần bao gồm quy định về thực hiện tái định cư thích ứng để ứng phó với những thay đổi không lường trước được về điều kiện dự án, hoặc không lường trước được những trở ngại trong việc đạt được kết quả thỏa đáng cho công tác tái định cư.

PHỤ LỤC 7: HƯỚNG DẪN VỀ KHUNG KẾ HOẠCH DÂN TỘC THIỂU SỐ

TCMTXH 7 áp dụng cho một nhóm văn hóa và xã hội riêng biệt được nhận diện. Thuật ngữ được sử dụng cho những nhóm như vậy thường khác nhau tùy theo từng nước và thường phản ánh các mối quan tâm (consideration) của quốc gia. TCMTXH7 sử dụng thuật ngữ “Dân tộc thiểu số/Các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ”, công nhận các nhóm được xác định theo khoản 8 và 9 có thể được gọi theo các cách khác nhau ở những nước khác nhau. Những thuật ngữ này gồm “Các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ,” “Người dân tộc thiểu số bản địa”, “Người bản địa,” “Bộ tộc vùng cao”, “Các nhóm dễ bị tổn thương và bên lề xã hội,” “Bản địa,” “Bộ tộc cổ,” “Dân tộc đầu tiên” or “Các nhóm bộ lạc”. TCMTXH7 áp dụng cho tất cả các nhóm này, với điều kiện họ đáp ứng các tiêu chí. Đối với TCMTXH này, thuật ngữ “Dân tộc thiểu số/Các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ” bao gồm tất cả những thuật ngữ thay thế này.

1. Mục tiêu

Các mục tiêu bao gồm:

- a. Bảo đảm quá trình phát triển có sự tôn trọng đầy đủ các quyền con người, nhân phẩm, nguyện vọng, bản sắc, văn hóa, sinh kế phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên của Người dân tộc thiểu số/ các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ.
- b. Tránh các ảnh hưởng bất lợi của dự án đối với Người dân tộc thiểu số/ các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ, hoặc nếu không tránh được thì phải hạn chế tối đa, giảm thiểu và/hoặc bồi thường cho những ảnh hưởng đó.
- c. Tăng cường các lợi ích, cơ hội phát triển bền vững cho Người dân tộc thiểu số/ các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ theo hướng tăng tiếp cận, phù hợp và toàn diện về văn hóa.
- d. Cải thiện thiết kế dự án, tăng cường hỗ trợ địa phương bằng cách thiết lập, duy trì mối quan hệ thường xuyên dựa trên sự tham gia đóng góp ý kiến có ý nghĩa thực sự của những người dân tộc thiểu số/ các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ bị ảnh hưởng bởi dự án trong suốt vòng đời dự án.
- e. Bảo đảm các quyền lợi theo phương thức có sự đồng thuận trước, tự nguyện, với đầy đủ thông tin (FPIC) của những người dân tộc thiểu số/ các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ bị ảnh hưởng trong ba tình huống nêu trong TCMTXH7.
- f. Công nhận, tôn trọng và bảo tồn văn hoá, kiến thức, tập quán của Người dân tộc thiểu số/ các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ; tạo điều kiện để người dân tộc thiểu số thích ứng với tình hình mới theo cách thức, thời gian được người dân tộc thiểu số chấp nhận.

2. Phạm vi áp dụng

TCMTXH này áp dụng cho các nhóm xã hội và văn hóa riêng biệt được xác định theo khoản 8 và khoản 9 của TCMTXH này. Tại một số nước, những nhóm như vậy được gọi là “Người bản địa”. Ở những nước khác họ có thể được gọi theo các thuật ngữ khác như “các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ”, “Người dân tộc thiểu số”, “Thổ dân,” “Bộ tộc miền núi”, “Các nhóm dễ bị tổn thương và bên lề xã hội,” “Bản địa,” “Bộ tộc cổ,” “Dân tộc đầu tiên” hoặc “Các nhóm

bộ lạc”. Do việc áp dụng thuật ngữ “Người bản địa” là khác nhau lớn từ nước này sang nước khác, Bên vay có thể yêu cầu NHTG cho sử dụng một thuật ngữ thay thế cho Người dân tộc thiểu số sao cho phù hợp với bối cảnh quốc gia của Bên vay.⁴ Cho dù thuật ngữ nào được sử dụng, những yêu cầu của TCMTXH này sẽ được áp dụng cho tất cả những nhóm đó. TCMTXH này sử dụng thuật ngữ “Dân tộc thiểu số/Các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ” để công nhận những thuật ngữ khác nhau có thể được sử dụng để đề cập đến Người dân tộc thiểu số trong bối cảnh quốc gia.

TCMTXH này áp dụng ở mọi nơi người dân tộc thiểu số/ các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ có sự hiện diện hay có sở hữu cộng đồng tại khu vực dự án dự kiến được xác định trong đánh giá môi trường và xã hội. TCMTXH7 cũng sẽ áp dụng cho dù Người dân tộc thiểu số/ các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ bị ảnh hưởng tích cực hay tiêu cực, cũng như ở bất kỳ mức độ tác động nào.⁵ TCMTXH7 cũng áp dụng cho dù có hay không các tổn hại kinh tế, chính trị, xã hội rõ rệt, dù tính chất, mức độ rủi ro sẽ là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến việc lập kế hoạch nhằm tăng cường tiếp cận bình đẳng các lợi ích hay giảm thiểu các ảnh hưởng tiêu cực.

Trong TCMTXH này, cụm từ “Người dân tộc thiểu số/ các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ” (hoặc họ có thể được đề cập đến trong bối cảnh quốc gia theo một thuật ngữ thay thế khác) được sử dụng theo nghĩa chung để chỉ một nhóm văn hóa, xã hội hoàn toàn đặc thù có những đặc trưng sau ở các mức độ khác nhau:

- a. Tự nhận mình là thành viên của một nhóm văn hóa, xã hội đặc thù, cũng như được những người khác công nhận như vậy;
- b. Có sở hữu cộng đồng⁶ tại môi trường sống địa lý đặc trưng, đất đai của tổ tiên để lại, hay những khu vực sử dụng, cư ngụ theo mùa vụ, cũng như các nguồn tài nguyên thiên nhiên có tại những khu vực này;
- c. Có các thể chế văn hóa, kinh tế, xã hội, chính trị riêng, khác biệt hay tách biệt với xã hội hay nền văn hóa đa số;
- d. Có ngôn ngữ hoặc phương ngữ, thường khác với ngôn ngữ chính thức hay ngôn ngữ của quốc gia, khu vực mình cư trú.

TCMTXH này cũng áp dụng cho những cộng đồng hay nhóm Người dân tộc thiểu số/ các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ mà trong thời gian cuộc đời của các thành viên cộng đồng, quần thể đã bị mất đi sự gắn kết với môi trường sống riêng hay đất đai của của tổ tiên thuộc địa bàn dự án, do bị bắt buộc, do xung đột, do các chương trình tái định cư của nhà nước, do bị thu hồi đất, do thiên tai, hay do vùng lãnh thổ bị sáp nhập vào các khu vực đô thị. TCMTXH này cũng áp dụng cho những người sống trong rừng, người sống bằng cách săn bắn-hái lượm, người chăn thả gia súc hay các nhóm du mục khác, nếu thỏa mãn các điều kiện.

Khi Ngân hàng Thế giới xác định khẳng định Người dân tộc thiểu số/ các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ có sự hiện diện hay có trường hợp sở hữu cộng đồng tại khu vực dự án, Bên vay có thể sẽ được yêu cầu xin ý kiến của các chuyên gia phù hợp để đáp ứng các quy định về tham vấn, lập kế hoạch hay các yêu cầu khác của TCMTXH này. NHTG có thể theo các quy trình quốc gia trong quá trình sàng lọc dự án để xác định, theo khoản 8 và 9, Người dân tộc thiểu số/ các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ (như họ được đề cập đến trong bối cảnh quốc gia) khi những quy trình này đáp ứng các yêu cầu của TCMTXH8 này.

Khái quát

Mục đích chính của TCMTXH7 là bảo đảm Người dân tộc thiểu số/ các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ có sự hiện diện hay có sở hữu cộng đồng tại khu vực dự án được tham vấn đầy đủ, được tạo điều kiện để tham gia tích cực vào quá trình thiết kế dự án, xác định các vấn đề tổ chức thực hiện dự án. Phạm vi, quy mô tham vấn cũng như quá trình lập kế hoạch, xây dựng văn kiện dự án tiếp theo có thể thay đổi tương ứng với phạm vi, quy mô của các rủi ro, ảnh hưởng tiềm tàng của dự án, ảnh hưởng đến Người dân tộc thiểu số/ các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ.

Bên vay sẽ đánh giá tính chất, mức độ của các tác động về kinh tế, xã hội, văn hóa (bao gồm cả di sản văn hóa),⁹ môi trường trực tiếp và gián tiếp của dự án đối với Người dân tộc thiểu số/ các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ có sự hiện diện hay có sở hữu cộng đồng tại khu vực dự án. Bên vay sẽ lập chiến lược tham vấn, xác định phương thức để những Người dân tộc thiểu số/ các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ bị ảnh hưởng tham gia vào quá trình thiết kế, thực hiện dự án. Sau đó sẽ thiết kế, lập văn kiện dự án theo quy trình dưới đây.

Các biện pháp và hành động được Bên vay đề xuất sẽ được xây dựng có sự tham vấn với Người dân tộc thiểu số/các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ và được đưa vào kế hoạch có mốc thời gian thực hiện cụ thể, như Kế hoạch Người dân tộc thiểu số/ các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ. Phạm vi và quy mô của kế hoạch sẽ phù hợp với rủi ro và tác động của dự án. Tên gọi và cấu trúc của kế hoạch sẽ được điều chỉnh một cách cần thiết theo điều kiện dự án hoặc bối cảnh quốc gia, và sẽ phản ánh bất kỳ thuật ngữ thay thế nào về Người dân tộc thiểu số.

Tránh các tác động tiêu cực

Cần tránh các tác động tiêu cực đến Người dân tộc thiểu số/ các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ nếu có thể. Trường hợp đã nghiên cứu các phương án nhưng không thể tránh được các tác động tiêu cực, Bên vay sẽ có biện pháp giảm thiểu và/hoặc bù đắp cho những tác động đó dưới hình thức phù hợp về văn hóa, tương ứng với tính chất, quy mô của các tác động, cũng như hình thức, mức độ tổn hại đối với những Người dân tộc thiểu số/ các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ bị ảnh hưởng.

Khi xuất hiện tình huống trong đó dự án có tác động tiềm tàng đến những nhóm người sống ở vùng sâu, vùng xa, ít tiếp xúc với bên ngoài, còn gọi là những “người có lối sống tự cô lập”, “những người cô lập” hay những người “lần đầu được phát hiện”, Bên vay sẽ có những biện pháp phù hợp để công nhận, tôn trọng, bảo vệ đất đai, địa bàn sinh sống, môi trường, sức khỏe, văn hóa của họ, cũng như có biện pháp tránh tiếp xúc không cần thiết với đối tượng do hệ lụy của dự án. Những hoạt động của dự án gây ra tiếp xúc không cần thiết như vậy sẽ không được thực hiện tiếp.

Giảm thiểu và lợi ích phát triển

Bên vay và Người dân tộc thiểu số/ các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ bị ảnh hưởng sẽ xác định các biện pháp giảm thiểu theo nguyên tắc trình tự giảm thiểu được mô tả trong TCMTXH1 cũng như xác định các cơ hội lợi ích phát triển bền vững một cách thích hợp về văn hóa. Phạm vi đánh giá và giảm thiểu sẽ bao gồm các tác động văn hóa¹¹ cũng như những tác

động vật chất khác. Bên vay sẽ đảm bảo thực hiện kịp thời các biện pháp đã được thống nhất với những Người dân tộc thiểu số/ các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ bị ảnh hưởng.

Việc xác định, thực hiện, và phân bổ đền bù và chia sẻ lợi ích cho những Người dân tộc thiểu số/ các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ sẽ tính đến thể chế, quy tắc và phong tục tập quán của những Người dân tộc thiểu số/ các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ cũng như sự tương tác của họ với xã hội. Việc đủ điều kiện để được đền bù có thể là các cá nhân hoặc tập thể, hoặc kết hợp cả hai.¹² Khi đền bù được thực hiện trên cơ sở tập thể, sẽ xác định và thực hiện các cơ chế thực tiễn nhất có thể để thúc đẩy sự phân bổ đền bù một cách hiệu quả cho mọi thành viên đủ điều kiện hoặc sự sử dụng tập thể nguồn lợi được đền bù theo cách mang lại lợi ích cho toàn thể thành viên trong nhóm.

Các yếu tố khác nhau bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn, bản chất của dự án, bối cảnh dự án và tính dễ bị tổn thương của Người dân tộc thiểu số/ các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ sẽ xác định những Người dân tộc thiểu số/ các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ bị ảnh hưởng sẽ hưởng lợi từ dự án như thế nào. Những cơ hội được xác định sẽ nhằm giúp đạt được các mục đích và những ưu tiên của Người dân tộc thiểu số/ các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ, bao gồm cải thiện điều kiện sống và sinh kế một cách phù hợp về văn hóa và thúc đẩy sự bền vững lâu dài của các nguồn tài nguyên thiên nhiên mà họ phụ thuộc.

Tham vấn có ý nghĩa được thiết kế cho người dân tộc thiểu số/các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ

Để thúc đẩy thiết kế dự án hiệu quả, xây dựng quyền sở hữu hoặc hỗ trợ dự án của địa phương và giảm các rủi ro chậm trễ hoặc tranh cãi liên quan đến dự án, Bên vay sẽ thực hiện một quy trình tham gia với người dân tộc thiểu số/các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ như được yêu cầu trong TCMTXH10. Quá trình thu hút sự tham gia này sẽ bao gồm phân tích và lập Kế hoạch huy động sự tham gia của các bên liên quan, công bố thông tin và tham vấn có ý nghĩa, theo cách phù hợp về văn hóa và giới và hòa nhập nhiều thế hệ. Đối với người dân tộc thiểu số/các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ, quá trình tham vấn có ý nghĩa cũng sẽ:

- a. Thu hút sự tham gia của các tổ chức đại diện của người dân tộc thiểu số/các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ (ví dụ, hội đồng trưởng lão hoặc hội đồng làng, hoặc thủ lĩnh) và, khi thích hợp, các thành viên khác trong cộng đồng;
- b. Cung cấp đủ thời gian cho quá trình ra quyết định của người dân tộc thiểu số/các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ; và
- c. Tạo điều kiện thuận lợi cho sự tham gia hiệu quả của người dân tộc thiểu số/các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ vào thiết kế các hoạt động dự án hoặc các biện pháp giảm thiểu có khả năng ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực.

3. Các trường hợp cần có sự đồng thuận trước, tự nguyện, với đầy đủ thông tin (FPIC)

Người dân tộc thiểu số/các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ có thể là đối tượng có rủi ro đặc biệt cao do bị mất, phải di dời hay bị khai thác đất đai, hay bị mất khả năng tiếp cận các nguồn tài nguyên thiên nhiên, văn hóa. Nhận thức được điều này, ngoài

các yêu cầu chung trong TCMTXH này (Phần A) và những quy định của các TCMTXH1 và TCMTXH10, Bên vay phải bảo đảm người dân tộc thiểu số/ các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ phải được tham vấn theo nguyên tắc FPIC trong trường hợp dự án sẽ:

- a. ảnh hưởng đến đất đai, các nguồn tài nguyên thiên nhiên thuộc sở hữu theo truyền thống hay được sử dụng, nắm giữ theo tập quán;
- b. có thể dẫn đến việc Người dân tộc thiểu số/ các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ phải di dời khỏi những đất đai, tài nguyên thiên nhiên thuộc sở hữu truyền thống hay được nắm giữ, sử dụng theo tập quán; hoặc
- c. ảnh hưởng đáng kể đến di sản văn hóa của Người dân tộc thiểu số/ các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ có vai trò quan trọng đối bản sắc và/hoặc văn hóa, lễ hội, hoặc tinh thần của Người dân tộc thiểu số/ các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ bị ảnh hưởng.

Trong trường hợp này, Bên vay sẽ mời chuyên gia độc lập tham gia xác định các rủi ro, ảnh hưởng của dự án.

Thuật ngữ FPIC hiện vẫn chưa được sự chấp thuận rộng rãi trên thế giới. Trong khuôn khổ TCMTXH này, FPIC được hiểu như sau:

- a. Nguyên tắc FPIC được áp dụng trong thiết kế, tổ chức thực hiện dự án và các kết quả dự kiến của dự án liên quan đến các rủi ro, ảnh hưởng đối với những Người dân tộc thiểu số/ các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ bị ảnh hưởng;
- b. FPIC vừa kế thừa vừa mở rộng quá trình tham vấn có ý nghĩa như đã trình bày tại TCMTXH10 và khoản 23 nêu trên, và phải được thiết lập thông qua đàm phán thiện chí giữa Bên vay và những người dân tộc thiểu số/ các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ bị ảnh hưởng;
- c. Bên vay sẽ lập biên bản: (i) quy trình đã được chấp nhận đôi bên giữa Bên vay và Người dân tộc thiểu số/ các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ để thực hiện đàm phán đáng tin cậy; và (ii) kết quả đàm phán đáng tin giữa các Bên vay và Người dân tộc thiểu số/ các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ, bao gồm tất cả những thỏa thuận đã đạt được cũng như những quan điểm bất đồng;
- d. FPIC không đòi hỏi phải có sự nhất trí chung mà có thể sử dụng kể cả khi có một số cá nhân hay nhóm trong cộng đồng Người dân tộc thiểu số/ các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ bị ảnh hưởng đã rõ ràng không đồng ý.

Theo TCMTXH này, sự đồng ý có nghĩa là sự ủng hộ tập thể của Người dân tộc thiểu số/ các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ đối với các hoạt động của dự án mà họ liên quan, đạt được qua một quá trình phù hợp về văn hóa.

Trường hợp Ngân hàng không chắc chắn sẽ tiến hành tham vấn FPIC của người dân tộc thiểu số/ các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ bị ảnh hưởng, các nội dung của dự án liên quan đến Người dân tộc thiểu số/ các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ sẽ không được tiếp tục xử lý. Nếu Ngân hàng quyết định tiếp tục xử lý các nội dung của dự án ngoài những nội dung trong đó không chắc chắn sẽ tiến hành tham vấn FPIC của những đối tượng Người dân tộc thiểu số/ các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận

Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ bị ảnh hưởng, Bên vay phải bảo đảm dự án sẽ không gây ảnh hưởng bất lợi nào cho những đối tượng người dân tộc thiểu số/ các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ này trong quá trình thực hiện dự án.

Thoả thuận đạt được giữa Bên vay và những người dân tộc thiểu số/ các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ bị ảnh hưởng sẽ được nêu rõ, kèm theo những giải pháp cần thiết để thực hiện thoả thuận này, trong KH CKMTXH. Trong quá trình thực hiện, Bên vay phải bảo đảm có các giải pháp cần thiết, cũng như bảo đảm các quyền lợi hay thực hiện cải thiện dịch vụ đã thoả thuận, nhằm tiếp tục có được sự ủng hộ của Người dân tộc thiểu số/ các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ đối với dự án.

Ảnh hưởng về đất đai, tài nguyên thiên nhiên thuộc sở hữu truyền thống hay được sử dụng, chiếm hữu theo tập quán

Người dân bản địa/Cộng đồng truyền thống châu Phi cận Sahara trong lịch sử không được phục vụ thường gắn liền với đất đai và các tài nguyên thiên nhiên liên quan. Thông thường, đất đai thuộc sở hữu truyền thống hoặc theo sử dụng thông thường hoặc nghề nghiệp. Trong khi người dân bản địa/Cộng đồng châu Phi cận Sahara theo lịch sử không được bảo tồn có thể không có quyền sở hữu hợp pháp đối với đất đai theo luật định quốc gia, việc sử dụng đất của họ, bao gồm sử dụng theo mùa hoặc theo chu kỳ, cho sinh kế của họ, hoặc cho văn hóa, nghi lễ và tâm linh mục đích xác định danh tính và cộng đồng của họ, thường có thể được chứng minh và ghi lại. Trường hợp các dự án liên quan đến (a) các hoạt động phụ thuộc vào việc thiết lập các quyền được thừa nhận hợp pháp đối với các vùng đất và vùng lãnh thổ mà người dân bản địa/Sub-Sahara ở Châu Phi theo truyền thống Cộng đồng địa phương có truyền thống sử dụng hoặc chiếm giữ theo cách thông thường, hoặc (b) mua lại các vùng đất đó, Bên vay sẽ chuẩn bị một kế hoạch để công nhận hợp pháp quyền sở hữu, nghề nghiệp hoặc cách sử dụng đó, liên quan đến các phong tục, truyền thống và hệ thống chiếm hữu đất đai của Cộng đồng truyền thống địa phương châu Phi/Sub-Sahara có liên quan. Mục tiêu của các kế hoạch này sẽ là; (a) công nhận hợp pháp đầy đủ các hệ thống chiếm hữu đất thông thường hiện có của người dân bản địa/Cộng đồng truyền thống địa phương châu Phi cận Sahara; hoặc (b) chuyển đổi quyền sử dụng thông thường sang quyền sở hữu chung và/hoặc quyền sở hữu cá nhân. Nếu không có lựa chọn nào là có thể theo luật quốc gia, kế hoạch này bao gồm các biện pháp công nhận hợp pháp đối với người dân tộc thiểu số/vùng hạ Sahara trong lịch sử được bảo tồn lâu dài hoặc quyền sử dụng lâu dài hoặc quyền sử dụng lâu dài.

Tái định cư cho Người dân tộc thiểu số/ các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ khi phải rời bỏ đất đai, các nguồn tài nguyên thuộc sở hữu truyền thống hay chiếm hữu theo tập quán

Bên vay sẽ cân nhắc các thiết kế dự án thay thế khả thi nhằm tránh việc phải di dời Người dân tộc thiểu số/ các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ khỏi các đất đai, các nguồn tài nguyên thiên nhiên sở hữu chung²⁰ hay gắn bó với người dân thuộc diện sở hữu từ xa xưa để lại hay đang được sử dụng, chiếm hữu theo tập quán. Nếu không thể tránh được việc phải di dời thì Bên vay sẽ không được tiếp tục triển khai nếu chưa tiến hành tham vấn FPIC nêu trên; Bên vay không được sử dụng biện pháp cưỡng chế,²¹ đồng thời mọi biện pháp tái định cư đối với Người dân tộc thiểu số/ các cộng đồng địa phương truyền thống khu vực cận Sahara Châu Phi không được cung cấp đầy đủ dịch vụ trong quá khứ sẽ phải phù hợp với các quy định của TCMTXH5. Nếu được, cần đưa Người dân tộc thiểu số trở lại với đất đai đã cư ngụ từ xa xưa hay theo tập quán khi việc tái định cư không còn cần thiết nữa.

PHỤ LỤC 8: NỘI DUNG HƯỚNG DẪN VỀ KẾ HOẠCH NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ

Nội dung hướng dẫn về Kế hoạch dân tộc thiểu số được trình bày như sau:

Phần sau đây nêu ra các yếu tố chính của một IPP toàn diện. Trong trường hợp Dân tộc thiểu số được hưởng lợi từ các hoạt động của dự án và/tiểu dự án và/hoặc các tác động nhỏ được dự kiến, các yếu tố của IPP có thể được tích hợp trong các công cụ khác như Kế hoạch thu hồi đất và tái định cư hoặc ESMP. Những yếu tố này bao gồm:

- a. **Báo cáo tóm tắt IPP.** Phần này mô tả chính xác các sự kiện quan trọng, các phát hiện quan trọng và các hành động được đề xuất (bắt buộc đối với một IPP độc lập);
- b. **Đánh giá về các hoạt động của dự án và/hoặc tiểu dự án có tác động đến dân tộc thiểu số.** Phần này cung cấp phân tích về bản chất và quy mô của các tác động đó, cần phải:
 - i. Xem xét khung pháp lý và thể chế áp dụng cho Người dân tộc thiểu số trong bối cảnh dự án.
 - ii. Cung cấp thông tin cơ bản về các đặc điểm nhân khẩu học, xã hội, văn hóa và chính trị của các cộng đồng bị ảnh hưởng; vùng đất và vùng lãnh thổ mà họ có quyền sở hữu hoặc sử dụng hoặc chiếm giữ theo truyền thống; và các tài nguyên thiên nhiên mà họ phụ thuộc vào.
 - iii. Xác định các bên liên quan chính của dự án và xây dựng quy trình phù hợp về văn hóa và nhạy cảm về giới để tham khảo ý nghĩa với Người dân tộc thiểu số ở mỗi giai đoạn chuẩn bị và thực hiện dự án, xem xét và xem xét thông tin cơ bản.
 - iv. Đánh giá, dựa trên tham vấn có ý nghĩa với các cộng đồng bị ảnh hưởng, các tác động bất lợi và tích cực tiềm năng của các hoạt động của dự án và tiểu dự án. Quan trọng đối với việc xác định các tác động bất lợi tiềm tàng là phân tích nhạy cảm về giới về tính dễ bị tổn thương và rủi ro đối với Người dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng, do hoàn cảnh và quan hệ chặt chẽ với đất đai và tài nguyên thiên nhiên, cũng như không có cơ hội tiếp cận liên quan đến những nhóm có sẵn cho các nhóm xã hội khác trong cộng đồng, khu vực hoặc xã hội quốc gia nơi họ sinh sống.
 - v. Bao gồm một đánh giá nhạy cảm về giới đối với nhận thức của người dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng bởi dự án và tác động của nó đối với tình trạng xã hội, kinh tế và văn hóa của họ.
 - vi. Xác định và đề xuất, dựa trên tham vấn có ý nghĩa với các cộng đồng bị ảnh hưởng, các biện pháp cần thiết để tránh các tác động bất lợi hoặc, nếu không thể áp dụng các biện pháp đó, xác định các biện pháp để giảm thiểu, giảm nhẹ và/hoặc bù đắp cho các tác động đó và để đảm bảo rằng Người dân tộc thiểu số nhận được lợi ích văn hóa phù hợp theo dự án.
- c. **Đánh giá các trường hợp yêu cầu FPIC và thiết kế/dự án thay thế để tránh các tác động tiêu cực (tham khảo Phần về sự Đồng thuận trước, tự nguyện với đầy đủ thông tin).**
- d. **Công bố thông tin, tham vấn và tham gia.** Phần này cần:
 - i. Mô tả quá trình công bố thông tin, tham vấn và tham gia với các cộng đồng bị ảnh hưởng có thể được thực hiện trong quá trình chuẩn bị dự án;
 - ii. Tóm tắt ý kiến của họ về kết quả đánh giá tác động xã hội và xác định các mối quan tâm nêu ra trong quá trình tham vấn và cách giải quyết chúng trong thiết kế dự án;
 - iii. Trong trường hợp các hoạt động của dự án yêu cầu FPIC, cần ghi lại quá trình và kết quả của các cuộc tham vấn với các cộng đồng bị ảnh hưởng và bất kỳ thỏa thuận nào có được từ các cuộc tham vấn đó cho các hoạt động của dự án và các biện pháp quản lý rủi ro giải quyết các tác động của các hoạt động đó;

- iv. *Mô tả các cơ chế tham vấn và tham gia sẽ được sử dụng trong quá trình thực hiện để đảm bảo sự tham gia của người dân tộc thiểu số trong quá trình thực hiện; và*
 - v. *Xác nhận công bố dự thảo và các tài liệu cuối cùng cho các Dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng;*
- e. Chia sẻ lợi ích.** *phần này nêu ra các biện pháp để đảm bảo các cộng đồng bị ảnh hưởng nhận được lợi ích kinh tế và xã hội phù hợp với văn hóa và đáp ứng giới.*
- f. Biện pháp giảm thiểu.** *phần này quy định các biện pháp để tránh các tác động bất lợi đối với dân tộc thiểu số; và trong trường hợp không thể tránh được, quy định các biện pháp giảm thiểu, giảm nhẹ và bù đắp cho các tác động tiêu cực không thể tránh khỏi được xác định cho mỗi cộng đồng bị ảnh hưởng.*
- g. Nâng cao năng lực.** *phần này cung cấp các biện pháp để tăng cường khả năng xã hội, pháp lý và kỹ thuật của (a) các tổ chức chính phủ để giải quyết các vấn đề của Người dân tộc thiểu số trong khu vực dự án; và (b) các tổ chức cộng đồng bị ảnh hưởng trong khu vực dự án để họ có thể đại diện cho cộng đồng của mình hiệu quả hơn và tham gia quản lý rủi ro và tác động.*
- h. Cơ chế phản hồi và giải quyết khiếu nại.** *phần này mô tả các thủ tục để khắc phục sự bất bình của các cộng đồng người dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng. Nó cũng giải thích làm thế nào các thủ tục có thể tiếp cận được với Người dân tộc thiểu số và phù hợp với văn hóa và nhạy cảm về giới.*
- i. Theo dõi, báo cáo và đánh giá.** *phần này mô tả các cơ chế và đường chuẩn phù hợp với dự án để theo dõi và đánh giá việc triển khai IPP. Nó cũng nêu ra các thỏa thuận về sự tham gia của người dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng trong việc lập và xác nhận giám sát và báo cáo đánh giá.*
- j. Thu xếp thể chế.** *phần này mô tả các trách nhiệm và cơ chế thu xếp thể chế để thực hiện các biện pháp giảm thiểu khác nhau trong IPP. Nó cũng mô tả quy trình bao gồm các tổ chức địa phương và/hoặc tổ chức phi chính phủ có liên quan trong việc thực hiện các biện pháp của IPP.*
- k. Ngân sách và tài chính.** *Phần này cung cấp ngân sách được chia thành từng khoản cho tất cả các hoạt động được mô tả trong IPP.*

Khi yêu cầu về FPIC được xác định là một phần của ESIA, các chuyên gia độc lập sẽ được tham gia để tạo điều kiện thuận lợi cho FPIC. Một cơ chế khiếu nại của các bên liên quan sẽ được lập, bao gồm các yêu cầu để người dân tộc thiểu số có thể gửi các phản hồi hoặc khiếu nại.

PHỤ LỤC 9: HƯỚNG DẪN VỀ QUY TRÌNH QUẢN LÝ LAO ĐỘNG

Theo TCMTXH2 về Lao động và điều kiện làm việc, yêu cầu Bên xây dựng các quy trình quản lý lao động (LMP). Mục đích của LMP là tạo điều kiện thuận lợi cho lập kế hoạch và thực hiện dự án. LMP xác định các yêu cầu và rủi ro lao động chính liên quan đến dự án và giúp Bên vay xác định các nguồn lực cần thiết để giải quyết các vấn đề lao động của dự án. LMP là một tài liệu sống, được soạn thảo từ sớm trong quá trình chuẩn bị dự án, và được rà xét và cập nhật trong quá trình phát triển và thực hiện dự án.

Mẫu này được thiết kế để giúp Bên vay xác định các khía cạnh chính của kế hoạch và quản lý lao động. Nội dung mang tính chỉ dẫn: trong đó các vấn đề được xác định có liên quan trong một dự án, Bên vay nên nắm bắt chúng trong LMP. Một số vấn đề có thể không liên quan; một số dự án có thể có các vấn đề khác cần được nắm bắt từ góc độ lập kế hoạch. Trường hợp luật pháp quốc gia giải quyết được các yêu cầu của TCMTXH2, điều này có thể được ghi chú trong LMP và không cần phải sao chép các điều khoản đó. LMP có thể được chuẩn bị như một tài liệu độc lập hoặc là một phần của các tài liệu quản lý xã hội và môi trường khác.

Một LMP ngắn gọn và cập nhật sẽ cho phép các bên liên quan đến dự án khác nhau, ví dụ, nhân viên của đơn vị thực hiện dự án, nhà thầu và nhà thầu phụ và nhân viên dự án, hiểu rõ những gì cần thiết về một vấn đề lao động cụ thể. Mức độ chi tiết có trong LMP sẽ phụ thuộc vào loại dự án và thông tin có sẵn. Nếu thông tin liên quan không có sẵn, điều này cần được lưu ý và LMP nên được cập nhật càng sớm càng tốt.

Khi chuẩn bị và cập nhật LMP, Bên vay tham khảo các yêu cầu của luật pháp quốc gia và TCMTXH2 và Tài liệu hướng dẫn đối với TCMTXH2 (GN). Mẫu bao gồm các tham chiếu đến cả TCMTXH2 và GN.

Mẫu nội dung hướng dẫn về LMP:

1. TỔNG QUAN VỀ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG TRONG DỰ ÁN

Phần này mô tả nội dung như sau, dựa trên thông tin có sẵn:

- a. Số lượng lao động trong dự án: Tổng số lao động được tuyển dụng trong dự án và các loại công nhân khác nhau: lao động trực tiếp, lao động hợp đồng và lao động cộng đồng. Trường hợp con số chưa chắc chắn, cần đưa ra ước tính.
- b. Đặc điểm của lao động dự án: Trong phạm vi có thể, mô tả chung và chỉ ra các đặc điểm có thể của lao động dự án, ví dụ như lao động địa phương, lao động nhập cư từ trong nước hoặc quốc tế, lao động nữ, lao động từ độ tuổi tối thiểu đến 18 tuổi.
- c. Thời điểm yêu cầu lao động: Thời gian và trình tự các yêu cầu lao động về số lượng, địa điểm, loại công việc và kỹ năng cần thiết.
- d. Lao động hợp đồng: Cấu trúc hợp đồng dự kiến hoặc đã biết áp dụng cho dự án, với số lượng và loại nhà thầu/nhà thầu phụ và số lượng lao động dự án sẽ do mỗi nhà thầu/nhà thầu phụ thuê hoặc tuyển dụng. Nếu có khả năng lao động dự án được tuyển dụng thông qua các bên môi giới, trung gian hoặc đại lý, cần chú thích điều này và ước tính có bao nhiêu lao động dự kiến sẽ được tuyển dụng theo hình thức này.
- e. Lao động nhập cư: Nếu dự kiến có khả năng lao động nhập cư (trong nước hoặc quốc tế) làm việc trong dự án, cần chú thích điều này và cung cấp thêm các thông tin chi tiết.

2. ĐÁNH GIÁ CÁC RỦI RO LAO ĐỘNG TIỀM TÀNG

Phần này mô tả nội dung như sau, dựa trên thông tin có sẵn:

- a. Các hoạt động của dự án: Loại và vị trí của dự án, và các hoạt động khác nhau mà lao động dự án sẽ thực hiện.
- b. Các rủi ro lao động chính: Rủi ro lao động chính có thể liên quan đến dự án (ví dụ, xem những rủi ro được xác định trong TCMTXH2 và GN). Các rủi ro này có thể bao gồm, chẳng hạn:
 - Thực hiện các công việc nguy hiểm, chẳng hạn như làm việc ở trên độ hoặc trong không gian hạn chế, sử dụng máy móc hạng nặng hoặc sử dụng vật liệu nguy hiểm
 - Có khả năng xảy ra sự cố về sử dụng lao động trẻ em hoặc lao động cưỡng bức, tham chiếu đến ngành và địa phương.
 - Có thể có hiện diện của người di cư hoặc lao động thời vụ
 - Rủi ro về bạo lực dựa vào dòng lao động hoặc giới
 - Tai nạn hoặc trường hợp khẩn cấp có thể xảy ra, tham chiếu đến ngành hoặc địa phương
 - Hiểu biết chung và thực hiện các yêu cầu về an toàn và sức khỏe lao động.

3. TỔNG QUAN PHÁP LUẬT VỀ LAO ĐỘNG: ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN

Phần này trình bày các khía cạnh chính của luật lao động trong nước liên quan đến điều khoản và điều kiện làm việc, và cách áp dụng luật pháp quốc gia đối với các loại lao động khác nhau được xác định trong Phần 1. Tổng quan về pháp luật liên quan đến các mục được nêu trong TCMTXH2, đoạn 11 (tức là về tiền lương, các khoản khấu trừ và quyền lợi).

4. TỔNG QUAN PHÁP LUẬT VỀ LAO ĐỘNG: SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG

Phần này trình bày các khía cạnh chính của luật lao động trong nước liên quan đến sức khỏe và an toàn lao động, và cách áp dụng luật pháp quốc gia đối với các loại lao động khác nhau được xác định trong Phần 1. Tổng quan về pháp luật liên quan đến các mục được nêu trong TCMTXH2, đoạn từ 24 đến 30.

5. NHÂN VIÊN CHỊU TRÁCH NHIỆM

Phần này xác định các chức năng và/hoặc cá nhân trong dự án chịu trách nhiệm (nếu phù hợp) đối với:

- a. tuyển dụng và quản lý lao động dự án
- b. tuyển dụng và quản lý các nhà thầu/nhà thầu phụ
- c. sức khỏe và an toàn lao động (OHS)
- d. đào tạo lao động
- e. giải quyết khiếu nại của lao động

Trong một số trường hợp, phần này sẽ xác định các chức năng và/hoặc cá nhân từ các nhà thầu hoặc nhà thầu phụ, đặc biệt ở các dự án có lao động được thuê bởi bên thứ ba.

6. CHÍNH SÁCH VÀ QUY TRÌNH

Phần này trình bày thông tin về OHS, chính sách báo cáo và giám sát và các chính sách chung khác của dự án. Khi phù hợp, nó xác định pháp luật quốc gia áp dụng.

Khi các rủi ro an toàn chính đã được xác định là một phần của Phần 2, phần này sẽ nêu ra cách giải quyết chúng. Trường hợp nhận diện được rủi ro lao động cưỡng bức, phần này trình bày cách giải quyết những vấn đề này (xem TCMTXH2, đoạn 20 và các GN liên quan). Trường hợp nhận diện có rủi ro lao động trẻ em, vấn đề này được giải quyết trong Mục 7.

Trong trường hợp Bên vay có các chính sách hoặc thủ tục riêng, chúng có thể được tham chiếu đến hoặc đưa vào làm phụ lục của LMP, cùng với các tài liệu hỗ trợ khác.

7. TUỔI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Phần này trình bày các chi tiết liên quan đến:

- a. Độ tuổi tối thiểu làm việc trong dự án
- b. Quy trình sẽ được tuân thủ để xác minh tuổi của lao động trong dự án
- c. Quy trình sẽ được tuân thủ nếu phát hiện công nhân chưa đủ tuổi làm việc trong dự án
- d. Quy trình thực hiện đánh giá rủi ro cho người lao động trong độ tuổi từ tối thiểu đến 18 tuổi.

Xem TCMTXH2, đoạn 17 đến 19 và các GN liên quan.

8. ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN

Phần này nêu ra các chi tiết liên quan đến:

- e. Tiền lương cụ thể, giờ làm việc và các quy định khác áp dụng cho dự án
- f. Số giờ tối đa có thể làm việc trong dự án
- g. Bất kỳ thỏa ước tập thể nào áp dụng cho dự án. Khi phù hợp, cung cấp một danh sách các thỏa ước và mô tả các đặc điểm và quy định chính
- h. Các điều khoản và điều kiện cụ thể khác

9. CƠ CHẾ KHIẾU NẠI

Phần này trình bày chi tiết về cơ chế khiếu nại sẽ cung cấp cho lao động trực tiếp và lao động hợp đồng và mô tả cách thức để những lao động đó được biết về cơ chế này.

Khi các lao động cộng đồng tham gia vào dự án, chi tiết về cơ chế khiếu nại cho những lao động này được nêu trong Mục 11.

10. QUẢN LÝ NHÀ THẦU

Phần này trình bày các chi tiết liên quan đến:

- a. Quy trình lựa chọn cho các nhà thầu, như được thảo luận trong TCMTXH2, đoạn 31 và GN 31.1.
- b. Các điều khoản hợp đồng sẽ được áp dụng liên quan đến các nhà thầu để quản lý các vấn đề lao động, bao gồm cả sức khỏe và an toàn lao động, như được thảo luận trong TCMTXH2, đoạn 32 và GN 32.1
- c. Quy trình quản lý và giám sát kết quả làm việc của các nhà thầu, như đã thảo luận trong TCMTXH2, đoạn 32 và GN 32.1

11. LAO ĐỘNG CỘNG ĐỒNG

Khi có lao động cộng đồng tham gia vào dự án, phần này trình bày chi tiết các điều khoản và điều kiện làm việc và xác định các biện pháp kiểm tra xem liệu lao động cộng đồng được cung cấp trên cơ sở tự nguyện. Nó cũng cung cấp chi tiết về loại thỏa ước được yêu cầu và cách thức các thỏa thuận này được lập văn bản. Xem GN 34.4.

Phần này trình bày chi tiết về cơ chế khiếu nại đối với lao động cộng đồng và vai trò và trách nhiệm giám sát những người lao động đó. Xem TCMTXH2, đoạn 36 và 37.

12. LAO ĐỘNG CỦA NHÀ CUNG CẤP CHÍNH

Khi đã xác định được rủi ro đáng kể về lao động trẻ em hoặc lao động cưỡng bức hoặc các vấn đề nghiêm trọng về an toàn liên quan đến các nhà cung cấp chính, phần này nêu ra quy trình giám sát và báo cáo về lao động của nhà cung cấp chính.

PHỤ LỤC 10: GIỚI

Cách tiếp cận tổng thể của Ngân hàng về Giới được hướng dẫn bởi Chiến lược giới (FY16-23) và OP4.20: Giới và Phát triển của Nhóm Ngân hàng Thế giới. Chiến lược về giới được hỗ trợ bởi một số công cụ cấp quốc gia và cấp ngành như kế hoạch hành động về giới của khu vực, chẩn đoán quốc gia (và ở một số khu vực, cùng với các cương lĩnh và kế hoạch hành động quốc gia) và Hướng dẫn theo dõi thực hành Chiến lược giới toàn cầu.

Ở cấp độ dự án, các quy định về giới trong ESF tập trung vào bình đẳng và hòa nhập giới, đặc biệt là trong bối cảnh giải quyết các nhóm yếu thế hoặc dễ bị tổn thương, bao gồm các rủi ro bạo lực trên cơ sở giới. Hướng dẫn thực hành tốt năm 2018 về GBV đưa ra các hướng dẫn về quản lý rủi ro lợi dụng và lạm dụng tình dục (SEA)/quấy rối tình dục (SH) có thể phát sinh trong các Dự án đầu tư liên quan đến các công trình xây lắp lớn. ESF cũng thúc đẩy các cơ hội ở cấp độ dự án để thu hẹp khoảng cách lớn về giới.

Bên vay chịu trách nhiệm đáp ứng các yêu cầu của các TCMTXH trong khi Ngân hàng thực hiện thẩm định theo ESF. Ngân hàng sẽ hỗ trợ Bên vay trong việc áp dụng TCMTXH cho các dự án được hỗ trợ thông qua Tài trợ Dự án Đầu tư theo ESF. Thành công của việc thực hiện ESF phụ thuộc rất nhiều vào sự hiểu biết và tham gia của Bên vay về các vấn đề được giải quyết theo ESF, trong đó có khoảng cách về giới. Để đạt được điều đó, Ngân hàng sẽ cung cấp hỗ trợ khi cần bao gồm đào tạo kỹ thuật cho nhân viên của Đơn vị thực hiện dự án về các yêu cầu của ESF về giới và giám sát hiệu quả thực hiện của dự án trong toàn bộ chu trình dự án.

Các giai đoạn khác nhau của chu trình dự án - xác định dự án, đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội, thẩm định, thực hiện và giám sát - tất cả đều tạo cơ hội thúc đẩy bình đẳng giới và đưa vào cấp độ dự án theo năm cơ chế cụ thể:

- a. **Xác định phạm vi** ban đầu của rủi ro và tác động của dự án, bao gồm cả những rủi ro phát sinh từ bất bình đẳng giới;
- b. **Đánh giá** các rủi ro và tác động môi trường và xã hội và thiết kế các biện pháp giảm thiểu theo cách xác định và bảo vệ càng nhiều càng tốt giúp giảm thiểu khoảng cách giới (bao gồm ESIA, ESMP, RAP, LMP và SEP như được nêu trong các TCMTXH). Có thể cần một phân tích toàn diện về giới;
- c. **thu hút sự tham gia của các bên liên quan** với các nhu cầu và rủi ro cụ thể về bất bình đẳng giới trong tham vấn có ý nghĩa, công bố thông tin và giải quyết khiếu nại trong suốt chu trình dự án (như quy định trong SEP);
- d. thỏa thuận về **các cam kết** chính liên quan đến các cân nhắc về giới trong ESCP;
- e. **quản lý rủi ro thích ứng và giám sát các kết quả dự án liên quan đến giới.**